

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
CỦA HUYỆN HOÀNG HÓA**

HOÀNG HÓA - 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021
CỦA HUYỆN HOÀNG HÓA

Ngàytháng.....năm

SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
TỈNH THANH HOÁ

Ngàytháng.....năm

UBND HUYỆN HOÀNG HÓA

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
I. Tính cấp thiết của lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	1
II. Cơ sở pháp lý thực hiện dự án: lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoàng Hóa	2
III. Mục đích và ý nghĩa lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa.....	7
IV. Sản phẩm giao nộp của dự án.....	8
V. Bố cục của báo cáo.....	8
PHẦN I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	9
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.....	9
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	9
1.1.1. Vị trí địa lý.....	9
1.1.2. Địa hình, địa mạo:	10
1.1.3. Khí hậu:	12
1.1.4. Thủy văn:	13
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên	13
1.2.1. Tài nguyên đất:.....	13
1.2.2. Tài nguyên nước:.....	15
1.2.3. Tài nguyên rừng:	17
1.2.4. Tài nguyên khoáng sản:	17
1.2.5. Tài nguyên biển:.....	17
1.2.6. Tài nguyên nhân văn và du lịch	18
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường	19
1.4. Đánh giá chung	20
1.4.1. Thuận lợi và cơ hội phát triển.....	20
1.4.2. Những tồn tại, hạn chế.....	21
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI	21
2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế xã hội.....	21
2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	21
2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp.....	21
2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp	24
2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ	26
2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	26
2.4. Thực trạng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn.....	27
2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị.....	27

2.4.2. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn.....	27
2.5. Thực trạng phát triển hạ tầng	28
2.5.1. Giao thông.....	28
2.5.2. Thủy lợi	36
2.5.3. Giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.....	37
2.5.4. Văn hóa, thể dục - thể thao	38
2.5.5. Y tế.....	39
2.5.6. An ninh, quốc phòng.....	39
2.6. Đánh giá chung	40
2.6.1. Kết quả đạt được.....	40
2.6.2. Hạn chế.....	41
2.6.3. Nguyên nhân	41
III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	41
3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn	42
3.2. Tác động của sự nóng lên toàn cầu	43
3.3. Tác động của các hiện tượng khí hậu cực đoan và thiên tai.....	43
3.4. Phân tích đánh giá về sa mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.....	43
PHẦN II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI	45
I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI.....	45
1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	45
1.1.1. Tình hình đo đạc, lập bản đồ địa chính:	45
1.1.3. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai:	46
1.1.4. Công tác quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất.	47
1.1.5. Công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết đơn khiếu nại tố cáo về đất đai.	47
1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.....	47
1.2.1. Những kết quả đạt được.....	49
1.2.2. Những tồn tại cần được khắc phục.....	49
1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai	50
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT	50
2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất	50
2.1.1. Hiện trạng đất nông nghiệp:.....	52
2.2.2. Nguyên nhân biến động	59
3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	63
3.1.1. Đất nông nghiệp	65
3.1.2. Đất phi nông nghiệp	66

3.1.3. Đất chưa sử dụng.....	68
3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	68
3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.....	69
4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp	71
4.2.1. Tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát thương mại, dịch vụ, du lịch.....	71
4.2.2. Tiềm năng phát triển các khu đô thị.....	71
PHẦN III. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	72
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	72
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	72
1.2. Quan điểm sử dụng đất.....	73
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng	74
II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	85
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất năm 2030.....	85
2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	85
2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.....	86
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng.....	87
2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất (quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện)	87
2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	88
2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	89
2.2.3.1. Đất nông nghiệp	89
2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp	94
2.2.3.3. Đất chưa sử dụng.....	109
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng	110
III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	111
3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	111
3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.....	112
3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất	112
3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng	112

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc	113
3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.....	113
PHẦN IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU KỲ QUY HOẠCH.....	115
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO LOẠI ĐẤT.....	115
1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	115
1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	116
1.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021.....	116
1.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân	117
1.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	126
1.3.1. Đất nông nghiệp	126
1.3.2. Đất phi nông nghiệp	130
1.3.3. Đất chưa sử dụng.....	142
II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	142
III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI.....	143
IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	145
V. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2021	146
VI. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH.....	146
5.1. Cơ sở tính toán.....	146
5.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	147
5.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	147
PHẦN V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	149
I. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	149
II. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	149
2.1 giải pháp về chính sách	149
2.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư.....	150
2.3. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai.....	151
2.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện	152
2.5. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật	153
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	155
I. KẾT LUẬN	155
II. KIẾN NGHỊ	156

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Tính cấp thiết của lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội mà quỹ đất đai có giới hạn, các nhu cầu về đất ngày càng tăng nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quy hoạch sử dụng đất là công cụ, biện pháp để nhà nước quản lý, tổ chức sử dụng đất đai đạt hiệu quả.

Điều 53, Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Điều 36 Luật Đất đai năm 2013 quy định hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo cấp lãnh thổ hành chính, theo ngành và được cụ thể hoá tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ. Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp.

Theo Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản dưới Luật, năm 2020 Ủy ban nhân dân huyện Hoằng Hóa đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoằng Hóa. Quy hoạch sử dụng đất là một trong các căn cứ để bố trí sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, góp phần đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai đi vào nền nếp, đúng pháp luật, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ trước mắt mà cả về lâu dài. Căn cứ vào đặc điểm điều kiện tự nhiên, phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi vùng lãnh thổ, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm định hướng cho các ngành các cấp trên địa bàn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của mình, tạo cơ sở pháp lý để bố trí sử dụng đất đai hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan môi trường, đồng thời đáp ứng được yêu cầu thống nhất quản lý nhà nước về đất đai. Đặc biệt trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là yêu cầu cấp thiết đối với mọi cấp lãnh thổ hành chính.

Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện là sự cụ thể hóa các chỉ tiêu phân bổ của cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn huyện nhằm tạo điều kiện cần thiết để tổ chức sử dụng đất có hiệu quả cao. Quy hoạch sử dụng đất có nhiệm vụ bố trí sắp xếp lại sản xuất nông nghiệp, các công trình xây dựng cơ bản, các khu chức năng, các công trình văn hóa phúc lợi công cộng một cách hợp lý hiệu quả hơn.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 sẽ hết hiệu lực vào cuối năm 2020. Để có căn cứ pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho các năm tiếp theo, việc lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là rất cần thiết. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác lập quy hoạch sử dụng đất cho giai đoạn mới với mục tiêu đáp ứng yêu cầu sử dụng đất, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, thống nhất, hài hòa giữa các lĩnh vực, UBND huyện Hoằng Hóa tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Đây sẽ là căn cứ mang tính pháp lý và khoa học làm cơ sở sử dụng đất, phân bổ hợp lý quỹ đất, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao và bền vững đất đai, thiết lập các hành lang pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất... phù hợp với yêu cầu phát triển KTXH của địa phương.

Như vậy, để đảm bảo tính đồng nhất của hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất và đồng thời phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cần thiết phải tiến hành ***Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.***

II. Cơ sở pháp lý thực hiện dự án: Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoằng Hóa

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật Di sản Văn hóa ngày 29/6/2001;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009 của Quốc hội;
- Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12
- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014
- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016 của Quốc hội;
- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/06/2017 của Quốc hội;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH13 ngày 20/11/2018;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (hợp phần sông Mã);
- Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thanh Hóa;
- Nghị quyết 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;
- Nghị quyết số 58 NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 05/8/2020 về việc xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị (Khóa XII) về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;
- Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;
- Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020,
- Quyết định số 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/04/2013 của Bộ GTVT phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa đến năm 2020 định hướng đến 2030; và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/06/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 872/QĐ- TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc

phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (Khoản 8, Mục I; Khoản 7, Mục V, Điều 1);

- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 01/03/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1026/QĐ-TTg ngày 8/6/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065;

- Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT;

- Quyết định số 2368/QĐ-BGTVT ngày 29/07/2016 của Bộ GTVT phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Bắc Trung Bộ (Nhóm 2) giai đoạn đến năm 2020 định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3615/QĐ-UBND, ngày 14/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

- Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010 đến 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 4364/QĐ-UBND, ngày 28/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2011- 2020;

- Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 17/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tổng thể quy hoạch thủy lợi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND tỉnh về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Hoàng Hóa;

- Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

- Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm

2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh v/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng ven biển Hoàng Hóa và quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoàng Hóa tại Văn bản số 4524/UBND-CN ngày 26/4/2018

- Quyết định số 1252/QĐ-UBND, ngày 11/04/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực ven QL1A (tiểu dự án 2) đoạn qua địa bàn huyện Hoàng Hóa;

- Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

- Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 01/2/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt quy hoạch tuyến đường Thịnh Đông;

- Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung và cải tạo Thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 4524/UBND-CN ngày 26/4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoàng Hóa;

Quyết định số 4929/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;

- Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Hoằng Hóa;
- Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá xây dựng nhà mới đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và quy định việc xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ;
- Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định bảng giá các loại đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh.
- Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt danh mục chợ xóa bỏ, chợ bổ sung mới vào điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 tại Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Hoằng Hóa;
- Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa;
- Quyết định số 1481/QĐ- UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;
- Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa v/v phê duyệt nhiệm vụ QH chung xây dựng Đô thị Phú Quý, huyện Hoằng Hóa đến năm 2040;
- Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa v/v phê duyệt nhiệm vụ QH chung xây dựng Đô thị Thịnh Lộc, huyện Hoằng Hóa đến năm 2040;
- Quyết định số 5241/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa đến năm 2030;
- Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030

- Văn bản số 1792/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 – 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện khi quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt;

- Công văn số 10696/UBND-NN ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai Quyết định số 1708/QĐ-BTNMT ngày 05/8/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 10643/UBND-NN ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện khi quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt;

- Công văn số 10836/UBND-NN ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc thực hiện công văn số 1004/TTg-NN ngày 30/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp, đất ở tại các đô thị đến năm 2020;

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khoá XIX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Hoằng Hóa nhiệm kỳ 2020-2025;

- Quy hoạch phát triển đến năm 2030 của các ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công nghiệp, Giao thông vận tải, Xây dựng, Thủy lợi, Giáo dục - Đào tạo, Văn hoá Thể thao, Thương mại và Du lịch... Các chương trình dự án khả thi của Trung ương và địa phương đang được triển khai trên địa bàn;

- Các chỉ tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030 của tỉnh Thanh Hóa và huyện Hoằng Hóa.

- Niên Giám thống kê huyện Hoằng Hóa năm 2019;

- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 huyện Hoằng Hóa;

- Số liệu thống kê đất đai năm 2020 huyện Hoằng Hóa;

- Các tài liệu khác có liên quan.

III. Mục đích và ý nghĩa lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoằng Hóa

- Rà soát đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 trước đây đã được UBND tỉnh phê duyệt nhằm nghiên cứu để lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cho các ngành, lĩnh vực và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội

và xây dựng cơ sở hạ tầng của huyện.

- Rà soát, cập nhật các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cho phù với quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc đầu tư, thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả, từng bước ổn định công tác quản lý và sử dụng đất.

- Khoanh định, phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các cấp theo quy hoạch phải được cân đối trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đã được điều chỉnh, bổ sung, đảm bảo không bị chòng chéo trong quá trình sử dụng.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hoà giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

IV. Sản phẩm giao nộp của dự án

Hồ sơ Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoằng Hóa sau khi được xét duyệt bao gồm những sản phẩm sau:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Hoằng Hóa;

- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hoằng Hóa;

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoằng Hóa;

- Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, thông qua Hội đồng nhân dân, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét duyệt.

Hồ sơ Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoằng Hóa được lập thành 04 bộ và được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh một bộ (01), Sở Tài nguyên và Môi trường một bộ (01), Ủy ban nhân dân huyện một bộ (01), Phòng Tài nguyên và Môi trường một bộ (01).

V. Bố cục của báo cáo

Ngoài các phần Đặt vấn đề; Kết luận và Kiến nghị Báo cáo bao gồm các phần sau:

- Phần thứ nhất: Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội;

- Phần thứ hai: Tình hình quản lý sử dụng đất đai;

- Phần thứ ba: Phương án quy hoạch sử dụng đất;

- Phần thứ tư: Kế hoạch sử dụng đất năm 2021

- Phần thứ năm: Giải pháp thực hiện.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Hoàng Hóa là một huyện đồng bằng ven biển lại nằm ngay cửa ngõ phía Bắc thành phố Thanh Hóa. Huyện có ranh giới hành chính như sau:

- Phía Đông giáp Biển Đông.
- Phía Tây giáp thành phố Thanh Hóa và huyện Thiệu Hoá.
- Phía Nam giáp TP. Thanh Hoá, huyện Quảng Xương và thành phố Sầm Sơn.
- Phía Bắc giáp huyện Hà Trung và giáp huyện Hậu Lộc.

Huyện Hoàng Hoá có vị trí địa lý thuận lợi trong việc giao lưu, phát triển kinh tế, xã hội với bên ngoài.

Trên địa bàn huyện có Quốc Lộ 1A và đường sắt Bắc Nam là một trong những trục đường giao thông quan trọng nhất Việt Nam chạy qua giữa huyện Hoàng Hoá từ phía Bắc đến phía Nam dài khoảng 12 km. Phía Tây, Tây Nam và Nam huyện Hoàng Hoá là con sông Mã bắt nguồn từ Vân Nam Trung Quốc. Nằm bên tả ngạn của sông huyện Hoàng Hoá nối liền với thành phố Thanh Hoá bằng hai cây cầu Hàm Rồng và Hoàng Long

Hoàng Hoá là một huyện đồng bằng ven biển Thanh Hoá và nằm ở trung tâm 4 khu công nghiệp lớn của Thanh Hoá đó là: Cách khu công nghiệp Lễ Môn 10 km, khu công nghiệp Bim Sơn 25 km, khu công nghiệp Nghi Sơn 55 km, khu công nghiệp Mục Sơn – Lam Sơn 35 km.

Như vậy có thể thấy được huyện Hoàng Hoá có vị trí địa lý vô cùng thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế, văn hoá và khoa học bên ngoài. Huyện không những có thuận lợi giao thông đường bộ, đường sắt mà cả đường thuỷ.



Hình 1: Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng huyện Hoằng Hóa

1.1.2. Địa hình, địa mạo:

Hoằng Hoá là một vùng châu Thổ được bồi đắp bởi sự bào mòn của nền đất cũ, của hiện tượng biển lùi và của sự lắng đọng phù sa do sông Mã, sông Chu tạo nên. là một huyện đồng bằng ven biển địa hình của huyện Hoằng Hoá tương đối bằng phẳng, nhưng bị chia cắt mạch bởi rất nhiều sông lạch. Hai con sông lớn là sông Lạch Trường và sông Cung chia huyện Hoằng Hoá thành ba vùng tự nhiên có địa hình tương đối khác nhau: vùng ven biển, vùng nằm giữa con sông Cung và sông Lạch Trường và vùng ở bên kia phía Tây con sông Lạch Trường.

* Vùng ven biển có 8 xã bao gồm: Hoằng Trường, Hoằng Yên, Hoằng Hải, Hoằng Ngọc, Hoằng Thanh, Hoằng Đông, Hoằng Phú và Hoằng Tiến.

Đặc điểm chính của địa hình vùng này là hình lượn sóng nơi thấp, nơi cao được hình thành bởi dòng hải lưu xuôi ngược dọc bờ biển, bởi các đợt sóng nhào, bởi phù sa sông Mã,... Độ cao của nền địa hình dao động từ 1,2 đến 3,8 m. Nơi cao là những dải cồn cát còn nơi trũng bao gồm những dải đất hẹp hơn là những ruộng lúa. Với địa hình như vậy độ màu mỡ của đất trong vùng cũng không đều. Những vùng đất càng gần mép biển đất đai càng nhiều cát chỉ trồng được khoai, vùng, ngược lại phía trong giáp với con sông Cung thì đất đai khá màu mỡ phù hợp với nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày cho năng suất cao.

Hầu hết các dải cồn cát gần giáp biển đều nằm trên cấp địa hình rất cao, diện tích còn lại của vùng ở cấp địa hình vùn và vùn thấp. Vùng ven biển không phải bao la chỉ là những dải cồn cát mà còn có dãy núi Linh Trường chạy dọc ven theo sông Lạch Trường như hình rồng bay hướng ra biển Đông nằm trên địa phận 2 xã Hoằng Trường và Hoằng Yến. Dãy núi này bao gồm 7 ngọn nằm liền kề nhau. Độ cao của chúng dao động từ 76 m – 202 m và có chiều hướng nghiêng dần về phía Tây Nam. Đây là dãy núi lớn thứ 2 của huyện Hoằng Hoá sau dãy núi Sơn Trang nằm trên địa phận 3 xã Hoằng Trung, Hoằng Xuân ở phía Tây Bắc của huyện.

* Vùng lúa màu (nằm giữa sông Cung và sông Lạch Trường)

Sự hình thành và phát triển của địa hình vùng này cũng tương tự như vùng ven biển. Nó chỉ khác là hình thành trước và tác động trực tiếp của phù sa sông Mã khi chưa có đê ngăn trước sông Mã từ nguồn đổ về. Đây là một vùng được bao bọc bởi sông Cung phía Đông, sông Lạch Trường ở phía Tây và phía Bắc, sông Mã phía Nam. Địa hình này được phân rõ qua việc sắp xếp các làng mạc hiện nay của các xã. Khu dân cư đều nằm trên địa hình có độ cao trên 3 m, đặc biệt các xã, Hoằng Lộc, Hoằng Thái, Thị trấn Bút Sơn (xã Hoằng Vinh cũ), Hoằng Thành, Hoằng Thắng, Hoằng Đồng độ cao của nền địa hình trên 4,2 m. Đây cũng là các xã có những cánh đồng màu lớn nhất huyện.

Cấp địa hình của toàn vùng này đều nằm cấp địa hình vùn và cao, trừ xã nằm trên cấp địa hình trũng đó là Hoằng Đông.

* Vùng thứ 3 là vùng lúa nằm ở phía Tây con sông Lạch Trường bao gồm 13 xã mà người ta thường gọi 13 xã bên kia sông Lạch Trường.

Đặc trưng lớn nhất địa hình của vùng này là hầu hết các cánh đồng của vùng đều nằm trên địa hình trũng và vùn thấp. Độ cao trung bình của nền địa hình dao động ở 1,5 – 1,8 m. Trong vùng có rất nhiều ao hồ đầm trấu được tạo nên do nạn vỡ đê sông Mã trước đây. Đây là một vùng đồng bằng nhưng các núi của huyện Hoằng Hoá đều nằm trên tiểu vùng này. Phía Tây Bắc của vùng là dãy núi Sơn Trang kéo dài từ ngã Ba Bông thuộc địa phận xã Hoằng Xuân đến xã Hoằng Trung. Dãy núi có rất nhiều ngọn trùng điệp nối liền nhau, ngọn cao nhất 278,6 m ranh giới giữa 2 xã Hoằng Trung và Hoằng Xuân. Độ cao của dãy núi nghiêng dần từ Bắc xuống Nam. Ngoài ra trên địa phận xã Hoằng Sơn có 2 ngọn núi nằm liền kề nhau có độ cao không quá 50 m và ở xã Hoằng Trinh có ngọn núi Cửi độ cao 81,5 m.

Có thể thấy rằng địa hình huyện Hoằng Hoá tương đối bằng phẳng nhưng bị chia cắt mạnh bởi rất nhiều sông lạch. Toàn huyện có thể chia làm 3 vùng có địa hình khác nhau đó là vùng ven biển có địa hình lượn sóng của những dải cồn cát và những ruộng lúa; vùng đồng bằng đất trũng nằm bên tả ngạn sông Lạch Trường và vùng đồng màu trên địa hình có độ cao lớn hơn và chủ yếu có cấp địa hình rất cao đến vùn thấp.

Nhìn chung địa hình Hoằng Hoá được thiên nhiên ưu đãi, có núi, có sông, có đồng bằng được phù sa của dòng sông Mã và các sông khác ở Thanh Hoá bồi đắp. Địa hình, địa mạo huyện Hoằng Hóa thể hiện những nét chung của kiến tạo địa hình Việt Nam nói chung, tỉnh Thanh Hóa nói riêng: nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam và ở một trong ba dạng cơ bản là đồng bằng ven biển.

1.1.3. Khí hậu:

Hoằng Hoá mang đậm đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa của vùng ven biển miền Bắc Trung Bộ. Hàng năm thường chịu ảnh hưởng của 3 luồng gió chính. Gió mùa Đông Bắc thổi từ Trung Quốc và vịnh Bắc Bộ trong thời gian từ tháng 11 tới tháng 3 năm sau. Gió mùa Tây Nam thổi từ vịnh Bengan tràn qua lục địa luôn qua các dãy núi phía Tây, đặc biệt là dãy núi Trường Sơn thổi qua. Từ tháng 6 đến tháng 7 trung bình mỗi năm có 18 đến 20 ngày gió mùa Tây Nam rất khô và nóng, nhân dân thường gọi là gió Lào. Và mùa gió Đông Nam mát mẻ thổi vào từ biển Thái Bình Dương.

Khí hậu Hoằng Hóa cùng như vùng ven biển phía Bắc miền Trung chia làm 2 mùa rõ rệt; mùa nóng và mùa lạnh. Mùa nóng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa này thời tiết rất nóng nực, nhiệt độ trung bình là 27,3⁰C nhưng có khi lên tới 40⁰C. Mùa lạnh thường bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Đặc điểm của mùa này là khô và lạnh. Trong các tháng mùa đông, các điều kiện thời tiết như sương mù, hoặc bầu trời u ám nặng kéo theo mưa phùn nhẹ là phổ biến và có thể kéo dài đến nhiều ngày liên tục.

Trung bình hàng năm có khoảng 4 – 5 trận bão tác động đến địa phận huyện Hoằng Hoá. Sức gió của những cơn bão thường có cường độ từ cấp 7 đến cấp 9, thậm chí có những trận bão lên đến cấp 12 hoặc cấp 13. Hoằng Hoá là một vùng ven biển nên thường phải chịu sự phá hoại nặng nề của những trận bão lớn. Các cơn bão này thường kèm theo mưa lớn và hay gây ra ngập úng trên địa phận toàn huyện. Hoằng Hoá nằm ở vùng châu thổ của con sông Mã có nhiều con sông cùng đồng thời đổ về sông Mã trước đó nên về mưa bão thường có nguy cơ gây ra vỡ đê. Không những thế những xã ven biển thường gặp phải những trận gió to, cuộc xoáy, nước dâng. Nhiều khi đó là một thảm họa thiên nhiên đe dọa tính mạng hàng ngàn con người, phá hủy mùa màng, cơ sở hạ tầng và làm nhiễm mặn cả một vùng rộng lớn.

Do ở hạ lưu con sông Mã nằm trên địa bàn huyện không có mưa nhưng vẫn xảy ra ngập lụt. Bởi vì mưa nguồn nước trên thượng lưu đổ về với lưu lượng lớn. Khi đó hoa màu của các xã dọc hai bên bờ sông Mã, sông Lạch Trường thường bị hư hại nặng.

1.1.4. Thủy văn:

Huyện Hoàng Hóa nằm trong vùng thủy văn Sông Mã. Mùa lũ bắt đầu từ tháng 5, kết thúc vào tháng 10 và có thể muộn hơn tùy từng năm; là vùng mưa lớn, lượng mưa trung bình hàng năm (1.500 - 1.900) mm/năm, bao gồm các sông: Sông Mã, Sông Lạch Trường, Sông Cùng và rất nhiều các con sông nhỏ khác, thường bắt nguồn từ Sông Mã chảy về phía Đông.

Về thủy văn, huyện Hoàng Hóa có những thuận lợi nhưng cũng có nhiều khó khăn. Bao đời nay, nhân dân trong huyện đã không ngừng lao động để khắc phục những khó khăn, trên địa bàn huyện có một số con sông chính như:

Con sông quan trọng nhất của Hoàng Hoá là sông Mã. Nó chảy ở phía Tây Nam huyện và là ranh giới của huyện Hoàng Hoá với các huyện Thiệu Hoá, Yên Định, thành phố Thanh Hoá và huyện Quảng Xương. Bắt đầu vào đất Hoàng Hoá ở ngã Ba Bông sông Mã chảy ra đến cửa Hới thuộc xã Hoàng Phụ dài 34,5 km. Chiều rộng của con sông từ 300 m trở lên và được đặc trưng bởi những bãi cát rộng giữa dòng sông.

Con sông lớn thứ 2 – sông Lạch Trường là con sông nước lợ ở phía Bắc huyện, con sông là ranh giới với huyện Hậu Lộc dài 12,3 km. Đến cuối xã Hoàng Đạt con sông Lạch Trường chia làm 2 nhánh. Một nhánh chảy ở phía Đông 2 xã Hoàng Xuyên, Hoàng Cát ra cầu Tào và nối vào con sông Mã dài 13 km. Nhánh kia tiếp tục làm ranh giới với huyện Hậu Lộc và qua 2 xã Hoàng Xuyên và cuối cùng là Hoàng Sơn dài gần 8 km.

Con sông thứ 3 đề cập đến trong phần này là sông Cùng. Con sông này nối liền hai con sông Mã với sông Lạch Trường Vì nối liền 2 con sông ở ngay gần cửa biển nên thủy triều thường dâng lên và dẫn theo nước mặn đổ vào con sông này.

Phía Tây Bắc của huyện Hoàng Hóa còn rất nhiều các con sông nhỏ khác thường bắt nguồn từ con sông Mã chảy về phía Đông. Nước ở các con sông này là nước ngọt. Đây chính là nguồn cung cấp nước tưới cho đồng ruộng của huyện. Tổng chiều dài của tất cả các con sông này khoảng 45 km. Trong đó lớn nhất là 2 con sông Trà Giang và sông Áu.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất:

Theo kết quả đánh giá đất trên địa bàn huyện Hoàng Hóa, đất được phân thành 6 nhóm đất chính bao gồm :

a. Nhóm cồn cát và đất cát biển:

1- Cồn cát trắng vàng: Được phân bố thành dải hẹp kéo dài từ Hoàng Trường đến Hoàng Phụ dọc bờ biển chủ yếu nằm trên cấp địa hình vùn cao. Cồn cát trắng điển hình được sử dụng trồng đai rừng chắn gió (chủ yếu là phi lao) và làm đất thổ cư.

2- Đất cát biển chưa điển hình : Loại đất cát biển chưa điển hình phân bố tập chung ở địa hình cao và vùn cao thuộc các xã Hoàng Lộc, Hoàng Thành, Hoàng Thắng, Hoàng Lưu, Hoàng Thái, Hoàng Hải, Hoàng Trường, Hoàng Thanh, Hoàng

Phụ. Nhóm đất này được hình thành do sự bồi đắp của phù sa biển, thành phần cơ giới từ trên xuống toàn là cát, càng xuống dưới cát càng thô. Lớp mặt do tác động canh tác của con người nên mịn hơn. do đó chỉ thích hợp với các giống cây trồng chịu hạn như khoai lang, lạc, đậu, ngô, vừng,...

b. Nhóm đất mặn:

1- Đất mặn nhiều : Phân bố ven dọc sông Trường Giang, sông Cung và sông Mã đoạn gần cửa sông đổ ra biển Đông thuộc địa giới các xã Hoàng Đạt, Hoàng Yên, Hoàng Hà, Hoàng Đạo, Hoàng Thắng, Hoàng Phong, Hoàng Châu, Hoàng Phụ. Đây là những vùng đất đang có xu hướng chuyển sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng cói.

2- Đất mặn trung bình và ít :

Đất mặn trung bình và ít cơ giới nhẹ: Phân bố cũng ở một số xã nêu ở phần trên nhưng nằm ở phía bên trong đất mặn nhiều cách xa sông hơn.

Đất mặn trung bình và ít Glây nông (M –gl) Diện tích 564 ha phân bố ở các xã ven sông Cung như Hoàng Đông, Hoàng Ngọc, những vùng trong đê. Nhóm đất này đã đưa vào cấy lúa và trồng cói.

c. Nhóm đất phèn:

Phân bố ở các xã Hoàng Phụ, Hoàng Sơn, Hoàng Lương. Đặc điểm của vùng đất này là vừa bị mặn vừa bị chua nên bất lợi cho sự sinh trưởng của cây trồng. Loại đất này phần lớn đã đưa vào sử dụng cấy lúa nhưng năng suất thấp do chưa được cải tạo tốt, hiện còn một số diện tích bị bỏ hoang. Muốn đạt năng suất cao phải cải tạo mặn và cạo chua bằng biện pháp thủy lợi với bón vôi. Những nơi còn hoang hoá hoặc năng suất lúa thấp nên đưa vào nuôi trồng thủy sản.

d. Nhóm đất phù sa:

1- Đất phù sa trung tính ít chua: Phân bố ở các xã ven sông Mã kéo dài từ Hoàng Xuân xuống đến Cầu Tào và ven sông Lạch Trường. Đây là loại đất trẻ có độ phì khá, dễ canh tác quay vòng nhiều vụ trong một năm đầu tư ít nhưng thu nhập cao. Đất phù sa trung tính ít chua cơ giới nhẹ hầu hết được sử dụng vào sản xuất nông nghiệp. Hệ số sử dụng đất 3 – 4 vụ/năm.

2- Đất phù sa trung tính ít chua điển hình phân bố hầu hết ở các xã vùng lúa (Từ tả ngạn sông Trường Giang đến xã Hoàng Xuân) và một số xã vùng màu dọc bên hữu ngạn Sông Trường Giang như Hoàng Minh, Hoàng Phúc. Loại đất này được hình thành do sự bồi đắp của các sông, nhưng từ khi có đê vùng đất này không được tiếp tục bồi đắp phù sa nữa phần diện đất đã thay đổi tính chất theo sử dụng của con người. Loại đất này thường nằm ở vị trí tương đối cao để thoát nước . Toàn bộ diện tích này được sử dụng trồng lúa, hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

3- Đất phù sa chua: Phân bố ở các xã Hằng Thịnh, Hoàng Phong, Hoàng Thắng, Hoàng Lương, Hoàng Quý, Hoàng Khê vv ... Đất có nguồn gốc hình thành giống như

loại đất phù sa trung tính ít chua điển hình, không Glây hoặc Glây yếu nhưng nằm ở vị trí thấp hơn và thường xuyên được tưới bằng hệ thống nông giang để cấy 2 vụ lúa/năm. Do đó trong phần diện đất đã xuất hiện tầng gờ lầy trung bình hoặc mạnh. Độ phì tương đối khá về mùn và đạm nhưng nghèo lân và bị chua.

e. Nhóm đất xám:

Đất xám Feralit điển hình phân bố ở các xã Hoàng Yên, Hoàng Trường và Hoàng Hải. Đất được hình thành và phát triển trên sản phẩm phong hoá của đá phiến sét. Đất có thành phần cơ giới trung bình hoặc nặng, chua và nghèo chất dinh dưỡng. Số lượng lớn diện tích đã được trồng rừng, diện tích còn lại là đất trống đồi núi trọc.

f. Đất tầng mỏng chua:

Phân bố ở các xã Hoàng Xuân, Hoàng Trung và Hoàng Trinh, đất có nguồn gốc hình thành là đất vàng trên đất sét, do bị khai phá hết rừng, đất bị trơ trọi, xói mòn mạnh, tầng đất mỏng dưới 30 cm có lẫn nhiều sỏi đá, không còn giá trị trong nông nghiệp. Cải tạo loại đất này chủ yếu phải phục hoá bằng các giống cây lâu năm như: thông, Bạch đàn.

Nhận xét chung về tài nguyên đất đai huyện Hoàng Hoá

- Hoàng Hoá là một huyện có tài nguyên đất khá đa dạng, toàn huyện có 6 nhóm đất chính, bao gồm các loại đất ven biển, đồng bằng và gò đồi. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển Nông - Ngư - Lâm nghiệp.

- Huyện có diện tích đất phù sa rất lớn chiếm trên 49% diện tích đất tự nhiên. Đây là loại đối tượng chính để sản xuất lương thực thực phẩm và các loại cây trồng hàng hoá xuất khẩu. Tài nguyên loại đất này là điều kiện đảm bảo an toàn lương thực cho huyện.

1.2.2. Tài nguyên nước:

a. Nước mặt.

Huyện Hoàng Hoá được thiên nhiên ưu đãi về tài nguyên nước. Sự dồi dào về nguồn nước mặt chủ yếu là do sự hiện diện của con sông Mã, chảy vòng quanh phía Tây Nam huyện Hoàng Hóa rồi ra biển, cùng với lượng mưa trung bình hàng năm tương đối cao (11.744,9 mm/năm).

Trong địa phận Hoàng Hoá còn có một hệ thống sông lạch chằng chịt nối với nhau. Con sông lớn nhất trong số đó là sông Lạch Trường. Sông Lạch Trường có một phần nằm ở phía Bắc huyện Hoàng Hoá có cửa sông đổ ra biển gọi là cửa Lạch Trường. Con sông Cung nối liền giữa 2 con sông Lạch Trường và con sông Mã. Dòng chảy của con sông này phụ thuộc vào chế độ thủy triều và lượng nước đầu nguồn con sông Mã đổ về. Do vậy, nước ở con sông là nước lợ. Ngược lại, phía Tây sông song với con sông Lạch Trường còn có con sông Gòng chảy qua Thị Trấn Bút Sơn, Hoàng Đạo, Hoàng Đạt và Hoàng Hà và nối với sông Cung. Sông Gòng là một con sông tiêu thủy cho những cánh

đồng của các xã cạnh nó. Nhìn chung nguồn nước ở hệ thống sông lạch này đều bị nhiễm mặn. Phía Tây của đường Quốc lộ 1A có nhiều con sông bắt nguồn từ sông Mã, sông Lèn như sông Trà Giang, sông Âu,... Những con sông này ít bị nhiễm mặn và đây cũng là nguồn nước ngọt chính cung cấp cho đời sống và sản xuất của cư dân Hoàng Hoá.

Là một huyện hay bị lũ lụt tàn phá nên trên địa phận Hoàng Hoá có rất nhiều ao, đầm, hồ được tạo thành và giờ đây nó trở thành những nơi dự trữ nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trong thời kỳ hạn hán và vùng để nuôi cá nước ngọt.

Tóm lại, Hoàng Hoá có nguồn nước mặt dồi dào do có con sông Mã chảy ở phía Tây Nam và lượng mưa hàng năm tương đối cao, trong vùng lại có rất nhiều ao, hồ, đầm. Tuy nhiên, hệ thống sông lạch trong lòng huyện Hoàng Hoá hầu như bị nhiễm mặn nhất là những con sông nằm ở phía Tây đường Quốc lộ 1A. Mặc dù vậy, nếu được điều tiết tốt lượng nước trong vùng có thể thoả mãn nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng.

b. Nước ngầm.

Ngoài những nguồn nước mặt, bên dưới huyện Hoàng Hoá có những tầng ngậm nước có khối lượng lớn. Theo điều tra của ngành Địa chất khí tượng thuỷ văn thì tầng nước ngầm ở huyện Hoàng Hoá là một vùng giàu nước không đều (đã được điều tra khảo sát tại xã Hoàng Xuân và lên bản đồ địa chất thuỷ văn). Việc cung cấp nước sinh hoạt ở nông thôn huyện Hoàng Hoá hầu như hoàn toàn dựa vào tầng nước ngầm. Hệ thống nước ngầm ở đây có 2 tầng chủ yếu:

- Tầng ngậm nước các trầm tích dạng Holocene.
- Tầng ngậm nước trong các trầm tích Pleistocene.

Các giếng đào của nhân dân chủ yếu sử dụng nước ở tầng ngậm nước các trầm tích dạng Holocene có độ dày thay đổi từ một vài mét đến 30 m. Đây là tầng nước có lưu lượng ít và hay bị nhiễm bẩn, vì vậy tầng nước này không có ý nghĩa trong việc cung cấp nước ở mức độ lớn. Trong một số vùng nước ở tầng này chứa nhiều sắt làm cho việc sử dụng bị hạn chế rất nhiều. ở các xã ven biển tầng nước này có nhiều nơi còn bị nhiễm mặn.

Tầng nước thứ 2 là tầng nước ở độ sâu hơn gọi là tầng ngậm nước trong các trầm tích Pleistocene. Chất lượng nước ở tầng này là rất tốt trên các xã của huyện Hoàng Hoá đặc biệt các xã vùng phía Tây đường Quốc lộ 1A.

Qua thăm dò nước ngầm của một số vùng thuộc tỉnh Thanh Hoá và nhiều nơi tìm thấy mỏ nước khoáng và có khả năng khai thác đưa vào kinh doanh trong giai đoạn tới. Tại ga Nghĩa Trang thuộc địa phận xã Hoàng Trung huyện Hoàng Hoá đã thăm giòi và xác định được rằng: Diện tích của mỏ nước khoáng khoảng 5 km². Trữ lượng mỏ nước khoáng này có thể cho chúng ta khai thác ở mức độ khoảng 1000 m³/ngày. Đây là loại nước khoáng nóng trên 30°C có chất lượng tốt.

Như vậy, khả năng nước ngầm sẵn có của huyện Hoằng Hoá không những đủ để cung cấp cho nhu cầu của cư dân trong huyện phục vụ đời sống sinh hoạt mà còn có những mỏ nước khoáng (đã được điều tra khảo sát) có khả năng khai thác thương mại trong tương lai.

1.2.3. Tài nguyên rừng:

Hoằng Hoá là một huyện đồng bằng nên tài nguyên rừng của Hoằng Hoá hoàn toàn là rừng trồng phòng hộ. Rừng trồng chỉ tập trung ở một số xã có núi như: Hoằng Xuân, Hoằng Trung, Hoằng Trinh, Hoằng Sơn, Hoằng Yên, Hoằng Trường. Cây trồng chủ yếu là phi lao, bạch đàn, thông, keo. Còn một số xã vùng ven biển chủ yếu là trồng rừng trên những bãi cát bồi để chắn sóng, chắn bụi cát biển và cải tạo đất. Cây trồng chủ yếu là phi lao. Diện tích đất lâm nghiệp có rừng của huyện ngày một tăng do phong trào trồng cây gây rừng của nhân dân, đặc biệt diện tích đất rừng trồng được tăng nhanh từ khi đất lâm nghiệp được giao cho hộ quản lý.

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản:

Hoằng Hoá là một huyện được coi là một vùng nghèo tài nguyên khoáng sản. Trên địa bàn huyện chưa phát triển những mỏ kim loại với trữ lượng có thể khai thác được. Ngành địa chất đã tìm kiếm thăm dò và có tài liệu về loại khoáng sản là vật liệu diêm hoá Felspat. Địa điểm thăm dò tại xã Hoằng Trường có tọa độ địa lý: 190 52' 31" vĩ độ Bắc và 1050 55' 05" . Mặt khác, đã phát hiện và khai thác nhiều đá thạch anh được dùng trong công nghiệp gốm sứ, thủy tinh cũng tại xã Hoằng Trường, Hoằng Yên. Titan cũng là một khoáng sản được tìm thấy trên địa phận Hoằng Hoá ở một số xã ven biển hiện đang bị một số người mua bán đất rừng trồng để khai thác trái phép làm huỷ hoại môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Hành động này cần được ngăn chặn kịp thời.

Các vật liệu chủ yếu được phát hiện và khai thác sử dụng ở huyện Hoằng Hoá cho ngành xây dựng là:

- Đá vôi để sản xuất xi măng, làm đá rải đường và trong công nghiệp xây dựng
- Đất sét để sản xuất gạch ngói
- Cát và sỏi để làm bê tông và các mục đích khác

1.2.5. Tài nguyên biển:

Huyện Hoằng Hoá có một đường bờ biển dài 12 km. Đặc điểm của khu vực bờ biển là:

- Có 2 cửa sông lớn cụ thể là sông Lạch Trường và sông Mã.
- Nằm giữa 2 cửa biển nên vùng biển có rất nhiều phù du sinh vật và thức ăn cho cá, tôm từ đất liền do 2 con sông tuôn ra.
- Hai cửa biển có điều kiện rất thuận lợi để xây dựng các cảng cá và hình thành xây dựng khu đô thị nghề biển (công nghiệp chế biến, bảo quản, cung cấp dịch vụ hậu cần,...).

Về mặt vật lý, đất đai các xã ven biển biến động lớn do tác động của phù sa bồi đắp, biển lùi,...tạo ra vùng đất mới. Tài nguyên đất vùng ven biển Hoàng Hoá có nhưng xã biển ăn vào (Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Phụ) kém thuận lợi hơn so với các xã khác trong huyện. Đất ở các xã này chủ yếu là đất chua, nhiễm mặn và tương đối kém màu mỡ.

Vùng biển Hoàng Hoá không sâu, cách xa bờ 20 km độ sâu khoảng 20 m, cách xa bờ 40 km độ sâu khoảng 25 m, ra đến 140 km độ sâu cũng chỉ có 33 m. Do biển không sâu nên diện tích bãi triều của tất cả 5 xã ven biển rộng. Diện tích này theo tính toán khoảng 1.225 ha. Đây cũng là một yếu tố rất thuận lợi để xây dựng cơ sở nuôi trồng nước lợ như: tôm sú, tôm he, cua, rong câu và các nhuyễn thể hai vỏ (Ngao, sò,...). Những năm gần đây sản lượng khai thác hàng năm đều có chiều hướng năm sau cao hơn năm trước.

Bờ biển Hoàng Hóa bằng phẳng có thể xây dựng những khu nghỉ mát lý tưởng để nhân dân trong vùng cũng như các nơi khác đến du lịch tắm biển.

1.2.6. Tài nguyên nhân văn và du lịch

Hoàng Hoá là nơi gắn bó máu thịt với xứ Thanh từ thời tiền sử, tuy tên gọi có thay đổi theo thời gian. Khu khảo cổ Quỳnh Chủ được khai quật với quy mô lớn vào cuối năm 1978 cho chúng ta thấy người Việt cổ đã đến đây sinh sống từ cuối thiên niên kỉ thứ II trước công nguyên tức là cách đây trên 3500 năm. Ngoài ra các cụm di tích bên hai bờ sông Dọc cổ. Những di vật tìm thấy ở Quỳnh Chủ cũng cho thấy nền kinh tế lúc đó là nông nghiệp, chăn nuôi, đan lát, dệt của người Việt cổ trên đất Hoàng Hoá phát triển ở mức độ cao.

Trong công cuộc dựng nước và giữ nước, lao động và sản xuất mảnh đất Hoàng Hoá đã sản sinh ra rất nhiều những nhân vật nổi tiếng như:

- Lê Phụng Hiểu: người làng Xuân Sơn xã Hoàng Sơn có công giữ nguyên bờ cõi phía Nam, duy trì triều Lý.
- Nguyễn Tuyên xã Hoàng Lộc giúp vua Lý Bình Chiêm.
- Nguyễn Quỳnh xã Hoàng Lộc là nhân vật trào phúng trong truyện Trạng Quỳnh.
- Lương Đắc Bằng xã Hoàng Phong (Thầy dạy của Nguyễn Bình Khiêm).
- Nhữ Bá Sĩ nổi tiếng thế kỉ XIX (1785 - 1867) người Hoàng Cát là một bác học nổi tiếng thế kỉ XIII. Ông có nhiều tác phẩm như Đại học đồ thuyết, Đan Trai thi tập, Nghi âm học vv...
- Lê Bặc Triệu xã Hoàng Phong là người có nhiều tác phẩm hài hước châm biếm rất nổi tiếng đầu thế kỉ XX.
- Nguyễn Xiển hay còn gọi là Xiển Bột đầu thế kỉ XX, ông là người thầy thuốc giỏi để lại chuỗi Truyện Xiển Bột đả kích thực dân pháp và tay sai của chúng.

- Lê Đoái Trạch người xã Hoàng Phong, đầu thế kỉ XX là người nổi tiếng hay chữ, được người đời gọi là Thăng Châu kị sĩ có tập bình luận văn thơ Bút Hoa danh tập.

Ngoài ra từ thờ Trần cho đến hết đời Lê huyện Hoàng Hoá có 48 người đỗ đại khoa và hàng trăm người đỗ trung khoa.

Hoàng Hoá có một quần thể kiến trúc nghệ thuật khá đậm đặc đề thờ phụng các vị thần linh, để tôn vinh các nhân vật lịch sử, các danh nhân văn hoá gọi là đền, chùa, và đình làng nơi sinh hoạt văn hoá chung của dân cư trong làng xã. Trong số đó có thể kể ra đây một vài di tích đền, chùa, đình như sau:

* Về đền có thể kể ra một số đền:

- Đền thờ ông Bưng: thờ Lê Phụng Hiểu, đời Lý ở xã Hoàng Sơn
- Đền thờ Thánh Tên, thờ Lê Phụng Hiểu, đời Lý ở làng Ích Hạ xã Hoàng Quỳ
- Đền thờ Tô Hiến Thành: ở xã Hoàng Tiến,
- Nghè Trinh Nga thờ Triệu Quang Phục

* Về chùa có:

- Chùa Gia đến nay vẫn còn sù trụ trì, ở làng Gia xã Hoàng Phượng
- Chùa Độ Mạt và Hoàng Môn ở Hoàng Đạt chỉ còn một số tượng
- Chùa Diên Khánh ở thôn Nghĩa Trang xã Hoàng Kim
- Chùa Kim Quy ở thôn Kim Sơn, xã Hoàng Kim

* Về đình làng:

Hầu như ở huyện Hoàng Hoá xã nào làng nào cũng có đình làng. Đình làng là nơi sinh hoạt văn hoá cộng đồng chung. Có thể kể ra đây một số đình làng tiêu biểu như:

- Đình Bảng Môn ở xã Hoàng Lộc.
- Đình Hoá Lộc ở xã Hoàng Châu, nơi xảy ra cuộc chiến đấu chống giặc Nhật đàn áp cách mạng tháng 8.

- Đình Phú Khê hay còn gọi là Đình Thượng xã Hoàng Phú.

Bên cạnh đó, khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến đã được khai trương, đi vào hoạt động. Có 93 di tích, trong đó có 16 di tích quốc gia và 77 di tích cấp tỉnh. Trong đó, 25 di tích đã được đầu tư trùng tu, tôn tạo như cồn Mả Nhón thuộc xã Hoàng Đạo, đền thờ Tô Hiến Thành thuộc xã Hoàng Tiến, chùa Hồi Long thuộc xã Hoàng Thanh, đền thờ Lê Trung Giang thuộc xã Hoàng Ngọc. Các hoạt động văn hóa truyền thống nổi tiếng của huyện trước đây, nay cũng đang được khôi phục và bảo tồn như: hát chèo tại xã Hoàng Phượng, xã Hoàng Đạo, thị trấn Bút Sơn; đánh trống hội cung đình ở xã Hoàng Phú, điệu múa Sanh Ngô khơi dậy lòng yêu đất nước ở xã Hoàng Thắng, múa đèn tại xã Hoàng Trạch, nấu cơm thi chạy thề tại xã Hoàng Trung, cơm thi, cá giải tại xã Hoàng Quỳ...

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Nhìn chung, huyện Hoằng Hóa có môi trường sinh thái tương đối trong lành. Tuy nhiên, trong những năm gần đây do sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng CNH, HĐH, đã bắt đầu có sự thay đổi về cảnh quan, môi trường. Đô thị và các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phát triển, đang có nguy cơ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây không ít khó khăn cho sản xuất và đời sống; hạn hán, lũ lụt thất thường; dịch bệnh xảy ra không theo mùa, nguồn nước có nơi bị ô nhiễm, đất nông nghiệp bị thu hẹp; nước thải công nghiệp, ô nhiễm khói bụi và tiếng ồn cũng đã xuất hiện. Công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế, tình trạng ô nhiễm ở nhiều lưu vực sông, khu công nghiệp, làng nghề. Vì vậy, việc tổ chức kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm luật Bảo vệ môi trường cũng được quan tâm.

UBND huyện đã đầu tư 01 bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh thị trấn Bút Sơn và các xã phụ cận tại Hoằng Đức đã đưa vào vận hành; 01 lò đốt rác thải khu du lịch sinh thái Hải Tiến và các xã phụ cận tại xã Hoằng Trường cũng đã đưa vào vận hành. Từng bước đáp ứng được yêu cầu xử lý rác thải của huyện.

1.4. Đánh giá chung

1.4.1. Thuận lợi và cơ hội phát triển

(1). Huyện Hoằng Hoá có nhiều thế lợi về vị trí địa lý, tài nguyên, nguồn nhân lực, về truyền thống văn hoá giúp cho huyện đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, bắt kịp tốc độ phát triển kinh tế toàn tỉnh.

(2). Huyện có vị trí địa lý thuận lợi hơn một số huyện khác của tỉnh Thanh Hoá cho việc phát triển kinh tế xã hội. Nằm ngay cửa ngõ phía Bắc thành phố Thanh Hoá, trung tâm 5 khu công nghiệp lớn của tỉnh Thanh Hoá và có con đường Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam chạy qua tạo cơ hội thuận lợi để Hoằng Hoá đẩy mạnh phát triển kinh tế, khai thác các nguồn lợi từ bên trong, giao lưu kinh tế -khoa học - văn hoá với bên ngoài đặc biệt là trong việc tiêu thụ những sản phẩm có lợi thế của huyện.

(3). Là huyện đồng bằng ven biển tỉnh Thanh Hoá, Hoằng Hoá có một hệ động thực vật rất phong phú đặc biệt thủy sản nước lợ. Huyện có đồng bằng, có bờ biển, có biển, có sông nước lợ là điều kiện thuận lợi để phát triển nền kinh tế sản xuất hàng hoá nông nghiệp ngư nghiệp. Vùng biển huyện Hoằng Hoá không sâu, diện tích bãi triều rộng, ngoài ra vùng ven biển còn có rất nhiều đầm hồ là một điều kiện rất thuận lợi cho việc mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản xuất khẩu. Phía Bắc và phía Nam bờ biển huyện Hoằng Hoá có hai cửa biển lớn là Lạch Trào và Lạch Hới đã được xây dựng hai cảng cá.

(4). Trên địa bàn huyện có sông Mã chảy ở phía Tây và Nam huyện là nơi cung cấp đủ nhu cầu nước tưới quanh năm cho sản xuất nông nghiệp của toàn vùng. Trong huyện có một hệ thống sông lạch nước lợ chằng chịt tạo thuận lợi để hình thành và phát triển giao thông thủy, và nghề đánh cá ven sông, nuôi trồng thủy sản nước lợ.

(5). Là mảnh đất Địa linh, Nhân kiệt, cảnh quan môi trường hấp dẫn, trong lành, nhân dân cần cù, giữ gìn truyền thống văn hoá, yêu nước, hiếu học. Đây là những tiền đề để phát triển ngành du lịch, cảnh quan gắn liền với các truyền thuyết, với lịch sử đấu tranh bảo vệ Tổ quốc...

1.4.2. Những tồn tại, hạn chế.

(1). Hoàng Hoá là một huyện đồng bằng ven biển tỉnh Thanh Hoá, tuy nhiên lại có điểm yếu là địa hình trong vùng bị chia cắt mạnh bởi rất nhiều sông lạch. Chính sự chia cắt này làm hạn chế việc giao lưu giữa các vùng trong huyện. Xây dựng và phát triển giao thông đường bộ cần phải đầu tư xây dựng nhiều qua sông đòi hỏi vốn lớn, công việc đầu tư gặp khó khăn.

(2). Các con sông của huyện hầu như đều thông với con sông Lạch Trường đổ ra biển tại cửa biển Lạch Trào. Chính điều này làm cho chế độ thủy văn của hệ thống sông lạch huyện Hoàng Hoá chịu ảnh hưởng rất lớn của chế độ thủy triều. Đặc biệt khi nước biển dâng trong bão tố làm nhiễm mặn cả một vùng rộng lớn đặc biệt là 8 xã ven biển. Đây là một trong những thiên tai gây thiệt hại lớn nhất cả về người và của, có những trận biển dâng đe dọa tính mạng hàng ngàn người, làm hư hại nhà cửa, công trình thủy lợi, đê điều. Để giảm tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra nhân dân Hoàng Hoá từ đời này qua đời khác đầu tư không nhỏ cho việc tu bổ đê điều và kiên cố hạ tầng cơ sở, xây dựng các trạm bơm để cung cấp nước tưới và thoát nước khi bị mưa ngập.

(3). Điểm yếu chính nữa của huyện Hoàng Hoá là nằm trong vùng thường bị các cơn bão tàn phá. Hàng năm thường có từ 4 đến 5 trận. Sức gió của các cơn bão có cường độ từ cấp 8 đến cấp 12 gây nhiều thiệt hại cho ngư nghiệp và nông nghiệp, tan phá nhà cửa, các công trình công cộng của nhân dân. Nằm ở hạ lưu con sông Mã nên mưa nguồn cũng có thể gây ra lũ lụt và nguy cơ vỡ đê vùng từ ngã ba Bông đến cửa Lạch Hối.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế xã hội

- Theo báo cáo kinh tế xã hội đến tháng 12/2020 cho thấy: Tổng giá trị sản xuất 15.659.348 triệu đồng = 95,57% KH= 110,2% CK; tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 10,2% CK; thu nhập bình quân đầu người đạt 48,2 Trđ/người/năm, tăng 0,2Trđ/người/năm so với năm 2019; tổng giá trị xuất khẩu đạt 90 TrUSD=97,83% KH = 104,41% CK; tổng huy động vốn đầu tư phát triển đạt 5.650 tỷ đồng = 112,9 % KH = 102 CK; trong năm thành lập mới 130 doanh nghiệp = 130% KH.

2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng vẫn tăng trưởng so với CK; giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt $150,7 \text{ trđ/ha} = 100,47\% \text{KH} = 105,31\% \text{CK}$.

- Trồng trọt: Giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt: 1.219.141 triệu đồng = $103,32\% \text{KH} = 105,6\% \text{CK}$. Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt: 100.116 tấn = $100,12\% \text{KH} = 100,11\% \text{CK}$. Tổng diện tích gieo trồng cả năm 22.550ha trong đó: Diện tích lúa: 13.081 ha; Diện tích ngô: 3.301 ha; Diện tích Lạc: 1.171 ha; cây trồng khác: 1.525 ha; Rau màu các loại: 3.472 ha. Diện tích sản xuất rau, quả trong nhà màng áp dụng công nghệ cao đạt trên 3 ha; cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa đạt 25% diện tích; có 550,53 ha cây trồng gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng; tăng thêm 23 mô hình trồng trọt. Tập trung chỉ đạo gieo trồng đảm bảo đúng cơ cấu giống và khung thời vụ cho phép. Tiếp tục duy trì, mở rộng các mô hình sản xuất công nghệ cao, như: Trồng dưa kim hoàng hậu trong nhà màng tại các xã Hoàng Đạt, Hoàng Đạo, Hoàng Thắng, Hoàng Hợp; trồng rau sạch theo tiêu chuẩn VIETGAP tại Hoàng Giang, Hoàng Hợp, trình diễn ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt; liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm như: Khoai tây, bí xanh, bí đỏ, ớt xuất khẩu, măng tây, ngô ngọt.

- Chăn nuôi - Thú y: Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt: 444.810 triệu đồng = $84,24\% \text{KH} = 99\% \text{CK}$. Tập trung chỉ đạo quyết liệt các biện pháp phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi, nhằm khống chế, giảm thiệt hại cho người dân. Tiếp tục bổ sung, khôi phục đàn gia súc, gia cầm và phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp trang trại. Tổng đàn theo số liệu thống kê tại thời điểm 01/7/2020: Đàn lợn: 41.486 con giảm 8,67% so cùng kỳ; Đàn trâu, bò: 14.377 con giảm 0,41% so cùng kỳ; Đàn gia cầm: 1.2826.73 con tăng 0,59% so cùng kỳ. Công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm chỉ đạo quyết liệt từ huyện đến cơ sở; trong năm có 37/37 xã, thị trấn triển khai tiêm phòng cho đàn gia súc, đàn gia cầm; Quản lý vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm được kiểm soát chặt chẽ; phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm được tăng cường theo KH 260/KH - UBND, ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh. Ban hành kế hoạch tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm giai đoạn 2021-2025; kế hoạch phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi giai đoạn 2020-2025; kế hoạch tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường.

- Thủy sản: Giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt: 898.723 triệu đồng = $101,93\% \text{KH} = 107,94\% \text{CK}$. Tổng sản lượng thủy sản đạt 25.390 tấn = $109,30\% \text{KH} = 102,35\% \text{CK}$, trong đó: Sản lượng nuôi trồng: 7.015 tấn = $107,84\% \text{KH} = 107,2\% \text{CK}$; Sản lượng khai thác: 18.375 tấn = $109,87\% \text{KH} = 100,61\% \text{CK}$. Tổng phương tiện: 979 chiếc, với tổng công suất: 68.890 CV. Trong đó phương tiện khai thác xa bờ có chiều dài lớn nhất từ 12 m trở lên là 149 chiếc; phương tiện khai thác ven bờ có chiều dài lớn nhất nhỏ hơn 12m là 830 chiếc. Tăng cường kiểm tra hoạt động khai thác thủy sản của

ngư dân, thực hiện thág hành động bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng ven biển; công tác chăm sóc, nuôi trồng, khai thủy sản gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và môi trường biển được quan tâm. Chỉ đạo các xã Hoàng Trường, Hoàng Phụ củng cố, kiện toàn và phát triển các tổ đoàn kết trên biển; lắp đặt 05 máy thông tin liên lạc tầm xa HF cho 05 tàu cá (Hoàng Trường: 03 tàu, Hoàng Phụ: 02 tàu); thả 85 triệu con tôm sú giống P15, 230 triệu con tôm thẻ vụ Xuân Hè. Triển khai xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong nuôi thương phẩm cá chép V1 gắn với thị trường tiêu thụ tại xã Hoàng Quý. Triển khai các giải pháp thực hiện Nghị quyết 15-NQ/HU ngày 20/11/2019 của BCH Đảng bộ huyện về phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững nước mặn, nước lợ giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 20/KH – UBND, ngày 12/02/2020 về thực hiện thág hành động bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng ven biển huyện Hoàng Hóa năm 2020 từ ngày 01/3/2020- 01/5/2020; Ban hành và tổ chức triển khai đề án nuôi trồng thủy sản nước lợ theo hướng bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện gồm 17 xã, thị trấn nằm trong đề án.

-Thủy lợi, đề điều: Làm tốt công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình trước lũ và công tác chuẩn bị vật tư PCTT, nạo vét kênh mương. Tập trung chỉ đạo giải tỏa vi phạm hành lang đề điều, thoát lũ lòng sông, kênh mương; tổ chức tổng kết công tác PCTT-TKCN năm 2019; triển khai nhiệm vụ năm 2020; xây dựng các phương án: Kế hoạch phòng chống thiên tai trên địa bàn huyện; Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro; tham mưu công tác quản lý đề điều, thủy lợi trên địa bàn; kiểm tra kết quả thực hiện theo kế hoạch vật tư, khối lượng nạo vét trực tiêu huyện giao; điều hành nước tưới đầy đủ, đáp ứng cơ bản yêu cầu phục vụ sản xuất vụ Chiêm xuân và vụ Mùa; giao chỉ tiêu chuẩn bị vật tư phòng chống thiên tai-tìm kiếm cứu nạn, nạo vét kênh mương đáp ứng yêu cầu PCLB và chỉnh trang cảnh quan, vệ sinh môi trường cho các xã, thị trấn.

Xây dựng các phương án phục vụ tốt công tác PCTT-TKCN năm 2020, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện; thành lập các Ban chỉ huy PCLB trọng điểm tại các tuyến đề; phân công thành viên Ban chỉ huy cấp huyện và các cán bộ công chức phụ trách các xã, thị trấn. Chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng các kế hoạch, phương án PCLB đáp ứng yêu cầu khi xảy ra thiên tai.

- Lâm nghiệp: Giá trị sản xuất lĩnh vực Lâm nghiệp đạt: 13.448 triệu đồng

= 100,2%CK = 101,64%KH. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; Ban hành kế hoạch số 08/KH-UBND về tổ chức lễ phát động Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ xuân Canh Tý năm 2020, tổng chiều dài trồng cây là 6 km, trồng được 3000 cây phân tán trong đó: tại Trường Tiểu học Ngọc Đình, xã Hoàng Hà và tuyến đường quốc phòng (ĐH17)

đoạn từ xã Hoằng Đạt đến cầu Cách dài 3km; đoạn qua xã Hoằng Đạt dài 2km; đoạn qua xã Hoằng Hà dài 1km và tại Trường bắn xã Hoằng Xuân. Toàn huyện trồng cây mùa xuân (cây phân tán) được: 30.250 cây. Chỉ đạo các xã có rừng làm đường băng cản lửa được 3,23 km; tu sửa phát quang làm giảm vật liệu cháy theo đám là 10,7 ha

- Xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và thôn kiểu mẫu

Công tác xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tốt, đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM năm 2019 tại Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 và được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng 3 tại Quyết định số 1909/QĐ-CTN ngày 02/11/2020.

Triển khai hướng dẫn, thực Quyết định 996/QĐ-UBND ngày 31/1/2020 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu thôn, xã xây dựng xã NTM nâng cao, kiểu mẫu năm 2020. Trong đó: Xã NTM nâng cao gồm 6 xã: Hoằng Xuân, Hoằng Lộc, Hoằng Đồng, Hoằng Thắng, Hoằng Lưu, Hoằng Tiến; Xã NTM kiểu mẫu gồm 3 xã: Hoằng Đồng, Hoằng Thắng, Hoằng Lưu; Thôn kiểu mẫu gồm 4 thôn: Hoằng Xuân (Trà La), Hoằng Quý (Trọng Hậu), Hoằng Đồng (Lê Lợi 1), Hoằng Lưu (Phượng Ngô 2).

Tiếp tục chỉ đạo phát động nhiều đợt cao điểm thực hiện Kế hoạch số 99 của Chủ tịch UBND huyện để chỉnh trang cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường, làm thay đổi diện mạo của từng cơ quan, đơn vị. Trong năm, đã làm mới 225/220 km đường điện ánh sáng =102,3% KH; Lát 26.050/26.050 vỉa hè = 100% KH; 73.38 km/149.3 km rãnh thoát nước qua khu dân cư có nắp đậy: = 49,1 %; trồng đường hoa, viền cây: 90 km/38 km =236,8%; trồng cây xanh, cây bóng mát 29.558 cây; quét vôi ve, tường rào đạt: 120.343 m²; mua mới 5273 thùng đựng rác; xây dựng 40/51 tại các xã thị trấn =78,43%; san ủi, bù phụ đạt 98 km; nhựa hóa 148,8/308,13 km đường =48,3%; nâng tổng số bể thu gom rác trên đồng ruộng năm 2020 đạt 555 bể. Tổng nguồn vốn huy động thực hiện KH 99 trong năm 2020 đạt trên 90 tỷ đồng.

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp

Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN đạt: 3.425.789 tr.đồng = 96,67%KH = 114%CK.

Năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch covid 19, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nguyên, phụ liệu phục vụ sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tuy vậy vẫn có 2 doanh nghiệp lớn đi vào hoạt động, đó là Công ty TCE JEANS, Công ty may DHA Hoằng Kim. Giá trị sản xuất trong năm 2020 của các DN lớn trên địa bàn huyện như Công ty Delta; Công ty Sunhome Hoằng Thịnh; Công ty may Winner Hoằng Quý; Công ty Sunrice Hoằng Thành; Công ty Hoa Mai; Công ty Viet Avis... giảm so với năm 2019.

- Lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì có bước phát triển như nghề mộc, sửa chữa và gia công cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng...đã giải quyết nhiều việc làm, tạo

thu nhập cho người lao động, góp phần đáng kể tăng giá trị sản xuất công nghiệp. Một số ngành nghề TTCN truyền thống như mây tre đan, mộc... vẫn thu hút được lao động nông nhân, chủ yếu là lao động lớn tuổi không còn tham gia làm công nhân tại các nhà máy, doanh nghiệp. Năm 2020 ban hành Đề án khu vực phát triển nghề mộc Hà-Đạt giai đoạn 2021-2025 với diện tích 13,91 ha. Phối hợp các phòng ngành tham gia triển lãm thành tựu KTXH tỉnh TH chào mừng ĐH Đảng bộ tỉnh.

- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp Cụm công nghiệp Thái-Thắng (đạt 75% KL, giá trị khoảng 70 tỷ đồng), Cụm CN Bắc Hoàng Hóa (70% KL, giá trị khoảng 40 tỷ đồng); Hiện nay, đang kêu gọi các Nhà đầu tư vào sản xuất kinh doanh, cụm CN Bắc Hoàng Hóa kêu gọi được 4 Nhà đầu tư (trong đó 3 Nhà đầu tư nước ngoài và 1 Nhà đầu tư trong nước) với diện tích 8,63ha.

- Xây dựng cơ bản: Giá trị sản xuất xây dựng đạt: 4.258.783 tr.đồng = 101,71%KH = 117,94%CK.

Chỉ đạo, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý chất lượng công trình, thực hiện tốt công tác thẩm định, cấp giấy phép quy hoạch, giấy phép xây dựng theo phân cấp. Khởi công và triển khai xây dựng các dự án theo Nghị quyết HĐND huyện: Đường Thịnh - Đông (giai đoạn 1), đường Kim-Quỳ, đường từ Quốc lộ 1A đi ngã tư Gòong; nâng cấp, cải tạo nhà truyền thống huyện; xây dựng đường giao thông từ cầu Bút Sơn đi Quốc lộ 10 (tại xã Hoàng Vinh cũ); nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch Hải Tiến (Giai đoạn 2); đường giao thông Vinh - Lưu - Đạo (ĐH-HH.16) đoạn qua xã Hoàng Tân; đường giao thông Vinh - Lưu - Đạo (ĐH-HH.16) đoạn qua xã Hoàng Trạch; đường Kim xuân kéo dài (đoạn từ cuối đường Kim Xuân đến Cầu Vàng, xã Hoàng Xuân); nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống kênh dẫn Làng Hàu (Kênh dẫn N22-9a đến Thành Châu) xã Hoàng Thành; sửa chữa, cải tạo Trung tâm hội nghị huyện; cải tạo nhà cũ, xây kho, xây ki ốt trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Hoàng Hóa; Nhà hiệu bộ trường THPT Hoàng Hóa 4; Các khu hạ tầng điểm dân cư nông thôn...

Tiếp tục đôn đốc các công trình đang thi công dở dang như: Đường Quỳ- Xuyên; đường 22-GĐ2; đường Ngọc-Yến-Tiến; đường Phú-Giang; đường Lộc- Lưu; đường Thành-Tân; đường giao thông nối từ tỉnh lộ 510 (Ngã tư Gòong) đến xã Hoàng Ngọc (Cây Xăng Ngọc Đỉnh) giai đoạn 1; đường Phúc - Đạt - Hà (ĐH- HH.17), đoạn qua địa phận xã Hoàng Phúc và xã Hoàng Đạt; đường Lộc - Lưu (ĐH-HH.25); đường Cán cò đoạn từ ngã tư đèn đỏ đến giáp đất Thanh phố Thanh Hóa...

Hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng một số công trình trọng điểm tạo sự lan toả, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội như: Quảng trường huyện; Nhà đoàn thể huyện; Các tuyến đường: Đường Gòong-Quảng, Đường Thành-Tân, Đường Bút Trinh, Đường Ngọc-Tiến-Yến, Đường Phú-Giang, Đường Lộc-Lưu, Đường giao thông nối từ tỉnh lộ 510 (Ngã tư Gòong) đến xã Hoàng Ngọc (Cây Xăng Ngọc Đỉnh) giai đoạn 1; đường Vinh- Lưu- Đạo nối thôn Nam

Hội Triều đến thôn Ngọc Long, xã Hoàng Phong; đường Vinh-Lưu-Đạo đoạn qua xã Hoàng Tân; đường giao thông nối từ xã Hoàng Châu đi đường WB2 xã Hoàng Tân; Đường Thăng-Thái-Thịnh-Lộc 2 giai đoạn; Đường TT Bút Sơn-Đạt-Hà, đoạn qua địa phận xã Hoàng Đạt và TT Bút Sơn; đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch Hải Tiến (giai đoạn 1)...

Làm tốt công tác quy hoạch, phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070; hoàn thành điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến đến năm 2030; Quy hoạch xây dựng mở rộng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa; Hoàn thành phê duyệt nhiệm vụ, triển khai lập Đồ án lập Quy hoạch chung xây dựng đô thị Phú-Quý, đô thị Thịnh-Lộc huyện Hoàng Hóa đến năm 2040; Trình bổ sung vào quy hoạch phát triển cụm CN trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 ba cụm CN: Phú Quý, Hoàng Đông, Hoàng Quý; Triển khai lập quy hoạch phân khu 1/2000 khu CN Phú Quý, quy hoạch chi tiết 1/500 các cụm CN: Hoàng Đông, Phú Quý; Triển khai lập quy hoạch chung xây dựng xã; Phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 các điểm dân cư nông thôn tại các xã, thị trấn...

2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

Giá trị sản xuất dịch vụ-TM: 5.398.654 triệu đồng = 89,21%KH = 104,95% cùng kỳ.

Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng lĩnh vực dịch vụ như thông tin truyền thông, xăng dầu, thương mại vẫn được duy trì và phát triển, thị trường giá cả cơ bản ổn định, cân đối cung cầu các loại vật tư quan trọng và hàng tiêu dùng thiết yếu được đảm bảo; không có hiện tượng khan hàng, sốt giá nhất là vào các thời điểm lễ, Tết và dịch bệnh.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường trước, trong, sau dịp tết Nguyên đán Canh Tý 2020, tết trung thu; kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm và tổ chức cho các hộ kinh doanh ký cam kết, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP thuộc lĩnh vực ngành công thương. Năm 2020 đã cấp được 394 giấy xác nhận kiến thức về ATTP và 43 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc lĩnh vực phòng phụ trách. Toàn huyện có 26 chợ phải xây dựng chợ ATTP; 11 cửa hàng ATTP. Năm 2019 đã xây dựng được 12 chợ ATTP, 5 cửa hàng ATTP; Năm 2020, hoàn thành xây dựng 14 chợ ATTP, 6 cửa hàng ATTP theo chỉ tiêu của UBND tỉnh giao.

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

a) Dân số, nhân khẩu

Dân số hiện tại của huyện Hoàng Hóa tính ước là 230.625 người, mật độ dân số trung bình là 1131 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,65%

b) Lao động, việc làm, thu nhập

Các chính sách an sinh xã hội thực hiện kịp thời; tổng số kinh phí chi trả cho các đối tượng người có công và đảm bảo xã hội là 239,2 tỷ đồng. Tổ chức các hoạt động thiết thực kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7/1947 – 27/7/2020), tổ chức thăm hỏi tặng quà cho người có công trong dịp tết Canh Tý; hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho 31 đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về nhà ở; tổ chức lễ viếng, an táng tại Nghĩa trang liệt sỹ huyện cho 01 liệt sỹ hy sinh trong khi làm nhiệm vụ giúp dân khắc phục hậu quả mưa lũ tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Công tác dạy nghề và giải quyết việc làm tiếp tục được tập trung chỉ đạo; đã giải quyết việc làm mới cho 3.250 lao động (trong đó có 429 lao động xuất khẩu, 2.821 trong nước); đào tạo nghề và truyền nghề cho 5.330 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo 71,5%; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động giảm còn 24,25%; hoàn thành điều tra rà soát hộ nghèo năm 2020, kết quả số hộ nghèo trong năm giảm 935 hộ vượt 25 hộ so với kế hoạch tỉnh giao; Thực hiện hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID -19 với tổng số đối tượng là: 35.515 đối tượng, số tiền hỗ trợ là: 41.161.000.000 đồng.

2.4. Thực trạng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn

2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị

Hiện tại, trên địa bàn huyện có 01 thị trấn là Thị trấn Hoàng Hóa, là đô thị loại V, năm 2019, sau khi sát nhập toàn bộ diện tích của xã Hoàng Phúc và xã Hoàng Vinh theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24-12-2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, diện tích thị trấn là 773,52 ha.

Ngoài ra, trong thời gian tới huyện Hoàng Hóa sẽ tiếp tục xây dựng quy hoạch đô thị: Phú Quý, Thịnh Lộc. Trình duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch đô thị Thanh Ngọc; Rà soát, xây dựng đề án trình cấp có thẩm quyền công nhận đô thị loại V (đô thị Hải Tiến); trình cấp có thẩm quyền chủ trương sáp nhập Hoàng Đức vào thị trấn Bút Sơn.

2.4.2. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Do đặc điểm hình thành và lịch sử phát triển, các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện được phát triển theo những hình thái khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện và mức độ phân bố trong từng khu vực. Các tụ điểm dân cư truyền thống (như thôn, xóm...) được hình thành tập trung bên cạnh những khu vực có nước và có điều kiện canh tác ở những nơi có giao thông thuận tiện cho sản xuất và lưu thông hàng hoá. Toàn huyện Hoàng Hóa sau khi sát nhập hai xã nằm phía Bắc giáp sông Lạch Trường là Hoàng Đức và Hoàng Minh sáp nhập lại, lấy tên gọi chung là Hoàng Đức; Xã Hoàng Xuyên nhập vào xã Hoàng Khê, lấy tên gọi chung là Hoàng Xuyên; Xã Hoàng Sơn nhập với xã Hoàng Lương, lấy tên gọi chung là Hoàng Sơn; Xã Hoàng Khánh nhập với xã Hoàng Xuân, lấy tên gọi chung là Hoàng Xuân, huyện Hoàng Hóa có 36 xã, đời sống nhân dân nhìn chung đã được cải thiện, đặc biệt là các lĩnh vực y tế, giáo dục.

Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2019, diện tích đất khu dân cư nông thôn huyện Hoằng Hóa là 1.883,60 ha. Các khu dân cư cũ ngày càng mở rộng, các khu dân cư mới đã bắt đầu phát triển, nước sinh hoạt đáp ứng được một phần nhu cầu người dân. Tuy nhiên, kiến trúc không gian khu dân cư còn bất hợp lý. Việc xây dựng nhà ở hoàn toàn mang tính tự phát, đảm bảo chất lượng xây dựng, kiến trúc và mỹ quan.

Bình quân đất ở trung bình từ 80 - 95 m²/người. Trong tương lai việc phát triển thêm đất ở để đáp ứng nhu cầu là thực tế khách quan không thể tránh khỏi, nhưng cần phải có sự điều chỉnh hợp lý các khu dân cư hiện có cũng như phải hạn chế tối đa việc lấy đất nông nghiệp vào làm nhà ở nhất là những khu vực ruộng cho năng suất cao. Đây là những vấn đề cần được quan tâm trong chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của huyện.

2.5. Thực trạng phát triển hạ tầng

2.5.1. Giao thông

2.5.1.1. Giao thông đường bộ: Huyện Hoằng Hóa có tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua với chiều dài 11 km; có 02 tuyến quốc lộ chạy qua là Quốc lộ 1A và Quốc lộ 10; các tuyến tỉnh lộ chạy qua dài khoảng 33,1 km gồm: tỉnh lộ 509, 510, 510B....; ngoài ra còn khoảng 145,4km huyện lộ. UBND huyện đã tập trung đầu tư nâng cấp một số tuyến đường xuống cấp như Hoằng Lộc - Hoằng Lưu, Hoằng Thành - Hoằng Trạch, Hoằng Phong - Hoằng Lưu, Thắng - Đạo (trong tuyến ĐH-HH.16), làm mới tuyến đường Thắng - Thành, đang thi công đường Tỉnh lộ 510 từ Gòng - Hải Tiến, chuẩn bị các điều kiện để thi công tuyến đường Thịnh - Đông theo hình thức đối tác công tư.... UBND huyện đã và đang tập trung chỉ đạo giải quyết tình trạng xe quá khổ, quá tải và từng bước sửa chữa các tuyến đường đạt chất lượng.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của nhà nước và đóng góp của nhân dân, chất lượng các công trình giao thông được cải thiện, phục vụ nhu cầu đi lại và giao lưu hàng hoá của nhân dân. Đã có 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm, 100% đường liên xã (đường xương cá) được cấp phối hoặc rải nhựa. Đường bộ: 656,5 km. Gồm có:

*. Đường quốc lộ trên địa bàn huyện Hoằng Hóa có 2 tuyến đường:

1- Quốc lộ 1: Bắt đầu từ xã Hoằng Trung giáp với huyện Hậu Lộc đi qua các xã Hoằng Kim, Hoằng Quý, Hoằng Phú. Đây là trục giao thông đường bộ quan trọng nhất của huyện giao lưu với bên ngoài. Tổng chiều dài 12 km.

2- Quốc lộ 10: Đây là đường quốc lộ chạy qua một số tỉnh ven biển vùng Đồng bằng sông Hồng như Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình đi vào các huyện của tỉnh Thanh Hóa như Hoằng Hóa, Hậu Lộc và cuối cùng là huyện Hoằng Hóa. Đến nay đường quốc lộ 10 vẫn chưa được xây dựng hoàn chỉnh, mới có từng đoạn đưa vào sử dụng. Đường 10 chạy qua huyện Hoằng Hóa bắt đầu từ xã Hoằng Xuyên vượt qua

sông Lạch Trường vào Bút Sơn đến xã Hoàng Sơn và cuối cùng gặp đường quốc lộ 1. Tổng chiều dài 13 km trên đất Hoàng Hóa nhưng chưa được xây dựng hoàn thiện.

* Mạng lưới tỉnh lộ: bao gồm các tuyến

1. Đường 509: Đoạn này bắt đầu từ Chợ Phủ đi đến Hoàng Kim, đoạn đường dài 12 km, mới được nâng cấp năm 2002, mặt đường rộng 6m nhựa thâm nhập, chất lượng tương đối tốt đạt đường cấp VI.

2. Đường 510: bắt đầu từ Hoàng Long đi chợ Vực, con đường này bắt đầu từ đường quốc lộ 1a tả ngạn cầu Hàm Rồng đi xuống Hoàng Lộc. Chiều dài tuyến là 22,4 km. Mặt đường nhựa thâm nhập rộng 6m mới được thi công nên chất lượng tốt đạt đường cấp VI.

3. Đường 510B: từ Hoàng Trường đi Hoàng Phụ: Đây là con đường có chiều dài 15km và đi qua 6 xã vùng biển: Hoàng Trường, Hoàng Hải, Hoàng Yến, Hoàng Ngọc, Hoàng Đông, Hoàng Phụ. Mặt đường nhựa thâm nhập rộng 6m mới được thi công nên chất lượng tốt đạt đường cấp VI.

Mạng lưới đường huyện cơ bản đã đạt loại A GTNT và còn một số loại B GTNT. Tổng chiều dài các tuyến đường huyện (liên xã) khoảng 130 km. Ngoài ra còn khoảng 460 km đường liên thôn.

Bảng: 1. Hiện trạng Một số tuyến đường giao thông chính huyện Hoàng Hóa

TTT	Số hiệu đường	Tên đường	Địa danh		Chiều dài (km)	Cấp đường hiện tại	Vị trí của tuyến
			Điểm đầu	Điểm cuối			
	A	Đường Trung ương:		23,7	16,10		
1		Quốc lộ 1A	Hoàng Trinh	Hoàng Quý	7,58	III	Hoàng Trinh, Hoàng Trung, Hoàng Kim, Hoàng Quý, Hoàng Phú, Hoàng Quý.
2		Quốc lộ 1A (Tiểu dự án 2)	Hoàng Quý	Hoàng Lộc	7,6	III	Hoàng Quý, Hoàng Cát, Hoàng Đức, Hoàng Đồng, Hoàng Thịnh, Hoàng Lộc
3		Quốc lộ 10	Hoàng Xuyên	Hoàng Đức	8,52	IV	Hoàng Xuyên, Hoàng Đức, Thị trấn Bút Sơn.
	B	Đường tỉnh:			33,1		
1		ĐT 509 (Nghĩa trang-chợ Phủ)	QL1A-Hoàng Kim	Hoàng Sơn	5,2	V	Hoàng Kim, Hoàng Trinh, Hoàng Sơn (Quốc lộ 10).
2		ĐT 510 (Hoàng Thành-Ngã tư Gòng-Chợ	Hoàng Thành	Hoàng Ngọc (Chợ Vực)	12,9	IV-VI	Hoàng Thành, Hoàng Lộc, Hoàng Thịnh, Hoàng Thái, Hoàng Đồng, TT Bút Sơn,

TTT	Số hiệu đường	Tên đường	Địa danh		Chiều dài (km)	Cấp đường hiện tại	Vị trí của tuyến
			Điểm đầu	Điểm cuối			
		vực)					Hoàng Đạo, Hoàng Ngọc.
3		ĐT 510B (Hoàng Trường-Hoàng Phụ)	Hoàng Trường	Hoàng Phụ	5	V	Hoàng Trường, Hoàng Hải, Hoàng Tiến, Hoàng Ngọc, Hoàng Đông, Hoàng Phụ.
	C	Đường huyện			46,83		
1	ĐH-HH.02	Hoàng Trung - Hoàng Xuân	QL1A H.Trung	Hoàng Xuân	6	VI	Hoàng Trung (Quốc lộ 1A), Hoàng Xuân.
2	ĐH-HH.03	Hoàng Kim - Hoàng Giang - Hoàng Hợp	QL1A H.Kim	Hoàng Hợp	10,2	VI*-V	Hoàng Kim (Quốc lộ 1A), Hoàng Phú, Hoàng Phụng, Hoàng Giang, Hoàng Hợp.
3	ĐH-HH.04	Hoàng Kim - Hoàng Xuân	ĐH-HH.03 (H.Kim)	Đê tả SMã H.Xuân	4,5	VI-V	Hoàng Kim, Hoàng Xuân
4	ĐH-HH.05	Hoàng Trinh - Hoàng Cát (Bút Trinh)	TL 509 H.Trinh	H.Cát	5,1	V	Hoàng Trinh (TL509), Hoàng Sơn, Hoàng Xuyên, Hoàng Cát.
5	ĐH-HH.06	Hoàng Quý -	H.Quý	H.Phượng	7,5	VI*-V	Hoàng Quý (QL1A),

TTT	Số hiệu đường	Tên đường	Địa danh		Chiều dài (km)	Cấp đường hiện tại	Vị trí của tuyến
			Điểm đầu	Điểm cuối			
		Hoàng Phụng					Hoàng Phú, Hoàng Phụng.
6	ĐH-HH.07	Hoàng Quý - Hoàng Xuyên	QL1A H.Quý	H.Xuyên	2,5	VI*	Hoàng Quý(QL1A), Hoàng Xuyên.
7	ĐH-HH.08	Hoàng Sơn	TL 509 H.Xuyên	ĐH 05 H. Xuyên	4,8	VI*	Hoàng Sơn, Hoàng Xuyên.
8	ĐH-HH.11	Hoàng Quý - Hoàng Hợp - Hoàng Giang	QL1A H.Quý	ĐH 03 H.Giang	6,5	VI	Hoàng Quý (QL1A), Hoàng Hợp, Hoàng Giang.
9	ĐH-HH.12	Đường tránh QL10	QL10 H.Đức	QL10 TT Bút Sơn	2,7	IV (Đô thị)	Hoàng Đức (QL10), TT Bút Sơn (QL10).
10	ĐH-HH.13	Thị trấn Bút Sơn - Hoàng Trường	QL10 TT BSơn	H.Trường	10,5	VI-V	TT Bút Sơn (QL10), Hoàng Đạt, Hoàng Hà, Hoàng Yên, Hoàng Hải, Hoàng Trường
11	ĐH-HH.13b	Hoàng Ngọc - Hoàng Tiến - Hoàng Yên	ĐH 13 H.Ngọc	H.Tiến	4,2	VI	Hoàng Ngọc (Cầu Cách), Hoàng Tiến, Hoàng Yên.

TTT	Số hiệu đường	Tên đường	Địa danh		Chiều dài (km)	Cấp đường hiện tại	Vị trí của tuyến
			Điểm đầu	Điểm cuối			
12	ĐH-HH.15	Đường Cán Cờ	QL10 H.Đức	X.Hoàng Đức	0,58	IV	Hoàng Đức (QL10)
13	ĐH-HH.16	TT Bút Sơn - Hoàng Lưu - Hoàng Đạo	QL10 TT Bút Sơn	TL 510 H.Đạo	20,4	VI-IV	TT Bút Sơn (QL10), Hoàng Đồng, Hoàng Thịnh, Hoàng Lộc, Hoàng Thành, Hoàng Trạch, Hoàng Tân, Hoàng Châu, Hoàng Phong, Hoàng Lưu, Hoàng Thắng, Hoàng Đạo(TL510).
14	ĐH-HH.17	TT Bút Sơn - Hoàng Đạt - Hoàng Hà	TT Bút Sơn	ĐH 13 H.Hà	9	VI*	TT Bút Sơn, Hoàng Đạt, Hoàng Hà.
15	ĐH-HH.17b	Ngọc Đình - Hoàng Đạo	Ngọc Đình	TL510 H.Đạo	2,3	VI	Hoàng Hà, Hoàng Đạo (TL510).
16	ĐH-HH.18	Thị trấn Bút Sơn - Hoàng Đạo	QL10 TT Bút Sơn	H.Đạo	2,8	VI*	TT Bút Sơn, Hoàng Đạo.
17	ĐH-HH.18b	Đường Bắc Kênh Nam	Ngã tư Gòg	Đạo Ninh H.Đạo	3	VI*	TT Bút Sơn (QL10), Hoàng Đạo.

TTT	Số hiệu đường	Tên đường	Địa danh		Chiều dài (km)	Cấp đường hiện tại	Vị trí của tuyến
			Điểm đầu	Điểm cuối			
18	ĐH-HH.19	TT Bút Sơn-Hoàng Đạo	ĐH 17 H.Đạo	ĐH 18 H.Đạo	1,5	VI*	TT Bút Sơn, Hoàng Đạo.
19	ĐH-HH.22	Hoàng Tiến - Hoàng Thanh - Hoàng Phụ	H.Tiến	H.Phụ	4,6	VI-V	Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Đông, Hoàng Phụ
20	ĐH-HH.24	Hoàng Trường - Hoàng Phụ	H.Tiến	H.Phụ	8	VI	Hoàng Trường, Hoàng Hải, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Đông, Hoàng Phụ
21	ĐH-HH.25	Hoàng Lộc - Hoàng Lưu	Hoàng Lộc	H.Lưu	6,15	VI-V	Hoàng Lộc, Hoàng Thành, Hoàng Lưu.
22	ĐH-HH.26	Hoàng Thắng - Hoàng Thịnh - Hoàng Lộc	H.Thắng	H.Lộc	3,6	VI	Hoàng Thắng, Hoàng Thái, Hoàng Thịnh, Hoàng Lộc (TL 510).
23	ĐH-HH.27	Đường TT Bút Sơn-Hoàng Đức	Đường tránh QL10	Hoàng Đức	0,6	IV-III	Thị trấn Bút Sơn, Hoàng Đức.
24	ĐH-HH.28	Đường Hoàng	Cầu Cách	Xóm 1 Hoàng	5,6	VI	Hoàng Yên, Hoàng Trường.

TTT	Số hiệu đường	Tên đường	Địa danh		Chiều dài (km)	Cấp đường hiện tại	Vị trí của tuyến
			Điểm đầu	Điểm cuối			
		Yến - Hoàng Trường	(Hoàng Yến)	Yến			
25	ĐH- HH.30	Đường Hoàng Thành- Hoàng Châu	Hoàng Thành	Hoàng Châu	3,9	VI(*)	Hoàng Thành, Hoàng Châu.
26	ĐH- HH.31	Đường Hoàng Xuyên- Đê tả Sông Mã	Hoàng Xuyên	Đê Sông Mã	3,5	VI	Hoàng Xuyên.
27	ĐH- HH.32	Đường Hoàng Thắng- Hoàng Lư	Hoàng Thắng	Hoàng Lư	2,3	VI	Hoàng Thắng, Hoàng Lư.
28	ĐH- HH.33	Đường Hoàng Đạo- Hoàng Tiến	H. Đạo TL510	H. Tiến TL510b	2,2	IV	Hoàng Đạo, Hoàng Ngọc, Hoàng Tiến.
29	ĐH- HH.34	Đường Hoàng Ngọc- Hoàng Thanh	Tỉnh lộ 510b, Hoàng Ngọc	Hoàng Thanh	2,3	VI	Hoàng Ngọc, Hoàng Thanh

2.5.1.2. Hiện trạng giao thông đường thủy nội địa

a. Trên địa bàn huyện có 2 tuyến sông, 1 tuyến kênh với tổng chiều dài 70,3 Km, do cấp trên quản lý. Cụ thể:

*** Sông Mã:**

- Tuyến từ phao số 0 cửa Lạch Hới đến xã Hoàng Trạch: dài 12,7Km, do Cục Hàng Hải quản lý.

- Tuyến từ xã Hoàng Hợp đến Ngã ba Bông xã Hoàng Xuân: dài 13,7Km, do Cục đường thủy nội địa quản lý.

*** Sông Tào:**

- Tuyến từ Phao số 0 (Lạch Trường) đến ngã ba xã Hoàng Hà, dài 14,5Km, do Cục đường thủy nội địa quản lý.

- Tuyến từ Ngã ba Hoàng Hà đến xã Hoàng Đức, dài 14,4Km, do cục đường thủy nội địa quản lý.

*** Kênh Choán:**

- Tuyến từ Ngã ba Hoàng Hà đến Ngã ba Hoàng Phụ, dài 15 Km, do cục đường thủy nội địa quản lý.

* Bãi biển: Huyện Hoàng Hóa có 12 Km bãi biển kéo dài qua các xã Hoàng Trường, Hoàng Hải, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh và Hoàng Phụ.

b. Bến thủy nội địa:

- Bến Lạch Trường xã Hoàng Trường (sông Tào);

- Bến dịch vụ vận tải hành khách du lịch Hải Tiến, xã Hoàng Tiến đang xây dựng.

c. Đò ngang, phà: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 05 đò ngang, 01 phà đang hoạt động đưa, đón khách ngang sông trên các sông Mã và sông Lạch Trường đó là: Đò Vàng xã Hoàng Xuân; Đò Phụng (Đò chùa gia) xã Hoàng Phụng; Đò Cống mới xã Hoàng Châu; Đò Lạch Hới xã Hoàng Phụ; Đò Giàng xã Hoàng Giang và Phà Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa-Hòa Lộc, Hải Lộc, huyện Hậu Lộc.

Đò Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa - Hải Lộc, huyện Hậu Lộc đã được 2 huyện đình chỉ hoạt động theo chỉ đạo của UBND tỉnh;

d. Các tuyến du lịch đường thủy tại Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoàng Hoá.

- Bến dịch vụ vận tải hành khách du lịch Hải Tiến, xã Hoàng Tiến đang xây dựng.

2.5.2. Thủy lợi

Hệ thống đê điều huyện Hoàng Hoá bao gồm hệ thống đê sông dài khoảng 86,7 km, đê biển dài khoảng 2,6 km, 12 trạm bơm dưới đê, 83 cống dưới đê.

1. Đê sông: Huyện có 3 tuyến đê sông là: sông Mã, sông Lạch Trường và sông Cung.

- Đê sông Mã đoạn Hoàng Xuân – Hoàng Phụng – Hoàng Giang đã được cấp phối, đoạn Hoàng Giang – Hoàng Hợp đã rải nhựa, đoạn Hoàng Trạch rải cấp phối, đoạn còn lại là đê đất.

+ Đê sông Tào đoạn đến Quốc lộ 10 và đến xã Hoàng Minh đã bê tông hoá, Đoạn Hoàng Minh – Hoàng Đức đã rải cấp phối, đoạn – Hoàng Phúc rải nhựa đường quốc phòng, đoạn Hoàng Phúc - đến 1/2 xã Hoàng Đạt rải cấp phối, đoạn từ 1/2 xã Hoàng Đạt đến Hoàng Hà là đê đất, đoạn này thường xảy ra lụt lội nhất là trong thời kỳ mưa bão.

+ Trên tuyến đê bên hữu sông Lạch Trường, đoạn Bút Sơn – Hoàng Đạt đã được rải cấp phối, đoạn Hoàng Đạt – Hoàng Hà là đê đất. Đê bên tả đã được cấp phối hoàn toàn.

2. Đê biển: Đê biển huyện chỉ có 1,5km trên địa phận Hoàng Trường và 4km trên địa phận xã Hoàng Phụ. Tất cả chiều dài của các đoạn đê biển trên đã được kè đá.

Hệ thống đê cần được nâng cấp tu bổ ngoài việc chống lũ, ngăn mặn còn góp phần tích cực vào hiện đại hoá giao thông, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Trong những năm qua, bằng các nguồn vốn của Trung ương, của Tỉnh và vốn của nhân dân đóng góp đã tập trung đầu tư làm mới, tu sửa, nâng cấp hệ thống kênh mương, do đó các công trình thủy lợi đang phát huy tác dụng tốt:

Hệ thống kênh mương: 655,8 km, trong đó:

+ Kênh cấp I: 27,8 km

+ Kênh cấp II: 78,0 km

+ Kênh cấp III và nội đồng: 550,0 km

2.5.3. Giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Hệ thống giáo dục cấp vùng bao gồm các trường trung học phổ thông và cơ sở đào tạo nghề:

- Khối trường trung học phổ thông có 05 trường, bao gồm:

+ Trường THPT Lương Đắc Bằng - Thị trấn Bút Sơn.

+ Trường THPT Hoàng Hóa - xã Hoàng Ngọc;

+ Trường THPT Hoàng Hóa 2 - xã Hoàng Kim;

+ Trường THPT Hoàng Hóa 3 - xã Hoàng Ngọc;

+ Trường THPT Hoàng Hóa 4 - xã Hoàng Thành;

- Khối trường đào tạo nghề có trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Hoàng Hóa tại xã Hoàng Đạo.

Nhận xét:

Hiện tại mạng lưới giáo dục phổ thông phân bố đều trên địa bàn huyện và có bán kính phục vụ đảm bảo, cơ sở vật chất được cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu dạy và học trên địa bàn. Trong tương lai cần dành quỹ đất để mở rộng quy mô khi có sự phát triển về dân số, kinh tế, xã hội.

2.5.4. Văn hóa, thể dục - thể thao

Công tác thông tin và truyền thông được triển khai thực hiện có hiệu quả, hướng dẫn cơ sở thực hiện tốt các hoạt động thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tập trung tuyên truyền kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc và các hoạt động quan trọng của huyện như: Tuyên truyền các hoạt động vui Tết; Lễ phát động tết trồng cây mùa xuân và lễ hội xuống đồng đầu năm; Kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (3/2/1930); Kỷ niệm ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước; Kỷ niệm ngày Hoàng Hóa-Điện Bàn kết nghĩa; Lễ hội du lịch biển Hải Tiến....

Cụm trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện đã được đầu tư xây dựng quy mô, tập trung ở thị trấn Bút Sơn, bao gồm các công trình như: trung tâm hội nghị, trung tâm văn hóa thông tin - thể dục thể thao, nhà truyền thống, nhà thi đấu đa năng, sân vận động....

Các công trình thiết chế văn hóa đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa và luyện tập thể dục thể thao cho người dân tại các xã, thị trấn, tại các cơ quan, trường học hàng năm tổ chức hàng loạt các hoạt động thể dục thể thao, các sự kiện lớn nhỏ trong và ngoài huyện như: giải bóng chuyền Cup Delta, giải Việt dã chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, ngày thành lập ngành thể thao Việt Nam, tham gia Đại Hội TDTT toàn tỉnh và đoạt giải ba toàn đoàn...; Hoạt động du lịch diễn ra sôi động, thu hút nhiều khách du lịch. Hạ tầng kỹ thuật tiếp tục được đầu tư xây dựng mới, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ.

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động văn hóa tiếp tục phát triển theo hướng xã hội hóa. Công tác trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, di tích cách mạng, các công trình kiến trúc văn hoá, nghệ thuật được quan tâm. Duy trì tốt các hoạt động thư viện - bảo tàng; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin. Chỉ đạo Trung tâm viễn thông Hoàng Hóa, Trung tâm Viettel Hoàng Hóa và Bưu điện huyện chuẩn bị tốt kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc trong PCTT trên địa bàn huyện.

*** Hạ tầng về du lịch:**

- Hiện nay, trên địa bàn huyện Hoàng Hóa đã xây dựng được 36 cơ sở lưu trú du lịch với tổng số 342 phòng, hầu hết các cơ sở lưu trú đều chưa được xếp hạng chủ yếu tập trung ở khu vực ven biển và khu vực Hoàng Hải, Hoàng Tiến.

- Về hệ thống giao thông, cơ bản đã được đầu tư kết nối thuận lợi, đường kết nối từ Quốc lộ 1A, đến các điểm du lịch đã được đầu tư quy mô để tạo nên một trục cảnh quan dẫn đến các khu du lịch. Hiện nay huyện Hoàng Hóa đã cơ bản hoàn thành dự án tuyến đường nối QL 1A đi khu du lịch biển Hải Tiến và đang xây dựng tuyến

đường Thịnh - Đông từ xã Hoằng Thịnh đi Hoằng Đông, các tuyến đường này sẽ là trục cảnh quan chính từ QL10 đến khu du lịch ven biển.

- Các loại hình dịch vụ ngân hàng và các loại hình phụ trợ để phát triển du lịch theo phương thức hiện đại chưa có, do đó có ảnh hưởng lớn đến khả năng thu hút khách du lịch.

Nhận xét:

Hoằng Hóa là một trong những huyện có các công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp huyện được đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh, quy mô nhất trong tỉnh. Phong trào, hoạt động thể dục thể thao được diễn ra sôi nổi, đều đặn hàng năm, các giải thi đấu lớn trong và ngoài tỉnh đều tham gia và đạt thành tích cao. Các hoạt động văn hóa đa dạng với sự tham gia đông đủ và nhiệt tình của người dân.

2.5.5. Y tế

Huyện Hoằng Hoá có 46 cơ sở y tế, trong đó có 43 trạm y tế cấp xã, thị trấn và 2 bệnh viện đa khoa, 1 phòng khám đa khoa.

Tổng cộng có 826 giường bệnh, trung bình 2,28 giường bệnh/1000 dân, thấp hơn trung bình cả nước (2,68 giường bệnh/1000 dân).

Tổng số Y Bác sỹ là 493 người, trong đó Bác sỹ 139 người và 354 Y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh. Số bác sỹ / 1 vạn dân là 6,1 thấp hơn so với trung bình cả nước (8,4 bác sỹ/ 1 vạn dân).

Chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao, số lượng nhân dân đến khám chữa bệnh tại bệnh viện Đa khoa và các trạm y tế tăng.

Nhận xét:

Mạng lưới Y tế cấp xã và cấp huyện cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, cơ sở vật chất được trang bị hiện đại, đảm bảo đáp ứng nhu cầu. Tuy nhiên số lượng Y bác sỹ còn thấp hơn so với trung bình cả nước.

Bệnh viện đa khoa huyện có quy mô nhỏ, một phần do các cơ sở y tế quan trọng và lớn nhất của tỉnh, của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đều nằm gần huyện (gồm bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện phụ sản, bệnh viện nhi, trạm vệ sinh phòng dịch, viện mắt Trung ương, viện lao phổi Thanh Hoa...). Tuy nhiên trong tương lai cần nâng cao quy mô giường bệnh hoặc bố trí thêm cơ sở mới để đảm bảo bán kính phục vụ và đáp ứng nhu cầu chăm sóc và nâng cao sức khỏe trong tình hình mới theo chủ trương của Đảng.

2.5.6. An ninh, quốc phòng

Công tác Quốc phòng tiếp tục được tăng cường. Thường xuyên rà soát, bổ sung hệ thống văn kiện tác chiến kế hoạch A, A2,3,4, Quyết tâm A; kế hoạch bảo vệ biên đảo Việt Nam; kế hoạch NN chống Trung Quốc thăm dò, khảo sát cửa Vịnh Bắc Bộ;

thực hiện nhiệm vụ quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai và xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc. Hoàn thành công tác tuyển quân năm 2020, tổ chức Lễ bàn giao 224 thanh niên lên đường nhập ngũ, hoàn thành công tác huấn luyện DQTV, đặc biệt thực hiện tốt Mệnh lệnh tác chiến số 49 của Tổng TMT, chuẩn bị cho việc huy động nhân lực, tàu thuyền theo ND-30, ND-130 của Thủ tướng Chính phủ tham gia bảo vệ quyền, chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Chủ quyền an ninh biên giới vùng biển được giữ vững; tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới. Kiện toàn Ban chỉ đạo biên giới huyện và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2020 để tổ chức thực hiện.

Xây dựng kế hoạch điều động lực lượng DQCD các xã trực SSCĐ trong các ngày nghỉ lễ đảm bảo an toàn, chủ động khi có tình huống xảy ra. Công tác xây dựng lực lượng DQTV, GDQP được thường xuyên quan tâm; tổ chức ra quân huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ cho các xã, thị trấn và các cơ quan đơn vị theo kế hoạch; quản lý chặt chẽ số thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; bàn giao 224 thanh niên cho các đơn vị nhận quân đảm bảo số lượng, chất lượng theo kế hoạch tỉnh giao; tổ chức tổng kết công tác tuyển quân năm 2020 và triển khai nhiệm vụ tuyển quân năm 2021. Đăng ký và hoàn chỉnh 210 hồ sơ tuyển sinh dự thi vào các trường đại học, học viện quân đội. duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ trong các ngày lễ, tết trong thời gian Trung Quốc thăm dò, khảo sát cửa Vịnh Bắc Bộ và trong tổ chức phòng chống dịch Covid-19; phòng chống thiên; bảo đảm tuyệt đối ANCT-TTATXH cho Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025.

2.6. Đánh giá chung

2.6.1. Kết quả đạt được

Trong điều kiện thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19, song tình hình KT-XH, QP-AN tiếp tục ổn định và có bước phát triển; có 23/31 chỉ tiêu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; giá trị sản xuất nông-lâm-thủy sản, công nghiệp-xây dựng, dịch vụ-thương mại đều tăng so với cùng kỳ, thu NSNN hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra; các nguồn vốn huy động để đầu tư phát triển tăng; môi trường đầu tư được quan tâm, phát triển doanh nghiệp vượt kế hoạch tỉnh giao; công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng cơ bản có chuyển biến tích cực, quản lý trật tự xây dựng được tăng cường; công tác GPMB, giải tỏa hành lang giao thông, chống lấn chiếm lòng lề đường được quan tâm chỉ đạo quyết liệt; các hoạt động văn hóa – xã hội tiếp tục phát triển theo hướng chuẩn hóa, xã hội hóa; hoạt động du lịch gặp khó khăn do dịch Covid-19, nhưng vẫn được diễn ra và thu, thu hút được lượng khách nhất định; Giáo dục - Đào tạo đạt thành tích cao; quốc

phòng- An ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân thực hiện theo đúng quy định; cải cách hành chính được đẩy mạnh, phòng chống tham nhũng được tăng cường.

2.6.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực hiện nhiệm vụ năm 2020 vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần khắc phục đó là:

- Còn 8/31 chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch giao đầu năm.

- Việc tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 15/NQ-HU và Đề án của UBND huyện về phát triển NTTS nước lợ bền vững giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 chưa chuyển biến mạnh, chưa bền vững; việc giải quyết tranh chấp bãi Ngao tại xã Hoàng phú còn gặp nhiều khó khăn, chưa dứt điểm. Có xã chưa thật sự quan tâm đến xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP, duy trì nâng cao chất lượng thực hiện chỉnh trang cảnh quan, đảm bảo về sinh môi trường. Tỷ lệ tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm chưa đạt kế hoạch. Công tác xây dựng xã đạt tiêu chí NTM nâng cao và thôn đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu gặp nhiều khó khăn.

- Quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, quản lý trật tự xây dựng, hành lang an toàn giao thông, xe quá khổ quá tải, du lịch, môi trường...còn gặp nhiều khó khăn, bất cập; tiến độ giải phóng mặt bằng, triển khai thực hiện một số dự án còn chậm.

- Lĩnh vực Công nghiệp, dịch vụ gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Số doanh nghiệp được thành lập đạt kế hoạch đề ra nhưng số doanh nghiệp ngừng hoạt động còn cao, đa số là các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ, năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh còn hạn chế.

- Mức độ ứng dụng phần mềm trong xử lý hồ sơ công việc, chữ ký số cá nhân, chữ ký số cơ quan; giải quyết thủ tục hành chính mức độ 3, 4 theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông còn nhiều bất cập.

2.6.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan: Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, dịch vụ tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020. Là năm diễn ra Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, có sự thay đổi về cán bộ lãnh đạo các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn nên việc nắm bắt, giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn.

- Nguyên nhân chủ quan: Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của một số ngành, địa phương chưa thực sự nỗ lực và sáng tạo; thiếu sâu sát nên kết quả chưa đạt được yêu cầu đề ra.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến việc sử dụng tài nguyên đất. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sử dụng đất nông nghiệp, đất ở, các công trình và giá trị đất đai. Ngược lại, việc sử dụng đất đai cũng có ảnh hưởng đối với sự thay đổi các yếu tố khí hậu. Vì vậy cần tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Cụ thể, có các hoạt động chính: sử dụng dữ liệu có liên quan đến khí hậu; đánh giá tiềm năng đất đai và các rủi ro do biến đổi khí hậu có thể gây ra; đánh giá về mặt môi trường đối với các phương án quy hoạch nhằm xem xét các tác động của phương án quy hoạch tới khí hậu và ngược lại; đánh giá nhu cầu bố trí đất đai cho các công trình sản xuất năng lượng tái tạo.

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là một bộ phận cấu thành của môi trường sinh thái, có vai trò quan trọng cho tất cả các hoạt động kinh tế – xã hội của con người. Đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt trong nông lâm nghiệp, là cơ sở không gian bố trí lực lượng sản xuất và phát triển đô thị và là tài sản bất động sản. Vì vậy, cần phải có sự quản lý của Nhà nước nhằm mục tiêu sử dụng nguồn tài nguyên đất đai của quốc gia một cách tiết kiệm, có hiệu quả và hợp lý. Các hoạt động của con người trong nhiều thập kỉ gần đây đã làm tăng đáng kể những tác nhân gây hiệu ứng nhà kính, làm trái đất nóng dần lên, từ đó gây ra hàng loạt những thay đổi bất lợi của môi trường tự nhiên như: hạn hán, bão lũ,... tác động tiêu cực đến đời sống con người. Trong bối cảnh đó đòi hỏi phải có các nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất và đề xuất các giải pháp quy hoạch sử dụng tài nguyên đất nhằm thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất của quốc gia nói chung và tỉnh Thanh Hóa và huyện Hoằng Hóa nói riêng.

3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn

Hoằng Hóa có phần diện tích tiếp giáp với biển Đông khoảng 12 km với các xã vùng ven biển có khả năng chịu tác động của hiện tượng nước biển dâng là Hoằng Phụ, Hoằng Tiến, Hoằng Hải Hoằng Trường. Vùng này hàng năm có nguy cơ bị ngập lụt trong mùa mưa và hạn hán, xâm nhập mặn trong mùa khô. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng nói trên, làm tăng diện tích ngập lụt, gây khó khăn cho thoát nước, tăng xói lở bờ biển và nhiễm mặn nguồn nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt, gây rủi ro lớn đối với các công trình xây dựng ven biển như đê biển, đường giao thông, và khu dân cư ven biển. Mực nước biển dâng và nhiệt độ nước biển tăng ảnh hưởng đến các hệ sinh thái biển và ven biển, gây tác động tiêu cực đối với các khu rừng ngập mặn, ảnh hưởng xấu đến nền tảng sinh học cho các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản ven biển. Tất cả những điều trên đây đòi hỏi phải có đầu tư rất lớn để xây dựng và củng cố hệ thống đê biển, nhằm ứng phó với mực nước biển dâng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, di dời và xây dựng các khu dân cư có khả năng thích ứng cao với nước biển dâng.

3.2. Tác động của sự nóng lên toàn cầu

Nhiệt độ tăng lên ảnh hưởng đến các hệ sinh thái tự nhiên, làm dịch chuyển các ranh giới nhiệt của các hệ sinh thái lục địa và hệ sinh thái nước ngọt, làm thay đổi cơ cấu các loài thực vật và động vật ở một số vùng, một số loài có nguồn gốc ôn đới và á nhiệt đới có thể bị mất đi dẫn đến suy giảm tính đa dạng sinh học. Đối với sản xuất nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi và mùa vụ có thể bị thay đổi, trong đó vụ đông có thể bị rút ngắn lại hoặc thậm chí không còn vụ đông; vụ mùa kéo dài hơn. Điều đó đòi hỏi phải thay đổi kỹ thuật canh tác. Nhiệt độ tăng và tính biến động của nhiệt độ lớn hơn, kể cả các nhiệt độ cực đại và cực tiểu, cùng với biến động của các yếu tố thời tiết khác và thiên tai làm tăng khả năng phát triển sâu bệnh, dịch bệnh dẫn đến giảm năng suất và sản lượng, tăng nguy cơ và rủi ro đối với nông nghiệp và an ninh lương thực.

Nhiệt độ tăng, độ ẩm cao làm gia tăng sức ép về nhiệt đối với cơ thể con người, nhất là người già và trẻ em, làm tăng bệnh tật, đặc biệt là các bệnh nhiệt đới, bệnh truyền nhiễm thông qua sự phát triển của các loài vi khuẩn, các côn trùng và vật chủ mang bệnh, chế độ dinh dưỡng và vệ sinh môi trường suy giảm.

Sự gia tăng của nhiệt độ còn ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác như năng lượng, giao thông vận tải, công nghiệp, xây dựng, du lịch, thương mại,... liên quan đến chi phí gia tăng cho việc làm mát, thông gió, bảo quản và vận hành thiết bị, phương tiện, sức bền vật liệu...

3.3. Tác động của các hiện tượng khí hậu cực đoan và thiên tai

Sự gia tăng của các hiện tượng khí hậu cực đoan và thiên tai, cả về tần số và cường độ do biến đổi khí hậu là mối đe dọa thường xuyên, trước mắt và lâu dài đối với tất cả các lĩnh vực, các vùng và các cộng đồng. Bão, lũ lụt, hạn hán, mưa lớn, nắng nóng, tố lốc là thiên tai xảy ra hàng năm ở nhiều vùng trong cả nước, gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Biến đổi khí hậu sẽ làm cho các thiên tai nói trên trở nên ác liệt hơn và có thể trở thành thảm họa, gây rủi ro lớn cho phát triển kinh tế, xã hội hoặc xóa đi những thành quả nhiều năm của sự phát triển, trong đó có những thành quả thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ. Những vùng, khu vực được dự tính chịu tác động lớn nhất của các hiện tượng khí hậu cực đoan nói trên là các xã ở vùng ven biển của huyện.

3.4. Phân tích đánh giá về sa mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.

Do tác động của biến đổi khí hậu mực nước biển dâng cao, nhiều diện tích gieo trồng vùng ven biển và vùng thấp trũng của huyện sẽ có khả năng bị ngập, diện tích rừng ngập mặn bị thu hẹp. Nước biển dâng làm vùng ven bờ bị sạt lở ảnh hưởng trực tiếp đến các khu dân cư ven biển và có nguy cơ thu hẹp. Nước biển dâng làm mặn hóa đầm nước lợ ven biển ảnh hưởng xấu làm thay đổi cấu trúc hệ sinh thái làm thay đổi

cơ cấu diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung ở các xã vùng ven biển của Hoằng Hóa.

Tình trạng xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng ven biển và hạ lưu các sông đã xảy ra thường xuyên trên diện rộng và ngày càng nghiêm trọng đã làm ảnh hưởng đến chất lượng đất canh tác. Nhiều diện tích đất canh tác bị nhiễm mặn không thể trồng lúa do đó phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp. Do đó Hoằng Hóa cần có những biện pháp đề phòng hiện tượng xâm nhập mặn gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

PHẦN II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1.1.1. Tình hình đo đạc, lập bản đồ địa chính:

Về công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính: Năm 2015, trên địa bàn huyện Hoằng Hóa đã hoàn thiện hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt cho 09 xã hoàn thành công tác đo đạc bản đồ gồm 08 xã năm 2014 (Hoằng Trạch, Hoằng Phong, Hoằng Lưu, Hoằng Châu, Hoằng Tân, Hoằng Thanh, Hoằng Đông, Hoằng Phụ) và 01 xã năm 2013 (Hoằng Thắng);

Năm 2015-2019, huyện Hoằng Hóa đã triển khai, chỉ đạo và hoàn thành công tác đo đạc bản đồ, đăng ký hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất đối với 14 xã theo (Hoằng Đông, Hoằng Thái, Hoằng Thịnh, Hoằng Vinh cũ (nay là Thị trấn Bút Sơn), Hoằng Yên, Hoằng Lộc, Hoằng Thành, Hoằng Đạo, Hoằng Đạt, Hoằng Hà, Hoằng Hải, Hoằng Ngọc, Hoằng Tiến, Hoằng Trường).

Tổng cả huyện, đã có 23/37 xã thị trấn đã hoàn thành công tác đo đạc, đăng ký hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất.

1.1.2. Công tác đăng ký, lập hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

- Chỉ đạo, đôn đốc UBND các xã, thị trấn ban hành Thông báo các đối tượng chưa đủ điều kiện cấp GCNQSD đất lần đầu được 32/37 xã, thị trấn (đạt 86,49%). Dự kiến đến ngày 31/12/2020 có 37/37 xã, thị trấn ban hành Thông báo, đạt 100% kế hoạch.

- Trình UBND huyện cấp mới được 1.341 GCN với DT 30,03ha (trong đó: cấp mới lần đầu 436 GCN với DT 17,21ha; cấp mới mặt bằng: 905 GCN với diện tích 12,82 ha).

1.1.3. Quản lý việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định hướng dẫn của Chính phủ, các Thông tư và văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường, văn bản của UBND tỉnh, các hình thức giao đất gồm có giao đất không thu tiền, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền hàng năm đối các tổ chức, cá nhân trong nước, cho thuê đất có thời hạn và trả tiền một lần đối với nhà đầu tư nước ngoài, Thời hạn giao và cho thuê đất đối với đất trồng cây hàng năm (đất lúa, màu), đất nuôi trồng thủy sản không quá 50 năm, đất trồng cây lâu năm, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không quá 50 năm, đất các công trình xây dựng phục vụ cho hạ tầng cơ sở, y tế, văn hoá, giáo dục, tôn giáo và đất làm nhà ở cho nhân dân giao lâu dài.

Trong công tác hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong những năm qua được thực hiện đúng theo pháp luật, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh của

doanh nghiệp và hộ gia đình. Nhà nước khuyến khích các hình thức thoả thuận đền bù với người có đất. Đối với những dự án không thoả thuận đền bù được, những công trình kiến trúc hạ tầng ...Nhà nước tổ chức để lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp thực hiện theo sự chỉ đạo của UBND. Công tác giao, cho thuê, chuyển mục đích và thu hồi đất ở huyện được thực hiện nghiêm túc theo cơ chế 1 cửa và Nghị định Chính phủ.

- Kết quả rà soát, xử lý những trường hợp đất đã giao cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức đoàn thể thuộc quản lý ngành xây dựng nhưng không sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích, trái pháp luật: Không

- Kết quả thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi sắp xếp lại trụ sở, cơ sở làm việc của ngành xây dựng thuộc sở hữu nhà nước để chuyển sang mục đích phát triển kinh tế: Không

- Kết quả Xử lý các trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất các tổ chức cá nhân thuộc ngành xây dựng quản lý nhưng sử dụng lãng phí, không đúng mục đích, đầu tư đất, chậm đưa đất vào sử dụng: Không.

Đến hết năm 2020, toàn huyện đã được giao và cho thuê cho các đối tượng quản lý, sử dụng cụ thể như sau:

a. Giao cho các đối tượng sử dụng 16.673,35 ha, chiếm 81,78 % diện tích tự nhiên, gồm:

- Hộ gia đình cá nhân trong nước: 12.797,13 ha, chiếm 62,77% diện tích tự nhiên
- Tổ chức kinh tế: 427,14 ha, chiếm 2,10% diện tích tự nhiên;
- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 3.296,97 ha, chiếm 16,17%;
- Tổ chức sự nghiệp công lập: 122,99 ha, chiếm 0,60%;
- Tổ chức khác: 0,22 ha
- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo: 28,88 ha, chiếm 0,14%

b. Giao cho các đối tượng quản lý 3.713,89 ha, chiếm 18,21% diện tích tự nhiên, gồm:

- UBND cấp xã, thị trấn: 2288,42 ha, chiếm 11,22% diện tích tự nhiên
- Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác: 1.425,47 ha, chiếm 6,99% diện tích tự nhiên

1.1.4. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai:

Hàng năm, thực hiện theo kế hoạch chung của Bộ tài nguyên và Môi trường, của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá, huyện Hoằng Hóa luôn kịp thời thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai theo tiến độ và quy định đề ra. Năm 2014 và 2019 huyện Hoằng Hóa đã triển khai và hoàn thành nội dung kiểm kê đất đai năm 2014 và 2019 theo đúng kế hoạch, nội dung, sản phẩm được quy định tại thông tư 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 và thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bên cạnh đó, Các thông tin, biến động về thửa đất được cập nhật thường xuyên trong hồ sơ địa chính, xu thế biến động đất phù hợp với phát triển kinh tế hiện nay. Kết quả này là nguồn tư liệu giúp Nhà nước quản lý về quỹ đất chặt chẽ, làm cơ sở cho việc giao

đất, cho thuê đất, thu hồi đất, thu thuế chuyển quyền sử dụng đất và thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất...

1.1.5. Công tác quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất.

- Trong những năm qua, công tác quản lý Nhà nước về đất đai đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, từng bước đưa công tác quản lý Nhà nước về đất đai đi vào nề nếp theo luật định. Về công tác lập quy hoạch sử dụng đất: hiện nay UBND huyện đang xây dựng Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030.

- Công tác lập kế hoạch sử dụng đất: UBND huyện đã chỉ đạo phòng chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng đất của từng năm được Sở Tài nguyên và Môi trường và Hội đồng thẩm định của tỉnh thẩm định trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt làm căn cứ để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn thị xã theo quy định của pháp luật.

Năm 2011 - 2014 lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu cho huyện Hoằng Hóa và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND tỉnh về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Hoằng Hóa;

Năm 2016-2019 lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Hoằng Hóa;

1.1.6. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất

Công tác quản lý tài chính về đất đai đã và đang được UBND huyện Hoằng Hóa quan tâm và thực hiện theo đúng quy định, vì đây vừa là yêu cầu khách quan và cũng vừa là công cụ quản lý quan trọng trong điều hành Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm qua nhiều chính sách tài chính về đất đai được ban hành như Chính sách thu tiền sử dụng đất (Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004); Chính sách thu tiền thuế đất, thuê mặt nước (Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/10/2005); Chính sách về giá đất (Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004); Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004); Chính sách về đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất (Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005); QĐ số 4545/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2015-2019; QĐ số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định hàng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh.... tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc khai thác nguồn lực tài chính đất đai phục vụ cho phát triển kinh tế - Xã hội của địa phương. Tuy nhiên chính sách tài chính đất đai trong quá trình triển khai thực tế vẫn còn nảy sinh nhiều bất cập, đó là:

- Giá đất năm sau thường biến động tăng hơn năm trước, trong khi công tác giải phóng mặt bằng thường kéo dài dẫn đến giá đất để tính thu tiền sử dụng đất và giá bồi thường, hỗ trợ về đất được duyệt làm căn cứ để khấu trừ tiền đền bù hỗ trợ về đất vào tiền sử dụng đất phải nộp không cân bằng;

- Đơn giá thuê đất (tỷ 1% giá đất) còn thấp so với mức thu tiền sử dụng đất dẫn đến hạn chế nguồn thu và không khuyến khích sử dụng đất có hiệu quả, không công bằng về nghĩa vụ tài chính;

- Việc xác định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường trong điều kiện bình thường cũng gặp không ít khó khăn, lúng túng do chưa có quy trình chuẩn về trình tự, thủ tục bàn giao đất thực tế (nhất là đối với đất chưa được GPMB), về quy trình xác định giá đất thị trường, về thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất đối với đất đang sử dụng, đất chuyển mục đích sử dụng đất.

Hiện nay chính sách thuế, phí và lệ phí đối với BĐS được ban hành khá đầy đủ như thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế thu nhập đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, lệ phí trước bạ và các khoản lệ phí liên quan khác. Tuy nhiên hiện nay chính sách thuế BĐS vẫn còn nhiều bất cập như thuế chuyển nhượng BĐS là 2% trên giá chuyển nhượng. Cách thu này dễ cho cơ quan thuế, nhưng không đảm bảo tính minh bạch của thị trường. Đồng thời việc truy thu thuế BĐS cũng gặp khó khăn do không có hồ sơ, căn cứ để chứng minh giá mua vào, trong khi người mua thường để mức giá thấp nhất để tránh phải nộp thuế, phí, gây thiệt hại cho nhà nước. Do đó việc quy định một phương thức tính thuế để đảm bảo sự minh bạch, tránh khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện là cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời nên nghiên cứu đánh thuế đối với người sử dụng từ bất động sản thứ 2 trở lên, tránh trường hợp người có tiền đầu cơ đất đai trục lợi, đẩy giá đất tăng trưởng nóng như thời gian vừa qua, gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình phát triển KT-XH của địa phương.

1.1.7. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Trước đây, công tác quản lý giám sát thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất chưa được quan tâm đúng mức. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai chưa cao.

Thi hành các quy định về pháp luật đất đai hiện nay, tỉnh đã quan tâm bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất ngày càng đầy đủ và tốt hơn.

1.1.8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

UBND huyện đã và đang tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm trong quản lý đất đai trên địa bàn các xã, thị trấn. Kiểm tra việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất cho các dự án đầu tư trên địa bàn.

UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo tích cực xử lý các sai phạm phát hiện qua thanh, kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường theo kết luận thanh tra, đồng thời chỉ đạo các xã, thị trấn xử lý sau thanh tra theo các kết luận thanh tra của huyện. Đã kịp thời có các biện pháp chấn chỉnh công tác quản lý đất đai trên địa bàn, đưa công tác này đi vào nề nếp, theo luật.

1.1.9. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất

UBND huyện đã tập trung chỉ đạo giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai trên địa bàn, kịp thời giải quyết các đơn thư của công dân về lĩnh vực đất đai không để đơn thư tồn đọng, đảm bảo ổn định tình hình địa phương. Các trường hợp tranh chấp đã được giải quyết dứt điểm, đúng quy trình và đúng pháp luật. Các trường hợp sai phạm đã được xử lý nghiêm túc, hạn chế được đơn thư vượt cấp, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân

1.2.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua công tác quản lý đất đai của huyện luôn được quan tâm và đạt được những kết quả đáng khích lệ. Về cơ bản đã hình thành hệ thống quản lý và thực hiện các nhiệm vụ quản lý đất đai ngày càng đi vào nề nếp tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý đất đai những năm tiếp theo.

Công tác thanh tra, kiểm tra đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, đơn thư khiếu nại, tố cáo vi phạm trong sử dụng đất được thực hiện, xử lý kịp thời, phù hợp với quy định của pháp luật và được nhân dân đồng tình ủng hộ, số lượng đơn thư khiếu nại giảm.

1.2.2. Những tồn tại cần được khắc phục

Do đất đai là vấn đề nhạy cảm, việc sử dụng đất mang nặng tính lịch sử, trong tư duy của một bộ phận nhân dân chưa phù hợp với quy định của pháp luật, một số nội dung quản lý đất đai trước đây thiếu chặt chẽ, tạo kẽ hở pháp luật nên dẫn đến một số tồn tại cần được khắc phục, đó là:

- Quan niệm và nhận thức về sở hữu đất đai của người dân không rõ ràng, gây khó khăn trong việc thu hồi đất, quản lý mặt bằng, giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai;

- Việc sử dụng đất ở một số nơi còn lãng phí, để hoang hoá, không sử dụng đất liên tục 12 tháng sau khi được giao đất. Tình trạng vi phạm pháp luật đất đai vẫn xảy ra như lấn chiếm đất công, sử dụng đất không đúng mục đích, chuyển nhượng đất trái pháp luật, vi phạm quy hoạch...

Nhìn chung chất lượng các phương án quy hoạch và kế hoạch còn hạn chế, nội dung quy hoạch còn mang tính hình thức, chấp vá, do tài liệu điều tra cơ bản như hệ thống bản đồ, hồ sơ địa chính chưa đầy đủ hoàn thiện, hồ sơ tài liệu quy hoạch sử dụng đất chưa được công bố, công khai theo luật đất đai quy định, kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa được bám sát quy hoạch và điều chỉnh kịp thời để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Hiệu quả đầu tư chưa cao, nhất là lĩnh vực phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp. Do điều kiện địa hình phức tạp, nhiều công trình đầu tư giao thông, hồ đập bị mưa lũ cuốn trôi hoặc gây sạt lở.

1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Qua thực tiễn những ưu, khuyết điểm, những hạn chế và những bất cập của công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Hoằng Hóa trong thời gian qua, cho ta rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu để đưa công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai đạt được kết quả tốt như sau:

- Phải tạo được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, chính quyền và sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân tất cả vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chủ động, sáng tạo, tích cực triển khai thực hiện các chủ trương của cấp uỷ và Nghị quyết của HĐND trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành các cấp chính quyền địa phương phải kiên quyết, cụ thể, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh.

- Tất cả các cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý đất đai cần nắm vững Luật Đất đai, các Nghị định, Thông tư, các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành pháp luật đất đai, vì phần lớn năng lực cán bộ địa chính cấp xã, thị trấn còn hạn chế. Nếu nắm vững được Luật, các văn bản dưới Luật, chắc chắn sẽ giảm bớt những vấn đề làm sai Luật như đang diễn ra ở các góc độ và mức độ khác nhau như hiện nay.

- Cần thực hiện tốt kế hoạch hoá sử dụng đất đai cấp xã, cấp huyện đã được phê duyệt, kịp thời chấn chỉnh UBND các xã xem nhẹ công tác quản lý đất đai, thiếu tinh thần trách nhiệm, buông lỏng kỷ cương dẫn đến vi phạm pháp luật đất đai. Xử lý nghiêm minh tình trạng cấp đất, giao đất, cho thuê đất không đúng thẩm quyền, thu tiền sử dụng đất sai quy định, tình trạng sử dụng đất, lãng phí, sai mục đích, lấn chiếm đất công, phá rừng làm nương rẫy trái phép.

- Các cấp, các ngành, đoàn thể cần đấu tranh kiên quyết đối với việc lợi dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt đất công, đất rừng; bao chiếm đất rừng phòng hộ, đất do nhà nước quản lý; chuyển nhượng và xây cất nhà trái phép. Các cấp uỷ đảng, chính quyền kịp thời ngăn ngừa và kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, công chức có biểu hiện sa sút về đạo đức, phẩm chất, lối sống, có hành vi vi phạm pháp luật đất đai. Cần giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở cơ sở.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, tổng diện tích tự nhiên huyện Hoằng Hóa là 20.387,24 ha. Trong đó, đất nông nghiệp chiếm 67,02 %, đất phi nông nghiệp chiếm 31,80 %, đất chưa sử dụng chiếm 1,19 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Số

liệu chi tiết được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 4: Hiện trạng sử dụng đất huyện Hoàng Hóa năm 2020

(Diện tích tính đến hết 31/12/2020)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		20.387,24	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	13.662,77	67,02
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7.772,93	38,13
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>6.880,36</i>	<i>33,75</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.323,88	6,49
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	932,78	4,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	146,14	0,72
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.096,13	5,38
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.280,35	11,19
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	110,56	0,54
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.482,82	31,80
2.1	Đất quốc phòng	CQP	66,44	0,33
2.2	Đất an ninh	CAN	0,94	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,53	0,31
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	226,58	1,11
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	147,16	0,72
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.611,97	12,81
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>40,16</i>	<i>0,20</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>17,36</i>	<i>0,09</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>87,74</i>	<i>0,43</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>40,07</i>	<i>0,20</i>
-	<i>Đất cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>		
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>		
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.828,45</i>	<i>8,97</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>580,31</i>	<i>2,85</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>1,74</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,22</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>14,92</i>	<i>0,07</i>
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,76	0,03
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	12,83	0,06
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.874,23	9,19
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	105,46	0,52
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	27,49	0,13

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,54	0,04
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.2	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,34	0,06
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	205,83	1,01
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,16	0,02
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	40,15	0,20
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,52	0,08
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.028,62	5,05
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	26,27	0,13
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	241,65	1,19

2.1.1. Hiện trạng đất nông nghiệp:

1) Đất trồng lúa: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 7772,93 ha, chiếm 38,13 % diện tích tự nhiên.

Trong đó: Đất chuyên lúa nước: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 6880,36 ha, chiếm 33,75 % diện tích tự nhiên.

2) Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1323,88 ha, chiếm 6,49 % diện tích tự nhiên.

3) Đất trồng cây lâu năm: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 932,78 ha, chiếm 4,58 % diện tích tự nhiên.

4) Đất rừng phòng hộ: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 146,14 ha, chiếm 0,72 % diện tích tự nhiên.

5) Đất rừng sản xuất: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1096,13 ha, chiếm 5,38 % diện tích tự nhiên.

6) Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 2280,35 ha, chiếm 11,19 % diện tích tự nhiên.

7) Đất nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 110,56 ha, chiếm 0,54 % diện tích tự nhiên.

2.1.2. Đất phi nông nghiệp:

1) Đất quốc phòng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 66,44 ha, chiếm 0,33 % diện tích tự nhiên.

2) Đất an ninh: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 0,94 ha, chiếm 0 % diện tích tự nhiên.

3) Đất cụm công nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 62,53 ha, chiếm 0,31 % diện tích tự nhiên.

4) Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 226,58 ha, chiếm 1,11 % diện tích tự nhiên.

5) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 147,16 ha, chiếm 0,72 % diện tích tự nhiên.

6 Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 2611,97 ha, chiếm 12,81 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở văn hóa: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 40,16 ha, chiếm 0,2 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở y tế: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 17,36 ha, chiếm 0,09 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 87,74 ha, chiếm 0,43 % diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở thể dục thể thao: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 40,07 ha, chiếm 0,2 % diện tích tự nhiên.

- Đất giao thông: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1828,45 ha, chiếm 8,97 % diện tích tự nhiên.

- Đất thủy lợi: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 580,31 ha, chiếm 2,85 % diện tích tự nhiên.

- Đất công trình năng lượng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1,74 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên.

- Đất công trình bưu chính, viễn thông: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1,22 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên.

- Đất chợ: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 14,92 ha, chiếm 0,07 % diện tích tự nhiên.

7) Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 5,76 ha, chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên.

8) Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 12,83 ha, chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên.

9) Đất ở tại nông thôn: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1874,23 ha, chiếm 9,19 % diện tích tự nhiên.

10) Đất ở tại đô thị: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 105,46 ha, chiếm 0,52 % diện tích tự nhiên.

11) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 27,49 ha, chiếm 0,13 % diện tích tự nhiên.

12) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 8,54 ha, chiếm 0,04 % diện tích tự nhiên.

13) Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 12,34 ha, chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên.

14) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 205,83 ha, chiếm 1,01 % diện tích tự nhiên.

15) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 3,16 ha, chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên.

16) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 40,15 ha, chiếm 0,2 % diện tích tự nhiên.

17) Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 16,52 ha, chiếm 0,08 % diện tích tự nhiên.

18) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 1028,62 ha, chiếm 5,05 % diện tích tự nhiên.

19) Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 26,27 ha, chiếm 0,13 % diện tích tự nhiên.

2.1.3. Đất chưa sử dụng: Diện tích hiện trạng năm 2020 là 241,65 ha, chiếm 1,19 % diện tích tự nhiên.

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Hoằng Hóa năm 2020 là 20.387,24 ha, tăng 7,05 ha so với năm 2015 (20.380,19 ha) và tăng 167,45 ha so với năm 2010 (20.219,79 ha). Nguyên nhân có sự thay đổi trên lớn giữa 2 kỳ 2020 và 2010 do một số yếu tố sau: Thứ nhất do thay đổi phương pháp kiểm kê đất đai của 2 thời kỳ 2019 và 2009, nếu năm 2009 công tác kiểm kê đất đai thực hiện theo phương pháp thủ công truyền thống, cộng dồn các diện tích biến động của các năm thì năm 2019 theo quy định của Bộ tài nguyên và Môi trường sẽ sử dụng phần mềm TK Destop và ưu tiên sử dụng nền bản đồ địa chính để thực hiện công tác kiểm kê đất đai mà bản đồ địa chính của huyện đã được đo đạc chính xác địa giới hành chính, ranh giới thửa đất nên số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 của huyện có sự chính xác, đúng theo hiện trạng sử dụng đất của địa phương vì vậy dẫn đến sự biến động lớn về diện tích tự nhiên của huyện trong hai kỳ kiểm kê. Do đó dẫn đến số liệu năm hiện trạng 2010 và 2020 sẽ có sự biến động lớn như vậy. Thứ 2, đo chỉ tiêu xác định các loại đất của 2 kỳ kiểm kê 2009 và 2019 cũng khác nhau điều này cũng dẫn tới có sự chênh lệch lớn về diện tích của các loại đất nhỏ bên trong diện tích tự nhiên của huyện.

Đồng thời, so với kỳ kiểm kê 2014, thống kê 2015, diện tích tự nhiên huyện tăng do sau khi tiếp biên, thống nhất lại ranh giới sử dụng đất với thành phố Thanh Hóa, kết quả huyện Hoằng Hóa tăng 7,05 ha do đưa lại ranh giới theo đúng ranh giới sử dụng đất và hiện trạng đang quản lý.

Bảng 5: Tình hình biến động sử dụng đất đai năm 2010-2020

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Hiện trạng sử dụng đất năm 2015		Hiện trạng sử dụng đất năm 2010	
				Diện tích (ha)	So sánh 2020-2015	Diện tích (ha)	So sánh 2020-2010
	TỔNG DTTN (1+2+3)		20.387,24	20.380,19	7,05	20.219,79	167,45
1	Đất nông nghiệp	NNP	13.662,77	14.132,37	-469,60	13.329,77	333,00
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7.772,93	8.077,46	-304,53	8.289,54	-516,61
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	6.880,36	6.871,58	8,78	6.653,06	227,30
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.323,88	1.589,53	-265,65	1.529,06	-205,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	932,78	881,88	50,90	444,84	487,94
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	146,14	969,51	-823,37	1.273,95	-1.127,81
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.096,13	227,82	868,31		1.096,13
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.280,35	2.323,42	-43,07	1.778,85	501,50
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	110,56	62,75	47,81	13,53	97,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.482,82	5.942,21	540,61	6.273,08	209,74
2.1	Đất quốc phòng	CQP	66,44	64,02	2,42	24,31	42,13
2.2	Đất an ninh	CAN	0,94	0,94		0,94	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất khu chế xuất	SKT					
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,53		62,53		62,53
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	226,58	0,24	226,34		226,58
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	147,16	195,52	-48,36	136,75	10,41
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		0,12	-0,12	1,80	-1,80
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.611,97	2.311,37	300,60	2.601,40	10,57
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,76	2,68	3,08	7,51	-1,75
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		21,33	-21,33		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	12,83	13,63	-0,80	3,89	8,94
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.874,23	1.813,37	60,86	1.772,58	101,65
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	105,46	35,73	69,73	19,10	86,36
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ	TSC	27,49	21,14	6,35	22,73	4,76

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

	quan						
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,54	7,94	0,60		8,54
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,34	7,59	4,75	2,76	9,58
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	205,83	179,43	26,40	172,47	33,36
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,16	4,68	-1,52	22,81	-19,65
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		23,63	-23,63		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	40,15		40,15		40,15
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,52	9,91	6,61	8,09	8,43
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.028,62	1.133,68	-105,06	1.240,96	-212,34
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	26,27	95,26	-68,99	230,42	-204,15
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				4,56	-4,56
3	Đất chưa sử dụng	CSD	241,65	305,61	-63,96	616,94	-375,29

2.2.1. Biến động đất đai so với năm 2010

2.2.1.1. *Đất nông nghiệp*: Hiện trạng năm 2020 là: 13.662,77 ha, tăng 333 ha so với năm 2010 (13.329,77 ha)

1) Đất trồng lúa: Hiện trạng năm 2020 là: 7.772,93 ha, giảm 516,61 ha so với năm 2010 (8.289,54 ha), nguyên nhân do chuyển sang để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, cụ thể do tăng lên do xác định lại mục đích sử dụng đất từ quỹ đất chưa sử dụng.

- Trong đó: Đất chuyên lúa nước: Hiện trạng năm 2020 là: 6.880,36 ha, tăng 227,3 ha so với năm 2010 (6.653,06 ha)

2). Đất trồng cây hàng năm khác: Hiện trạng năm 2020 là: 1.323,88 ha, giảm 205,18 ha so với năm 2010 (1.529,06 ha) nguyên nhân do chuyển sang để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, cụ thể do tăng lên do xác định lại mục đích sử dụng đất từ quỹ đất chưa sử dụng và từ đất trồng lúa.

3). Đất trồng cây lâu năm: Hiện trạng năm 2020 là: 932,78 ha, tăng 487,94 ha so với năm 2010 (444,84 ha) nguyên nhân do chuyển sang để thực hiện các dự án phi

nông nghiệp, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, cụ thể tăng thêm do xác định lại từ quỹ đất chưa sử dụng.

4). Đất rừng phòng hộ: Hiện trạng năm 2020 là: 146,14 ha, giảm 1127,81 ha so với năm 2010 (1.273,95 ha), nguyên nhân do chuyển sang để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, cụ thể giảm đi do chuyển sang đất rừng sản xuất theo quy hoạch 03 loại rừng.

5). Đất rừng sản xuất: Hiện trạng năm 2020 là: 1.096,13 ha, tăng 1096,13 ha so với năm 2010 (0,00 ha) nguyên nhân do chuyển sang để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, cụ thể, tăng thêm do xác định lại từ quỹ đất rừng phòng hộ

6). Đất nuôi trồng thủy sản: Hiện trạng năm 2020 là: 2.280,35 ha, tăng 501,5 ha so với năm 2010 (1.778,85 ha) nguyên nhân do chuyển sang để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế.

7). Đất nông nghiệp khác: Hiện trạng năm 2020 là: 110,56 ha, tăng 97,03 ha so với năm 2010 (13,53 ha) nguyên nhân do chuyển sang để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế.

2.2.1.2. *Đất phi nông nghiệp*: Hiện trạng năm 2020 là: 6.482,82 ha, tăng 209,74 ha so với năm 2010 (6.273,08 ha)

1). Đất quốc phòng: Hiện trạng năm 2020 là: 66,44 ha, tăng 42,13 ha so với năm 2010 (24,31 ha)

2). Đất an ninh: Hiện trạng năm 2020 là: 94 ha, giảm 0 ha so với năm 2010 (0,94 ha)

3). Đất cụm công nghiệp: Hiện trạng năm 2020 là: 62,53 ha, tăng 62,53 ha so với năm 2010 (0,00 ha), nguyên nhân do tăng thêm để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, cụ thể.....

4). Đất thương mại, dịch vụ: Hiện trạng năm 2020 là: 226,58 ha, tăng 226,58 ha so với năm 2010 (0,00 ha)

5). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Hiện trạng năm 2020 là: 147,16 ha, tăng 10,41 ha so với năm 2010 (136,75 ha)

6). Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Hiện trạng năm 2020 là: 2.611,97 ha, tăng 10,57 ha so với năm 2010 (2.601,4 ha), nguyên nhân do tăng thêm để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, cụ thể, theo phương pháp thống kê trước đây, diện tích giao thông, thủy lợi không được thống kê một cách chính xác, dẫn đến tình trạng giao thông và thủy lợi là yếu tố dễ bình sai số liệu, đến thời điểm kiểm kê 2019, 2014, diện tích đất giao thông, thủy lợi được xác định một cách chính xác trên bản đồ khoanh vẽ và hiện trạng, do đó có sự điều chỉnh lại đất giao thông, thủy lợi sang các loại đất nông

8). Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Hiện trạng năm 2020 là: 5,76 ha, giảm 1,75 ha so với năm 2010 (7,51 ha)

9). Đất bãi thải, xử lý chất thải: Hiện trạng năm 2020 là: 12,83 ha, tăng 8,94 ha so với năm 2010 (3,89 ha)

10). Đất ở tại nông thôn: Hiện trạng năm 2020 là: 1.874,23 ha, tăng 101,65 ha so với năm 2010 (1.772,58 ha) nguyên nhân do tăng thêm để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch, đồng thời giảm đi do việc sát nhập xã Hoàng Phúc và Hoàng Vinh vào Thị trấn, nên toàn bộ diện tích đất ở nông thôn của 02 xã này chuyển sang đất ở đô thị.

11). Đất ở tại đô thị: Hiện trạng năm 2020 là: 105,46 ha, tăng 86,36 ha so với năm 2010 (19,1 ha) nguyên nhân do tăng thêm để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch, đồng thời tăng do việc sát nhập xã Hoàng Phúc và Hoàng Vinh vào Thị trấn, nên toàn bộ diện tích đất ở nông thôn của 02 xã này chuyển sang đất ở đô thị.

12). Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Hiện trạng năm 2020 là: 27,49 ha, tăng 4,76 ha so với năm 2010 (22,73 ha) nguyên nhân do tăng thêm để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành, cụ thể xác định lại từ đất trụ sở cơ quan sang đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp.

13). Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Hiện trạng năm 2020 là: 8,54 ha, tăng 8,54 ha so với năm 2010 (0,00 ha) nguyên nhân do tăng thêm để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành, do xác định lại từ đất trụ sở cơ quan sang.

14). Đất cơ sở tôn giáo: Hiện trạng năm 2020 là: 12,34 ha, tăng 9,58 ha so với năm 2010 (2,76 ha)

15). Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Hiện trạng năm 2020 là: 205,83 ha, tăng 33,36 ha so với năm 2010 (172,47 ha)

16). Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Hiện trạng năm 2020 là: 3,16 ha, giảm 19,65 ha so với năm 2010 (22,81 ha)

17). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Hiện trạng năm 2020 là: 40,15 ha, tăng 40,15 ha so với năm 2010 (0,00 ha)

18). Đất cơ sở tín ngưỡng: Hiện trạng năm 2020 là: 16,52 ha, tăng 8,43 ha so với năm 2010 (8,09 ha) nguyên nhân do tăng thêm để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, cụ thể xác định lại từ mã đất chung đất cơ sở tôn giáo tín ngưỡng (TTN).

19). Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Hiện trạng năm 2020 là: 1.028,62 ha, giảm 212,34 ha so với năm 2010 (1.240,96 ha) nguyên nhân do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, ngoài ra tình hình sạt lở ven sông cũng dẫn tới diện tích đất sản xuất giảm, diện tích đất sông ngòi tăng.

20). Đất có mặt nước chuyên dùng: Hiện trạng năm 2020 là: 26,27 ha, giảm 204,15 ha so với năm 2010 (230,42 ha)

2.2.2.3. *Đất chưa sử dụng*: Hiện trạng năm 2020 là: 241,65 ha, giảm 375,29 ha so với năm 2010 (616,94 ha), nguyên nhân do chuyển sang để thực hiện các dự án nông nghiệp, phi nông nghiệp, đồng thời do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất theo đúng thực tế, cụ thể, xác định lại mục đích là đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất.

2.2.2. Nguyên nhân biến động

- Do sự thay đổi của việc xác định một số loại đất đã được phê duyệt giai đoạn 2011 - 2015 (căn cứ theo quy định Luật đất đai 2003) khác với chỉ tiêu kiểm kê đất đai năm 2014, 2019 (căn cứ Luật đất đai 2013) nên kết quả thực hiện đất đai giai đoạn 2011-2015 có nhiều thay đổi so với quy hoạch được duyệt.

- Thực hiện mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; trong quá trình thực hiện đã quy hoạch lại hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng và sắp xếp lại cơ cấu cây trồng theo hướng chuyên canh hàng hóa, do đó cơ cấu các loại đất tại các xã chuyển đổi đều có sự thay đổi đáng kể.

- Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, gia tăng về dân số thì việc đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng như hệ thống đường giao thông, kiên cố hóa kênh mương, bố trí mới các điểm dân cư, các khu vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện... nên diện tích các loại đất đều có sự biến động.

2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

2.3.1.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội

- Sản xuất nông, lâm nghiệp cơ bản đi vào thâm canh, coi trọng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích. Đã có những chính sách hợp lý để khuyến khích cải tạo đất chưa sử dụng để mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng nên diện tích đất nông nghiệp đã tăng lên đáng kể; môi trường sinh thái ngày càng được cải thiện.

- Thực hiện giao đất sản xuất nông nghiệp ổn định cùng với các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hoá đã làm cho nông dân năng động hơn, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển nhiều vườn cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tăng đáng kể, đưa sản lượng lương thực có hạt bình quân mỗi năm đều tăng, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu lương thực tại chỗ cho nhân dân.

- Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, nông thôn, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp... đã tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển.

2.3.1.2. Hiệu quả môi trường

Nhìn chung, việc sử dụng đất của huyện Hoằng Hóa luôn đi đôi với vấn đề bảo vệ môi trường và thường xuyên được quan tâm chỉ đạo từ các cấp nên việc sử dụng đất của huyện về cơ bản đáp ứng tốt các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nói chung, tài nguyên rừng được quản lý nghiêm ngặt đã góp phần tích cực trong công tác bảo vệ đất và bảo vệ môi trường tại địa phương.

Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra tình trạng sử dụng các chất hoá học trong nông nghiệp ... đã và đang là nguyên nhân làm giảm số lượng của nhiều loại vi sinh vật có ích, làm giảm đa dạng sinh học cũng như tăng hàm lượng các chất gây độc trong đất do hàm lượng tồn dư.

Ngoài ra, tập quán sinh hoạt của người dân, các chất thải, nước thải, rác thải trong các khu dân cư đô thị, các cơ sở sản xuất kinh doanh... cũng là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường sống cũng như tác động xấu đến môi trường đất.

Vì vậy, huyện đã thường xuyên chỉ đạo và tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, các trang trại chăn nuôi. Nâng cao chất lượng thẩm định kế hoạch, báo cáo đánh giá tác động của các dự án theo thẩm quyền. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư công, dự án quy hoạch khu đất ở dân cư.

2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

a. Cơ cấu sử dụng đất

- Theo số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2020, diện tích đất nông nghiệp của huyện chiếm tỷ trọng cao (chiếm 67,02 % tổng diện tích tự nhiên). Trong đất nông

nghiệp, diện tích đất lúa chiếm 38,13 %, đất nuôi trồng thủy sản chiếm 11,19 %, đất lâm nghiệp 6,09 %.

- Đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ còn thấp trong cơ cấu sử dụng đất của huyện (chiếm 31,80 % tổng diện tích tự nhiên). Trong đất phi nông nghiệp, diện tích đất cho hoạt động thương mại dịch vụ chỉ chiếm 1,11 %, Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chỉ chiếm 0,72 %; đất cho phát triển cơ sở hạ tầng (cả hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật) chiếm 12,81 %.

- Đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng khá triệt để trong những năm qua nhưng vẫn còn chiếm 1,19 % trong cơ cấu sử dụng đất.

b. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

- Trong lĩnh vực nông nghiệp: Đã cơ bản ổn định việc sử dụng đất cho nông hộ. Sản xuất nông nghiệp đang dần đi vào chiều sâu thông qua các giải pháp tích cực để tăng vụ sản xuất, tăng lượng nông sản hàng hoá phục vụ xuất khẩu. Cải tạo triệt để đất chưa sử dụng để làm tăng hiệu quả sử dụng đất, tạo nguồn bổ sung cho quỹ đất nông nghiệp bị chuyển trong kỳ.

- Trong lĩnh vực phi nông nghiệp: Đất phi nông nghiệp chiếm chỉ 25,45 % diện tích tự nhiên nhưng giá trị sản xuất chiếm hơn 75,00 % trong cơ cấu kinh tế cho thấy huyện đã có nhiều tiến bộ vượt bậc trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Tuy quỹ đất phi nông nghiệp tăng chậm nhưng trong lĩnh vực công nghiệp đã hình thành các khu sản xuất vật liệu xây dựng tập trung, phát triển quỹ đất để đầu tư các khu đô thị và phát triển du lịch, do vậy tốc độ tăng trưởng các khu vực công nghiệp luôn ở mức trên 12% và thương mại dịch vụ luôn đạt trên 10% trong suốt giai đoạn qua; Cơ sở hạ tầng, mạng lưới giao thông từng bước được sửa chữa, nâng cấp và mở mới qua các năm.

c) Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất

Người dân Hoàng Hóa có truyền thống sản xuất nông nghiệp từ lâu đời, với việc tưới tiêu hiện nay ngày càng chủ động trên đồng ruộng Hoàng Hóa chủ động sản xuất được hai vụ lúa, diện tích cây vụ đông ngày càng được mở rộng với các cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao. Diện tích vườn tạp đã và đang được cải tạo thay thế cây tạp bằng cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao. Diện tích đất đồi rừng được giao cho người dân tạo thành tập quán canh tác mới trồng các loại cây cho sản phẩm kinh tế như cây ăn quả, cây măng tre....Trên diện tích ruộng trũng hình thành các trang trại sản xuất đa canh với mô hình 1 vụ lúa 1 vụ nuôi thả thủy các loại đã tăng hiệu quả kinh tế trên diện tích trồng lúa cho năng suất thấp trước đây. Trong sản xuất nông nghiệp người dân trong huyện luôn được tuyên truyền, hướng dẫn các kỹ thuật mới, kiến thức mới trong canh tác cây trồng, trong chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Nhiều loại cây, con, nhiều mô hình sản xuất mới được đưa vào địa bàn như giống cá mới, cây bí, cây đậu tương, cây dưa chuột trên đất lúa nước...

Trong sản xuất công nghiệp huyện luôn định hướng và ưu tiên cho các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao, công nghiệp sạch, hạn chế các ngành công nghiệp gây ô nhiễm, sử dụng nhiều lao động nhưng hiệu quả kinh tế thấp nhằm nâng cao chất lượng các ngành sản xuất trên địa bàn, nâng cao chất lượng tay nghề của người lao động. Đối với các hoạt động khai thác khoáng sản huyện chỉ tiến hành cấp phép cho các đơn vị tiến hành khai thác theo quy mô công nghiệp, dài hạn, không cấp phép cho các hoạt động khai thác ngắn hạn để tăng hiệu quả trong khai thác khoáng sản, bảo vệ cảnh quan môi trường.

2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất

- Mặc dù diện tích trồng mới rừng không ngừng được tăng lên, công tác quản lý, bảo vệ ngày càng được tăng cường song thực trạng độ che phủ bằng cây rừng hiện nay vẫn chưa đảm bảo an toàn cho môi trường sinh thái.

- Quỹ đất dành cho các hoạt động phát triển kinh tế, phát triển các khu công nghiệp, khu du lịch... chưa được khai thác sử dụng hiệu quả, một số công trình, dự án đã được giao đất nhưng tiến độ triển khai còn chậm hoặc chưa được thực hiện, gây lãng phí trong sử dụng đất.

- Việc sử dụng đất trong các lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản, du lịch, quốc phòng an ninh cũng gặp nhiều vướng mắc do còn có sự thiếu kết nối giữa quy hoạch phát triển của các ngành, hạn chế trong việc phát huy lợi thế của từng lĩnh vực.

- Việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp cho các mục đích phát triển công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị hoá là điều tất yếu trong quá trình phát triển theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 và các năm tiếp theo.

- Công tác tổ chức giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt khi thu hồi đất vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên cần quan tâm một số vấn đề cơ bản sau:

- Cần quy hoạch ổn định diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phù hợp với tiềm năng đất đai của từng khu vực, thực hiện đầu tư thâm canh theo chiều sâu, sản xuất tập trung tạo ra sản phẩm hàng hóa theo hướng xuất khẩu. Tăng cường có hiệu quả công tác trồng rừng và bảo vệ rừng.

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; tăng cường sức hút đầu tư phát triển kinh tế, đô thị bằng những chính sách hợp lý cũng như ưu tiên đầu tư vốn cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Xây dựng quy hoạch thống nhất trên địa bàn toàn huyện, quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Kiên quyết xử lý dứt điểm tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích.

- Cụ thể hóa các văn bản pháp luật đất đai của Nhà nước vào tình hình thực tế của địa phương, tăng cường năng lực cho đội ngũ quản lý đất đai cấp cơ sở...

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

Quy hoạch sử dụng đất kỳ trước 2010 – 2020 của huyện Hoàng Hóa đã được UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt tại quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 25/01/2014. Sau khi được phê duyệt huyện đã tiến hành triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện do bị tác động của nhiều yếu tố: Kinh tế thay đổi, nhu cầu sử dụng đất thay đổi, chính sách thay đổi....đã làm cho quy hoạch sử dụng đất kỳ trước không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương. Chính vì vậy, để kịp thời điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tiễn huyện Hoàng Hóa đã tiếp tục thực hiện công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và đã được UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt tại Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/5/2019.

Vì vậy, để đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước, số liệu dùng để đánh giá sẽ là số liệu từ nguồn điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được phê duyệt tại quyết định 1748/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá. Số liệu đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của huyện Hoàng Hóa được thể hiện chi tiết như sau:

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước được thể hiện cụ thể tại bảng dưới đây:

Bảng 6: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích quy hoạch được duyet	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)	(7)=(5)/(4)*100
	TỔNG DTTN		20.380,19	20.387,24	7,05	100,03
1	Đất nông nghiệp	NNP	13.182,33	13.662,77	480,44	103,64
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7.592,29	7.772,93	180,64	102,38
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>6.407,58</i>	<i>6.880,36</i>	<i>472,78</i>	<i>107,38</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	909,63	1.323,88	414,25	145,54
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	886,57	932,78	46,21	105,21
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	266,44	146,14	-120,30	54,85

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	975,83	1.096,13	120,30	112,33
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.305,14	2.280,35	-24,79	98,92
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	246,43	110,56	-135,87	44,86
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.032,86	6.482,82	-550,04	92,18
2.1	Đất quốc phòng	CQP	64,02	66,44	2,42	103,78
2.2	Đất an ninh	CAN	5,94	0,94	-5,00	15,82
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	76,77		-76,77	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	99,00	62,53	-36,47	63,16
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	160,75	226,58	65,83	140,95
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	470,69	147,16	-323,53	31,26
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,12		-0,12	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.566,29	2.611,97	45,68	101,78
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,68	5,76	3,08	214,93
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	22,19		-22,19	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	25,92	12,83	-13,09	49,50
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.027,10	1.874,23	-152,87	92,46
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	43,80	105,46	61,66	240,78
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	26,21	27,49	1,28	104,88
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	7,75	8,54	0,79	110,19
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	11,06	12,34	1,28	111,57
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	204,23	205,83	1,60	100,78
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	9,60	3,16	-6,44	32,92

2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	37,08		-37,08	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		40,15	40,15	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	19,39	16,52	-2,87	85,20
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.069,05	1.028,62	-40,43	96,22
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	83,22	26,27	-56,95	31,57
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD	165,00	241,65	76,65	146,45

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Hoằng Hóa năm 2020 là 20.387,24 ha, tăng 7,05 ha so với quy hoạch được duyệt năm 2020 là 20.380,19 ha. Nguyên nhân, do việc tiếp biên ranh giới huyện với các huyện khác đã có số liệu đo đạc bản đồ địa chính mới đo và được công nhận, đồng thời là điều chỉnh địa giới hành chính 513 theo quyết định 513/QĐ-TTg Về việc phê duyệt Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính. Kết quả thực hiện quy hoạch của từng loại đất chi tiết như sau:

3.1.1. Đất nông nghiệp

1) Đất trồng lúa: thực hiện được 7.772,93 ha, đạt 102,38 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (7.592,29 ha), cao hơn 180,64 ha do chưa thực hiện được các dự án cần sử dụng đất lúa theo quy hoạch.

Trong đó: Đất chuyên lúa nước: thực hiện được 6.880,36 ha, đạt 107,38 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (6.407,58 ha), cao hơn 472,78 ha do chưa thực hiện được các dự án cần sử dụng đất chuyên lúa nước theo quy hoạch.

2) Đất trồng cây hàng năm khác: thực hiện được 1.323,88 ha, đạt 145,54 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (909,63 ha), cao hơn 414,25 ha do chưa thực hiện được các dự án cần sử dụng đất hàng năm khác theo quy hoạch.

3) Đất trồng cây lâu năm: thực hiện được 932,78 ha, đạt 105,21 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (886,57 ha), cao hơn 46,21 ha do chưa thực hiện được các dự án cần sử dụng đất trồng cây lâu năm theo quy hoạch.

4) Đất rừng phòng hộ: thực hiện được 146,14 ha, đạt 54,85 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (266,44 ha), thấp hơn 120,3 ha, nguyên nhân do theo quy hoạch 03 loại rừng được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 16/01/2017, theo đó thì diện tích đất rừng quy hoạch đến 2025 là 146,14 ha, đồng thời đây cũng là chỉ tiêu đất rừng theo chỉ tiêu phân bổ của UBND tỉnh, sau khi có chỉ tiêu phân bổ, huyện có đề xuất xác định bổ sung 120,30 ha, tuy nhiên trong

quá trình thực hiện quy hoạch không thực hiện được nội dung này.

5) Đất rừng sản xuất: thực hiện được 1.096,13 ha, đạt 112,33 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (975,83 ha), cao hơn 120,3 ha do chưa thực hiện được các dự án cần sử dụng đất rừng sản xuất theo quy hoạch.

6) Đất nuôi trồng thủy sản: thực hiện được 2.280,35 ha, đạt 98,92 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (2.305,14 ha), thấp hơn 24,79 ha do chưa thực hiện các dự án nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch.

7) Đất nông nghiệp khác: thực hiện được 110,56 ha, đạt 44,86 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (246,43 ha), thấp hơn 135,87 ha do chưa thực hiện được các dự án đất nông nghiệp khác theo quy hoạch.

3.1.2. Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp: thực hiện được 6.482,82 ha, đạt 92,18 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (7.032,86 ha), thấp hơn 550,04 ha.

1) Đất quốc phòng: thực hiện được 66,44 ha, đạt 103,78 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (64,02 ha), vượt 2,42 ha. Lý do: xác định lại hiện trạng theo đúng thực tế cũng như theo số liệu theo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cung cấp và thống nhất, cụ thể bổ sung thêm công trình Quốc phòng tại Hoàng Trinh.

2) Đất an ninh: thực hiện được 0,94 ha, đạt 15,82 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (5,94 ha), thấp hơn 5 ha.

3) Đất khu công nghiệp: thực hiện được 0, ha, đạt 0 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (76,77 ha), thấp hơn 76,77 ha.

4) Đất cụm công nghiệp: thực hiện được 62,53 ha, đạt 63,16 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (99,00 ha), thấp hơn 36,47 ha.

5) Đất thương mại, dịch vụ: thực hiện được 226,58 ha, đạt 140,95 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (160,75 ha), vượt 65,83 ha. Lý do: xác định lại loại đất theo đúng quy định tại thông tư 27/BTNMT/2018, kỳ kiểm kê trước đây chưa tách biệt hai loại đất thương mại dịch vụ (TMD) và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), dẫn tới rất nhiều đất thương mại dịch vụ xác định là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

6) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: thực hiện được 147,16 ha, đạt 31,26 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (470,69 ha), thấp hơn 323,53 ha.

7) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: thực hiện được 0, ha, đạt 0 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (0,12 ha), thấp hơn 0,12 ha.

8) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: thực hiện được 2.611,97 ha, đạt 101,78 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (2.566,29 ha), vượt 45,68 ha. Lý do: xác định lại loại đất theo đúng quy định tại thông tư 27/BTNMT/2018, kỳ kiểm kê kỳ 2014 thống kê diện tích đất nhà văn hóa thôn, xóm là đất sinh hoạt cộng đồng, tuy nhiên đến thời điểm này đã xác định lại là đất cơ sở văn

hóa, nằm trong nhóm đất hạ tầng, đồng thời việc sử dụng nguồn tài liệu để tạo bản đồ nền phục vụ kiểm kê, thống kê đất đai là từ bản đồ địa chính chính quy đo mới, đã tách được chi tiết các kênh mương, bờ thửa nội đồng, làm tăng thêm diện tích đất giao thông thủy lợi nội đồng, làm tăng thêm đất hạ tầng.

9) Đất có di tích lịch sử - văn hóa: thực hiện được 5,76 ha, đạt 214,93 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (2,68 ha), vượt 3,08 ha. Lý do: xác định lại diện tích sử dụng đất theo đúng thực tế sử dụng và mã loại đất, kiểm kê kỳ trước xác định đền thờ các vĩ nhân lịch sử, đã được UBND tỉnh xếp hạng là đất cơ sở tín ngưỡng, theo quy định tại thông tư 27/BTNMT/2018, xác định lại là đất di tích, cụ thể: Di tích đền thờ Tô Hiến Thành tại Thị trấn Bút Sơn, Di tích đền thờ tướng công Lê Trung Giang tại xã Hoàng Ngọc, Di tích Đền thờ Cao Bá Điền tại xã Hoàng Giang,...

10) Đất danh lam thắng cảnh: thực hiện được 0, ha, đạt 0 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (22,19 ha), thấp hơn 22,19 ha.

11) Đất bãi thải, xử lý chất thải: thực hiện được 12,83 ha, đạt 49,5 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (25,92 ha), thấp hơn 13,09 ha.

12) Đất ở tại nông thôn: thực hiện được 1.874,23 ha, đạt 92,46 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (2.027,1 ha), thấp hơn 152,87 ha.

13) Đất ở tại đô thị: thực hiện được 105,46 ha, đạt 240,78 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (43,8 ha), vượt 61,66 ha. Lý do: hợp xã Hoàng Phúc, Hoàng Vinh vào thị trấn Bút Sơn nên chuyển diện tích đất ở nông thôn tại 02 xã Hoàng Vinh, Hoàng Phúc thành đất ở đô thị.

14) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: thực hiện được 27,49 ha, đạt 104,88 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (26,21 ha), vượt 1,28 ha. Lý do: xác định lại hiện trạng theo đúng thực tế và loại đất, kiểm kê 2014 thống kê chi cục thuế là đất trụ sở tổ chức sự nghiệp, nay xác định lại đúng là đất xây dựng trụ sở cơ quan đồng thời theo điều chỉnh quy hoạch có giảm để xây dựng trụ sở công an xã chính quy, tuy nhiên đến hết năm 2020 vẫn chưa thực hiện.

15) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: thực hiện được 8,54 ha, đạt 110,19 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (7,75 ha), vượt 0,79 ha. Lý do: xác định lại hiện trạng theo đúng thực tế và mã loại đất theo quy định, cụ thể xác định lại mã loại đất của Trạm bơm Bắc Sông Mã tại Hoàng Xuân, kiểm kê 2014 xác định là đất xây dựng trụ sở cơ quan.

16) Đất cơ sở tôn giáo: thực hiện được 12,34 ha, đạt 111,57 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (11,06 ha), vượt 1,28 ha. Lý do: xác định lại diện tích sử dụng đất theo đúng thực tế sử dụng của các cơ sở tôn giáo mà kỳ kiểm kê 2014 xác định chưa chính xác, cụ thể: Xác định lại diện tích chùa Gia Hoàng Phụng, kỳ trước đang thống kê là đất cơ sở tín ngưỡng, vị trí chùa Hoàng Thắng, Hoàng Xuyên.

17) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: thực hiện được 205,83 ha, đạt 100,78 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (204,23 ha), vượt 1,6 ha. Lý do: xác định lại diện tích sử dụng đất theo đúng thực tế sử dụng, kiểm kê kỳ cũ chưa xác định đúng ranh giới sử dụng và mã loại đất. Cụ thể: xác định lại đất nghĩa trang liệt sỹ tại Thị trấn Bút Sơn là nghĩa trang, nghĩa địa do kiểm kê 2014 đang xác định là Đất cơ sở văn hóa.

18) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: thực hiện được 3,16 ha, đạt 32,92 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (9,6 ha), thấp hơn 6,44 ha.

19) Đất sinh hoạt cộng đồng: thực hiện được 0, ha, đạt 0 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (37,08 ha), thấp hơn 37,08 ha.

20) Đất cơ sở tín ngưỡng: thực hiện được 16,52 ha, đạt 85,2 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (19,39 ha), thấp hơn 2,87 ha.

21) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: thực hiện được 1.028,62 ha, đạt 96,22 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (1.069,05 ha), thấp hơn 40,43 ha.

22) Đất có mặt nước chuyên dùng: thực hiện được 26,27 ha, đạt 31,57 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (83,22 ha), thấp hơn 56,95 ha.

23) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: phương án quy hoạch không bố trí loại đất này, tuy nhiên hiện trạng đang có 40,15 ha do việc xác định lại vùng bãi tắm tại khu vực biển Hải Tiến là đất DKV theo quy định tại TT 27/2018/BTNMT, kỳ trước đang thống kê vào đất bằng chưa sử dụng.

24) Đất phi nông nghiệp khác: trên địa bàn huyện không có diện tích đất phi nông nghiệp khác và trong giai đoạn quy hoạch kỳ trước cũng không bố trí quy hoạch loại đất này.

3.1.3. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng: thực hiện được 241,65 ha, đạt 146,45 % so với chỉ tiêu quy hoạch năm 2020 (165,0 ha), vượt 76,65 ha do chưa thực hiện việc chuyển mục đích đất chưa sử dụng đất thực hiện các dự án theo quy hoạch.

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

*** Kết quả**

Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước trên địa bàn huyện Hoằng Hóa đã đạt được kết quả nhất định. Nhìn chung việc chuyển mục đích sử dụng đất đều bám sát vào chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch được duyệt và theo đúng tiến độ đề ra. Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả thể hiện ở các mặt sau:

(1). Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước của huyện Hoằng Hóa đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt đã tạo cơ sở pháp lý cho tỉnh trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(2). Đảm bảo được tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ

cấp huyện đến cấp xã, thị trấn.

(3). Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

(4). Chủ động dành quỹ đất để phát triển các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội; các cơ sở sản xuất kinh doanh và khu dân cư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh quốc phòng.

(5). Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

*** Tồn tại**

Bên cạnh những công trình đã thực hiện đúng tiến độ quy hoạch đề ra, trong giai đoạn 2011-2020, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trên địa bàn huyện Hoằng Hóa vẫn còn một số công trình mặc dù đã có trong quy hoạch nhưng vẫn chưa được thực hiện. Nguyên nhân của điều này xuất phát từ các vấn đề chính sau:

(1). Thiếu nguồn vốn đầu tư là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước của huyện Hoằng Hóa. Huyện cần có nhiều hơn các chính sách thu hút đầu tư phù hợp để tạo điều kiện nâng cao tiềm lực kinh tế, sức đầu tư vào xây dựng các công trình trong kỳ kế hoạch, quy hoạch.

(2). Công tác dự báo nhu cầu sử dụng đất của các xã, phường, ngành chưa phù hợp với thực tiễn của địa phương cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện trong năm trước.

(3). Tình trạng kết nối giữa các quy hoạch, kế hoạch, các đề án còn hạn chế.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 – 2020, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện Hoằng Hóa như sau:

- Cần tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiến hành thường xuyên.

- Cần tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai một cách sâu rộng trong nhân dân nhằm nâng cao nhận thức của người dân khi tham gia lập và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tạo điều kiện để người dân dễ dàng thực hiện quyền đăng ký chuyển mục đích sử dụng đối với các trường hợp phải xin phép nhà nước, đồng thời kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển mục đích sử dụng đất.

- Cần huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế –

xã hội của huyện và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

- Cần rà soát, đánh giá từng dự án, công trình đang bị chậm tiến độ: Công trình, dự án có thể thực hiện sớm thì tập trung nguồn lực để thực hiện ngay không để kéo dài; công trình, dự án không có khả năng thực hiện được thì điều chỉnh mốc thời gian, lộ trình thực hiện quy hoạch; những công trình, dự án không hợp lý về quy mô diện tích thì điều chỉnh quy mô; những quy hoạch bất hợp lý, không khả thi với tình hình thực tế và định hướng phát triển giai đoạn tới thì quyết định hủy bỏ và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc điều chỉnh, hủy bỏ quy hoạch đó.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Cần nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp giữa các sở, ngành và UBND các xã, thị trấn trong việc rà soát, xác định các chỉ tiêu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của ngành và địa phương nhưng phải sát với tình hình triển khai thực tế của địa phương.

- Phải có sự gắn kết đồng bộ hơn nữa giữa các loại quy hoạch, tránh chồng chéo quy hoạch. Phải xây dựng hệ thống giải pháp và các chương trình hành động cụ thể, chi tiết để triển khai thực hiện đúng theo phương án quy hoạch sử dụng đất đã xây dựng.

- Cần áp dụng công nghệ mới, phần mềm mới vào xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý, giám sát và triển khai công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo thực hiện đúng, đủ và theo kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, sẽ giúp cho địa phương quản lý chặt chẽ công tác quy hoạch sử dụng đất theo đúng phương án đã được duyệt.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp

Hầu hết đất nông nghiệp của huyện đã được tưới tiêu chủ động và có chất lượng đất tương đối tốt nên có thể trồng trọt nhiều loại cây trồng khác nhau. Đây là tiềm năng để triển khai và phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào phát triển sản xuất tại địa phương.

Có nền nông nghiệp phát triển, đặc biệt là trồng lúa, khai thác nuôi trồng chế biến thủy hải sản và một số các làng nghề thủ công. Là một trong những địa phương trọng điểm về sản xuất nông nghiệp của tỉnh, đây là nền tảng để phát triển các lĩnh vực khác, đảm bảo cho sự phát triển cân bằng, bền vững của nền kinh tế;

Huyện có lợi thế nổi bật về phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản và nông nghiệp, phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, hình thành các vùng chuyên

canh cây trồng theo quy mô sản xuất hàng hóa như: vùng lúa chất lượng cao, vùng cò, vùng cây rau màu, thực phẩm, vùng chăn nuôi gia súc... Phát triển các mô hình kinh tế trang trại, gia trại, các tổ kinh tế hợp tác trong sản xuất...

4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp

4.2.1. Tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát thương mại, dịch vụ, du lịch

Huyện có lợi thế phát triển các ngành dịch vụ, thương mại đặc biệt là phát triển dịch vụ du lịch. Đường quốc lộ 1A được nâng cấp kết hợp một số tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ khác trong huyện đã tạo điều kiện thuận lợi để Hoàng Hóa phát triển các ngành dịch vụ như: dịch vụ vận chuyển - kho bãi, thương mại bán buôn, trung chuyển các luồng hàng hóa trong và ngoài huyện. Huyện gần thị xã Sầm Sơn, thành phố Thanh Hóa, KKT Nghi Sơn một trong những nơi đang được tỉnh cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển mạnh về công nghiệp, du lịch và dịch vụ cao cấp, đây là cơ hội và thuận lợi cho Hoàng Hóa tiếp nhận những tác động lan tỏa của đầu tư.

4.2.2. Tiềm năng phát triển các khu đô thị

Hoàng Hóa nằm trong khu vực đô thị hóa mạnh mẽ của tỉnh khi có vị trí địa lý giáp các thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn. Đến giai đoạn 2030 - 2050, khi các đô thị này phát triển mạnh mẽ, sẽ gây ra áp lực về dân số, hạ tầng, đất đai... huyện Hoàng Hóa sẽ là khu vực bị ảnh hưởng và có vai trò giảm tải các áp lực cho 02 đô thị trên, vì vậy quá trình đô thị hóa của huyện là một xu thế tất yếu.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1.1.1. Phương hướng phát triển

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tích cực thu hút đầu tư, phát huy tiềm năng thế mạnh, phấn đấu đưa huyện Hoằng Hóa trở thành thị xã trước năm 2030.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề trong nông nghiệp - nông thôn theo hướng phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh, có thị trường tiêu thụ và đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp – xây dựng - dịch vụ, du lịch theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm. Đa dạng các loại hình dịch vụ có tiềm năng, lợi thế. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tổ chức quản lý và phát huy hiệu quả giá trị các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và các di sản văn hoá phi vật thể để phát triển du lịch;

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; chăm lo giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Phấn đấu đưa Hoằng Hóa đứng vào nhóm các huyện có chất lượng giáo dục phổ thông hàng đầu của tỉnh.

- Tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nội chính, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

1.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1.1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; coi phát triển nông nghiệp và nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới là trọng tâm, phát triển công nghiệp là quan trọng, đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch lợi thế; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ gắn với đô thị hóa; chăm lo phát triển văn hóa – xã hội; khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, làm tốt công tác bảo vệ môi trường để phát triển bền vững; tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng – an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phấn đấu đến năm 2025 trở thành huyện nông thôn mới nâng cao

1.1.2.2. Mục tiêu cụ thể

A- Về kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) bình quân hàng năm đạt 15,00 %. Trong đó:

- + Nông, lâm thủy sản tăng 2,98 %
- + Công nghiệp, xây dựng tăng 51,30 %
- + Dịch vụ tăng 39,40 %.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 70 triệu đồng/người/năm.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt hàng năm giữ mức 94.000 tấn

- Diện tích đất nông nghiệp tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đạt 875 ha.

- Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 190 triệu đồng.

- Tổng huy động vốn đầu tư phát triển thời kỳ (2021-2025) 30.000 tỷ đồng.

- Tỷ lệ tăng thu ngân sách nhà nước là 15%.

- Tỷ lệ số xã, thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025, trong đó:

+ Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM nâng cao 100% (20 xã).

+ Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (10 xã)

+ Tỷ lệ thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (40 thôn).

B- Về văn hóa – xã hội

- Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm dưới 0,7%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động còn 22%

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2025 đạt 100%

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm trên 1,5%.

C- Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 5,20%

- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100%.

Trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch 91%.

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý đến năm 2025 đạt 100%.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

Đất đai nằm trong nhóm tài nguyên hạn chế nhưng lại là điều kiện không thể thiếu được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy việc sử dụng tốt tài nguyên đất đai không chỉ quyết định tương lai của nền kinh tế mà còn là sự đảm bảo cho mục tiêu ổn định chính trị và củng cố an ninh quốc phòng. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng, kéo theo giá trị của đất tăng lên và yêu cầu về biện pháp sử dụng, khai thác phải đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Do vậy định hướng sử dụng đất của huyện phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, đầy đủ và có hiệu quả cao trên quan điểm cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Hoằng Hóa là huyện thuần nông, GDP nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, việc sử dụng đất phải vừa đảm bảo nhu cầu lương thực, vừa đáp ứng nhu cầu đất đai cho xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị, phát triển nông thôn và có nguyên liệu cung cấp cho các cơ sở chế biến nông lâm nghiệp.

- Đối với huyện Hoằng Hóa, trong giai đoạn 2021-2030 lĩnh vực khai thác, chế biến đá, sản xuất vật liệu xây dựng đang mang lại giá trị kinh tế khá cao cho người dân nên việc bố trí đất để sử dụng cho mục đích kinh doanh, khuyến khích mọi thành phần kinh tế trực tiếp đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm TTCN.

- Ưu tiên đất cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, đặc biệt là dành quỹ đất cho phát triển giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch.

- Khai thác đất hoang hoá có khả năng sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Đất cho mục đích chuyên dùng, đất ở phải được phân nhóm, trong đó phải có nhóm tạo ra nguồn lực cho phát triển. Xây dựng dự án về du lịch, kết hợp với sinh thái, khai thác lợi thế về du lịch.

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong quản lý, sử dụng đất đai.

Trên cơ sở đó, quy hoạch sử dụng đất huyện Hoằng Hóa bám sát và đáp ứng yêu cầu các quan điểm trên. Các quỹ đất được khai thác một cách hợp lý cho các mục đích sử dụng, có hiệu quả cao cả về kinh tế và xã hội.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

1.3.1. Định hướng sử dụng đất Nông - Lâm - Thủy Sản

* Nông nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp an toàn, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, tăng hiệu quả sử dụng đất và đáp ứng tốt yêu cầu thị trường, nhất là thị trường thành phố Thanh Hóa, tp. Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn và hướng tới xuất khẩu.

- Huy động nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, thủy sản; kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; đầu tư cải tạo hệ thống hạ tầng nông nghiệp (công trình thủy lợi, điện khu sản xuất, giao thông nội đồng...); tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho các hộ nông dân, ngư dân nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị sản phẩm/1ha đất canh tác và hiệu quả khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Tập trung hình thành và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung gắn với chế biến, nâng cao giá trị gia tăng, đảm bảo tiêu chuẩn của các sản phẩm, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, xây dựng một số thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp.

- Phát triển nông nghiệp, thủy sản gắn với xây dựng nông thôn mới và có tính đến các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

- Kết hợp phát triển nông nghiệp, các nông trại, các làng nghề với loại hình du lịch cộng đồng, dã ngoại.

Các sản phẩm chủ lực:

- *Trồng trọt:*

+ Cây lương thực: Lúa chất lượng cao, Ngô đảm bảo phục vụ chăn nuôi trong huyện.

+ Cây công nghiệp ngắn ngày: Phát triển cây cói phục vụ cho phát triển các nghề truyền thống.

+ Nhóm rau xanh: Sản phẩm rau an toàn và rau cao cấp đáp ứng nhu cầu trong huyện và cung cấp cho các thị trường xung quanh như thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, hướng tới thị trường xuất khẩu (ớt, thanh long, dưa...).

+ Hoa, cây cảnh: phục vụ thị trường các đô thị lớn trong tỉnh: TP Thanh Hóa, Thành phố Sầm Sơn.

- *Chăn nuôi:*

+ Nhóm gia cầm: gà, vịt cung cấp cho huyện, thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn.

+ Nhóm gia súc, đại gia súc: cải tạo phát triển đàn bò hướng thịt, chăn nuôi bán công nghiệp; duy trì đàn lợn trong các gia trại, trang trại hiện có.

+ Phát triển ngành chăn nuôi gắn với chế biến thực phẩm cung cấp cho các vùng đô thị lân cận.

- *Thủy sản:*

+ Tập trung khai thác hải sản có giá trị cao phục vụ nhu cầu trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu.

+ Nuôi trồng thủy, hải sản: Tôm, cá, cua...

+ Phát triển ngành thủy sản theo hướng đánh bắt xa bờ, đổi mới nuôi trồng, ứng dụng công nghệ cao, nuôi trồng trái vụ.

1.3.2. Định hướng sử dụng đất phát triển mạng lưới dịch vụ, thương mại, công nghiệp, du lịch

a. Định hướng phát triển Công nghiệp - xây dựng - TTCN làng nghề:

Giai đoạn đến năm 2030 đề xuất bỏ Cụm công nghiệp Hoàng Phụ, còn lại giữ nguyên các cụm công nghiệp theo Quy hoạch cụm công nghiệp toàn tỉnh để thuận lợi cho việc quản lý và thực hiện, giai đoạn sau năm 2030 điều chỉnh lại quy mô và bổ sung thêm các cụm công nghiệp mới để đáp ứng nhu cầu và phù hợp với tình hình phát triển của huyện.

Các cụm công nghiệp được quy hoạch dựa trên tiềm năng lợi thế về nguồn nguyên liệu và lao động của từng địa phương, vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật đủ đáp ứng. Quy mô các cụm công nghiệp được tính toán dựa trên quy mô dân số, lao động dự báo.

Tổng diện tích các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đến năm 2040 khoảng 735ha, thu hút khoảng 65.000 lao động, ưu tiên sử dụng lao động người địa phương.

Định hướng các ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư:

- Công nghiệp sạch, công nghệ cao, hướng đến công nghiệp 4.0.
- May mặc, da giày (để giải quyết lao động).
- Chế biến rau quả, nông sản, chế biến thủy hải sản (kết hợp phát triển nông nghiệp).
- Cơ khí, sửa chữa, máy móc nông nghiệp.
- Sản xuất thủ công mỹ nghệ.

b. Định hướng phát triển mạng lưới dịch vụ thương mại.

* *Dịch vụ:* Cùng với công nghiệp - xây dựng, dịch vụ là ngành tạo động lực tăng trưởng và chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế huyện; cần tập trung cao cho phát triển các dịch vụ: du lịch, thương mại, vận tải,... tăng cường năng lực hoạt động các dịch vụ ngành tài chính, ngân hàng,... để đạt tốc độ tăng trưởng cao, tăng tỷ trọng dịch vụ.

* *Thương mại:* Xây dựng mạng lưới thương nghiệp huyện đủ năng lực cung ứng vật tư thiết yếu, hỗ trợ sản phẩm cho nông dân khi đông vụ, hạn chế ép giá bảo vệ sản xuất. Phát triển mô hình các tổ hợp dịch vụ thu mua- chế biến- tổ chức tiêu thụ sản phẩm để chủ động tìm đầu ra cho sản xuất; xây dựng ngành thương mại- dịch vụ thương mại thực sự trở thành cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.

Xây dựng các trung tâm thương mại; siêu thị, chợ đầu mối, hệ thống chợ nông thôn để phát triển giao thương hàng hoá giữa các vùng dân cư trong huyện, giữa huyện với các huyện trong cả tỉnh, cả nước:

- Khai thác đầu tư, hoàn thiện thêm hệ thống bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tạo thuận lợi cho việc cung ứng nhiên liệu đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống trong thời kỳ quy hoạch.

c. Định hướng sử dụng đất phát triển du lịch.

Tập trung phát triển nhanh và bền vững ngành du lịch trong mối gắn kết chặt chẽ với tp Sầm Sơn, tp Thanh Hóa và các khu du lịch lớn trong và ngoài tỉnh, sản phẩm chủ lực là du lịch biển và các loại hình du lịch khác phụ trợ sớm đưa Hoàng Hóa thực sự là nơi có du lịch nghỉ dưỡng biển hiện đại của tỉnh và khu vực miền Bắc.

- Tổ chức khu du lịch ven biển Hải Tiến với diện tích khoảng 3.041 ha có ranh giới phía Đông đường ven biển, kéo dài từ xã Hoàng Yên đến Hoàng Châu. Phát triển

loại hình du lịch biển với các chức năng: nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, chợ du lịch kết hợp ẩm thực, hội nghị hội thảo, thể thao, du lịch cộng đồng...

- Bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị các di tích, đặc biệt là Quốc gia để khai thác phát triển du lịch, xây dựng các công trình kiến trúc mang tính biểu tượng để khơi dậy truyền thống, niềm tự hào, đồng thời là điểm tham quan du lịch.

- Các làng nghề được khôi phục, tổ chức thành khu vực tập trung để nâng cao giá trị sản xuất, tạo thành điểm du lịch làng nghề.

Hình thành 2 tuyến du lịch kết nối các khu vực trong vùng huyện Hoàng Hóa:

- Tuyến đường bộ: Từ núi Hàm Rồng đi dọc theo vành đai 3 (thành phố Thanh Hóa) - QL 1A - TL 510 - Đại lộ Bắc sông Mã;

- Tuyến đường thủy: Hình thành tuyến du lịch xuôi thuyền theo sông Mã;

Hình thành các tuyến du lịch ngoại huyện theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa bao gồm:

- Tuyến du lịch nội tỉnh:

TP Thanh Hóa - Hoàng Hóa – Thọ Xuân.

(1 trong 11 tuyến nội tỉnh)

- Tuyến du lịch ngoại tỉnh:

- + Thanh Hóa - Ninh Bình- Hà Nội

- + Thanh Hóa - Nghệ An- Các tỉnh miền trung Tây nguyên - Nam bộ

(2 tuyến dọc QL1A trong 6 tuyến ngoại tỉnh).

1.3.3. Định hướng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn

a. Định hướng phát triển đô thị

Định hướng đến năm 2030: huyện Hoàng Hóa tập trung phát triển đô thị trên địa bàn huyện theo các tiêu chí đô thị loại IV, trong đó ưu tiên phát triển 05 đô thị, dự báo dân số đô thị toàn huyện là 145.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 50% nhu cầu đất xây dựng đô thị 2000-2200 ha, bao gồm:

- * Đến năm 2025: Hình thành 04 đô thị.

- Thị trấn Bút Sơn:

- + Phạm vi ranh giới: bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Bút Sơn hiện tại, mở rộng thêm xã Hoàng Đức. tổng diện tích: 1458ha.

- + Dân số hiện trạng: 18.382 người, dự báo đến năm 2030 dân số khoảng 30.000 người.

- + Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện.

- Đô thị Hải Tiến:

- + Phạm vi ranh giới: bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên các xã Hoàng Tiến, Hoàng Hải, Hoàng Trường và một phần các xã Hoàng Thanh, Hoàng Phụ, Hoàng Phong với tổng diện tích 2.600ha.

- + Dân số hiện trạng: 28.000 người, dự báo đến năm 2030 dân số khoảng 60.000 người.

- + Tính chất: Là đô thị loại V, một trong những trọng điểm du lịch biển tỉnh Thanh Hóa với các loại hình du lịch nghỉ mát, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí; Là trung

tâm dịch vụ thương mại, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy - hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Đô thị Phú Quý:

+ Phạm vi ranh giới: thuộc diện tích tự nhiên các xã: Hoàng Trung, Hoàng Kim, Hoàng Phú, Hoàng Quý với tổng diện tích 1536 ha.

+ Tính chất: Là đô thị loại V, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của xã Hoàng Trung, xã Hoàng Kim, Hoàng Phú, Hoàng Quý cũng như của huyện Hoàng Hóa.

Là đô thị có tính chất chức năng tổng hợp (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giáo dục) và là đầu mối giao thông của xã Hoàng Trung, Hoàng Kim, Hoàng Phú, Hoàng Quý cũng như của huyện Hoàng Hóa.

- Đô thị Thịnh Lộc:

+ Phạm vi ranh giới: thuộc diện tích tự nhiên các xã: Hoàng Đồng, Hoàng Thịnh, Hoàng Thái, Hoàng Thành, Hoàng Lộc với tổng diện tích 1.527 ha;

+ Dân số hiện trạng (năm 2018): 24.723 người, dự báo đến năm 2035 dân số khoảng 30.000 người.

+ Tính chất: Là đô thị có tính chất chức năng tổng hợp về nhiều mặt như hành chính - chính trị, kinh tế (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giáo dục) và là đầu mối giao thông khu vực của huyện Hoàng Hóa.

* Từ năm 2025 - 2030: Hình thành 01 đô thị.

- Đô thị Thanh Ngọc:

+ Phạm vi ranh giới: thuộc diện tích tự nhiên các xã: Hoàng Ngọc, Hoàng Đông, Hoàng Phú, Hoàng Thanh với tổng diện tích 2.253 ha.

+ Dân số hiện trạng (năm 2018): 28.495 người, dự báo đến năm 2035 dân số khoảng 35.000 người

+ Tính chất: Là đô thị phát triển Du lịch, Dịch vụ thương mại, hậu cần nghề cá, sửa chữa tàu thuyền và chế biến, nuôi trồng thủy hải sản.

Định hướng đến năm 2030, toàn huyện đạt tiêu chí đô thị loại IV.

b. Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn

Phát triển dân cư nông thôn theo Chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung là xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại; xây dựng các trung tâm xã, các điểm dân cư mới tạo động lực mới phát triển kinh tế xã hội cho khu vực nông thôn.

Huy động nguồn lực cho phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, thủy sản (công trình thủy lợi, điện khu sản xuất, giao thông nội đồng...); kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho các hộ nông dân, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Các điểm dân cư nông thôn: hạn chế phát triển dàn trải các khu dân cư mới, phát triển cân bằng với nhu cầu thực tế, theo định hướng quy hoạch NTM. Tập trung phát triển

03 trung tâm cụm xã tại Hoàng Giang và Hoàng Hà, Hoàng Tân, (bao gồm các chức năng: dân cư mới, khu thương mại, dịch vụ hỗ trợ SX nông nghiệp quy mô lớn,...)

1.3.4. Định hướng sử dụng đất cho mạng lưới kết cấu hạ tầng

A. Giao thông:

* Mục tiêu:

Từng bước xây dựng hệ thống GTVT huyện Hoàng Hóa phát triển đồng bộ cả về kết cấu hạ tầng và vận tải nhằm có một mạng lưới giao thông hợp lý, đáp ứng được nhu cầu vận tải với chất lượng ngày càng cao, giá thành hợp lý, đảm bảo kết nối quốc gia, tỉnh, các cụm KT-XH, các xã, thị trấn, khu du lịch, các điểm du lịch, các cụm công nghiệp, các đô thị trên địa bàn Hoàng Hóa.

* Dự báo nhu cầu vận tải:

- Đến năm 2025: Đáp ứng nhu cầu vận tải HH, HK trên địa bàn huyện, trong đó VCHK tăng bình quân 11,5%/năm; VCHH tăng bình quân 9,7%/năm;

- Đến năm 2030: VCHK tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 9,7%; VCHH tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 8,6%;

Đường thủy:

Quy hoạch thêm như sau:

a. Cảng, đường thủy:

Tên cảng	Tên sông	Vị trí, địa điểm	Quy hoạch			Ghi chú
			Loại cảng bến	Công suất	Cỡ tàu	
Cảng thủy nội địa						
Cảng Lạch Trường	Sông Tào	Xã Hoàng Trường	Cảng kết hợp Bến du lịch	150.000 (tấn/năm)	300	
Bến thủy nội địa						
Bến Hoàng Giang	Sông Mã	Xã Hoàng Giang	Bến Hàng hoá	50.000 (tấn/năm)	300	
Bến Bút Sơn	Sông Tào	Thị trấn Bút Sơn	Bến Hàng hoá	50.000 (tấn/năm)	300	XD mới
Bến Hoàng Phụ	Kênh Choán	Xã Hoàng Phụ	Bến Hàng hoá	50.000 (tấn/năm)	100	
Bến Hải Tiến	Biển Hải Tiến	Xã Hoàng Tiến	Bến du lịch			Đang XD

b. 5 tuyến du lịch:

- + Tuyến 1: Hải Tiến – Đảo Nẹ - Cảng cá Hòa Lộc – Cảng cá Hoàng Trường;
- + Tuyến 2: Hải Tiến – Âu sông Đơ (TP.Sầm Sơn) và vùng phụ cận;
- + Tuyến 3: Hải Tiến – Cảng cá Lạch Trường – Cảng cá, rừng ngập mặn Hoà Lộc (Hậu Lộc) – Phủ Máng (Hoàng Yên);

+ Tuyến 4: Hải Tiến – Cảng cá (Hoàng Phụ) – Cảng Hới (cửa Lạch Hới) - rừng ngập mặn (Hoàng Châu) – Thiên viện Trúc Lâm (p.Hàm Rồng, TP Thanh Hóa);

+ Tuyến 5: Hải Tiến – Hòn Bò, bia chiến thắng trận đầu của Hải quân và nhân dân Việt Nam (Hoàng Trường).

Đường sắt:

- Hiện trạng có tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy song song với QL 1A;

- Quy hoạch giao thông đường sắt tốc độ đi qua các xã Hoàng Trung, Hoàng Xuân, Hoàng Phượng, Hoàng Giang.

Đường bộ:

- Quốc lộ: Có tuyến QL1A chạy qua, nâng cấp QL10 đạt cấp III (cải tạo đoạn QL1A đi ngã tư Gòong thành đường đô thị quy mô 32m) mở mới 3 tuyến: Đường VĐ2 phía Đông thành phố Thanh Hóa; QL10 (cầu Thắm- cầu Ghép); đường ven biển từ Hoàng Yên đến Hoàng Châu.

- Đường tỉnh: Nâng cấp 3 tuyến ĐT 509; 510B, 510 đạt cấp III; xây dựng mới 1 tuyến (theo QH của tỉnh): đường Nghĩa Trang-Thiệu Long

- Đường huyện: Nâng cấp các tuyến chính đạt cấp IV; đầu tư xây dựng và nâng cấp quản lý mới 37 tuyến. Trong đó tập trung vào 20 tuyến chính của huyện đạt tối thiểu cấp IV bao gồm:

+ Tuyến đường Thịnh Đông (Hoàng Thịnh - Hoàng Phụ);

+ Tuyến đường ven kè biển (Hoàng Thanh - Hoàng Trường);

+ Tuyến từ QL 1A đi Hoàng Hải chiều dài 13km;

+ Tuyến từ cầu Bút Sơn đi Hoàng Thịnh (đoạn QL10 đi đường Thịnh Đông) chiều dài 4,0km;

+ Tuyến QL1A đi Ngã tư Gòong (2,6 km);

+ Đường ven biển 22m (Hoàng Trường - Hoàng Phụ);

+ Đường Hoàng Hải - Hoàng Hà - Hoàng Đạo;

+ Đường Cầu Bút Sơn - Thị trấn Bút Sơn (Hoàng Đức - Thị trấn Bút Sơn);

+ Tuyến Hoàng Sơn - Hoàng Trinh - Hoàng Kim;

+ Tuyến Hoàng Đạo - Hoàng Thành - Hoàng Tân (Hoàng Thắng - Hoàng Tân);

+ Đường tránh TL 509 (Ngã 3 Hoàng Kim, Hoàng Trinh, Hoàng Sơn - Cầu Phủ);

+ Tuyến Hoàng Xuân - Hoàng Hợp - Hoàng Cát theo bờ kênh Nam (Hoàng Xuân - Đường Quỳ Xuyên);

+ Đường từ Thị trấn Bút Sơn – Hoàng Trường đi đê hữu Sông Lạch Trường;

+ Đường nối ĐT510 đến QL1A (Thị trấn Bút Sơn - Hoàng Đức);

+ Đường nối ĐT510 với Hoàng Ngọc (Thị trấn Bút Sơn - Cầu Choán mới);

+ Đường nối từ đường Hoàng Thắng – Hoàng Lưu đến ĐT510 đi Hoàng Ngọc (Hoàng Lưu-Hoàng Ngọc);

- + Đường từ Hoằng Đạo - Hoằng Thành đến đường vào cụm công nghiệp Nam Gò;
 - + Đường từ ngã tư Hoằng Yên - Hoằng Trường đến đài chiến thắng Hoằng Trường;
 - + Đường nối đường Thị trấn Bút Sơn - Hoằng Lưu - Hoằng Đạo đến đường ven biển;
 - + Đường Hoằng Lộc - Hoằng Lưu kéo dài đến đường ven biển;
 - + Đường nối Hoằng Thắng - Hoằng Lưu với đường Hoằng Lộc - Hoằng Lưu;
 - + Đường Hoằng Phú - Hoằng Giang (QL1A- Hoằng Giang);
 - + Đường Hoằng Trung - Hoằng Quỳnh (song song QL1A).
 - + Đường Hoằng Quỳnh - Hoằng Xuyên.

Nâng cấp các tuyến đường hiện trạng:

TT	Số hiệu đường	Tên tuyến đường	Địa danh quản lý		Đến năm 2030	
			Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường
1	ĐH-HH.02	Hoằng Trung - Hoằng Xuân	QL1A H.Trung	Hoằng Xuân	6	VI
2	ĐH-HH.03	Hoằng Kim - Hoằng Giang - Hoằng Hợp	QL1A H.Kim	Hoằng Hợp	10,2	V
3	ĐH-HH.04	Hoằng Kim- Hoằng Xuân	QL1A (H.Kim)	Đê tả SMã H.Xuân	4,5	V
4	ĐH-HH.05	Hoằng Trinh - Hoằng Cát (Bút Trinh)	TL 509 H.Trinh	H.Cát	5,1	V
5	ĐH-HH.06	Hoằng Quý - Hoằng Phụng	QL1A H.Quý	Đê tả Sông Mã H.Phụng	7,5	V
6	ĐH-HH.07	Hoằng Quý - Hoằng Xuyên	QL1A H.Quý	H.Xuyên	2,5	VI
	ĐH-HH.08	- Hoằng Sơn	TL 509 H.Sơn	ĐH 05 H.Xuyên	4,8	V
	ĐH-HH.11	Hoằng Quỳnh - Hoằng Hợp - Hoằng Giang	QL1A H.Quỳnh	Đê tả S Mã H.Giang	6,5	V
9	ĐH-HH.12	Đường tránh QL10	QL10 H.Đức	QL10 TT Bút Sơn	2,7	IV (Đô thị)
10	ĐH-	Thị trấn Bút Sơn	QL10 TT	H.Trường	10,5	V

TT	Số hiệu đường	Tên tuyến đường	Địa danh quản lý		Đến năm 2030	
			Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường
	HH.13	Hoàng Trường	B Sơn			
11	ĐH- HH.13b	Hoàng Ngọc - Hoàng Tiến - Hoàng Yên	ĐH 13 H. Ngọc	H. Tiến	4,2	V
12	ĐH- HH.15	Đường Cán Cờ	QL10 H. Đức	X. Hoàng Đức	0,58	V
13	ĐH- HH.16	TT Bút Sơn - Hoàng Lưu - Hoàng Đạo	QL10 TT B Sơn	TL 510 H. Đạo	20,4	V
14	ĐH- HH.17	TT Bút Sơn - Hoàng Đạt - Hoàng Hà	TT. Bút Sơn	ĐH 13 H. Hà	9	VI
15	ĐH- HH.17b	Ngọc Đình - Hoàng Đạo	Ngọc Đình	TL510 H. Đạo	2,3	VI
16	ĐH- HH.18	TT Bút Sơn - Hoàng Đạo	QL10 TT B Sơn	H. Đạo	2,8	V
17	ĐH- HH.18b	Đường Bắc Kênh Nam	Ngã tư Gòng	Đạo Ninh H. Đạo	3	VI
18	ĐH- HH.19	TT. Bút Sơn - Hoàng Đạo	TT. Bút Sơn	ĐH 18 H. Đạo	1,5	VI
19	ĐH- HH.22	Hoàng Tiến - Hoàng Thanh - Hoàng Phụ	H. Tiến	H. Phụ	4,6	VI
20	ĐH- HH.24	Hoàng Trường - Hoàng Phụ	H. Trường	H. Phụ	8	V
21	ĐH- HH.25	Hoàng Lộc - Hoàng Lưu	Hoàng Lộc	H. Lưu	6,15	V
22	ĐH- HH.26	Hoàng Thắng - Hoàng Thịnh - Hoàng Lộc	H. Thắng	H. Lộc	3,6	VI
23	ĐH- HH.27	Đường TT Bút Sơn - Hoàng Đức	Đường tránh QL10	Hoàng Đức	0,6	IV

TT	Số hiệu đường	Tên tuyến đường	Địa danh quản lý		Đến năm 2030	
			Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường
24	ĐH-HH.28	Đường Hoàng Yến - Hoàng Trường	Cầu Cách (Hoàng Yến)	Xóm 1 Hoàng Yến	5,6	IV
25	ĐH-HH.30	Đường Hoàng Thành-Hoàng Châu	Hoàng Thành	Hoàng Châu	3,9	V
26	ĐH-HH.31	Đường Hoàng Xuân -Đê tả Sông Mã	Hoàng Xuân	Đê Sông Mã	3,5	VI
27	ĐH-HH.32	Đường Hoàng Thắng-Hoàng Lưu	Hoàng Thắng	Hoàng Lưu	2,3	V
28	ĐH-HH.33	Đường Hoàng Đạo	H. Đạo TL510	H. Tiến TL510b	2,2	III
		-Hoàng Tiến				
29	ĐH-HH.34	Đường Hoàng Ngọc - Hoàng Thanh	Hoàng Ngọc	Hoàng Thanh	2,3	V

Bến, bãi đỗ xe:

- Bến xe tại thị trấn Bút Sơn: Quy mô Bến xe loại 4.
- Bến, bãi đỗ xe tại đô thị Hải Tiến: gồm 2 vị trí tại bãi đỗ xe hiện nay trên đường 22m - Khu du lịch sinh thái Hải Tiến và bến xe quy hoạch trên trục Tỉnh lộ 510 kéo dài.
- Bến, bãi đỗ xe đô thị Phú Quý: vị trí tại ngã tư QL1A với đường Kim – Trinh – Sơn, quy mô loại 4.
- Bến xe đô thị Thịnh Lộc: vị trí tại ngã tư QL10 với đường Thịnh Đông;
- Bến xe đô thị Thanh Ngọc: vị trí tại ngã tư TL510 với tuyến đường ven biển.
- Bến, bãi đỗ xe xã Hoàng Phụ: Bố trí bến, bãi đỗ xe mới trên đường Phong Phụ (đại lộ Bắc sông Mã kéo dài).

B. Thủy lợi, cấp nước sản xuất, sinh hoạt.

Trong điều kiện thời tiết bình thường toàn vùng cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới toàn vùng bằng nguồn nước tự chảy trạm bơm Hoàng Xuân và các trạm bơm tạo nguồn của trạm bơm Hoàng Xuân và các trạm bơm dọc sông Mã. Trong điều kiện thời tiết bất lợi, mực nước sông Mã xuống thấp khu vực còn một số vùng nguồn nước chưa đảm bảo

như: Khu vực các xã vùng biển; vùng phía Đông Nam ven sông Mã do nhiễm mặn; vùng Đuôi kênh N24 (thuộc xã Hoàng Lưu, Hoàng Phong, Hoàng Châu), N20, N22 tưới không ổn định và thiếu nguồn nuôi trồng thủy sản. Trong quá trình triển khai quy hoạch cần quan tâm đề xuất một số giải pháp đầu tư hệ thống công trình thủy lợi để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và năng suất cao trong đó, ưu tiên các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

c. Y tế:

Tăng cường đầu tư hoàn thiện đồng bộ năng lực hệ thống y tế từ huyện đến xã, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng dân cư; đủ năng lực thực hiện sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh- thực hiện nâng cao chất lượng dân số; thực hiện giám sát và kiểm soát việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; giải quyết các vấn đề về vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; phòng chống có hiệu quả các bệnh xã hội.

Trên cơ sở tính toán các chỉ tiêu theo quy mô dân số và theo tiêu chuẩn hiện hành, đến năm 2030 Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Hóa cần có 425 giường bệnh, đến năm 2040, hệ thống bệnh viện đa khoa cần có 1375 giường bệnh.

d. Giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao

Đầu tư chiều sâu hoàn thiện và nâng cao năng lực cơ sở vật chất các cấp học, phân đầu xây dựng Hoàng Hóa trở thành đơn vị mạnh trong sự nghiệp giáo dục của cả tỉnh.

Mạng lưới giáo dục phổ thông trung học cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu và bán kính phục vụ. Định hướng của tỉnh về đề án sắp xếp các trung học trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn bộ máy, đảm bảo khoảng cách hợp lý giữa các trường. Vì vậy đề xuất giữ nguyên hệ thống các trường trung học phổ thông, dành quỹ đất để phát triển một số mô hình trường liên cấp tại các đô thị đủ đáp ứng với sự phát triển dân số theo từng giai đoạn.

Giữ nguyên trung tâm văn hóa thể thao huyện tại thị trấn Bút Sơn. Định hướng đến năm 2040, bố trí thêm cụm các công trình văn hóa, thể thao cấp đô thị tại các khu vực xã Hoàng Đức (thị trấn Bút Sơn mở rộng) và đô thị Hải Tiến, dọc theo các trục trung tâm đô thị, bao gồm các công trình:

- + Thư viện, quy mô tối thiểu 0,5ha;
- + Bảo tàng tổng hợp, quy mô tối thiểu 1ha;
- + Cung triển lãm, quy mô tối thiểu 1ha;
- + 01 Thiết chế văn hóa tổng hợp đa chức năng cấp đô thị gồm cung văn hóa, cung thiếu nhi, nhà hát, rạp chiếu phim, quy mô tối thiểu 3,2ha.
- + Quảng trường trung tâm gắn với công trình biểu tượng hoặc tượng đài;
- + Sân thể thao cơ bản, quy mô tối thiểu 1ha;
- + Sân vận động, quy mô tối thiểu 2,5ha;

+ Trung tâm thể dục thể thao, quy mô tối thiểu 3ha.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất năm 2030

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được dự báo dựa trên cơ sở của quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (phê duyệt tại Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/6/2015) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2020- 2025 đặt ra. Chi tiết chỉ tiêu phát triển kinh tế của huyện như sau:

Bảng 7: Dự báo một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giai đoạn 2020-2025	Định hướng đến 2030
I	Về kinh tế			
1	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010)	%	15,0	18
2	Cơ cấu GTSX (%)			
	- Nông, lâm, thủy sản	%	9,3	8,5
	- Công nghiệp, xây dựng	%	51,3	49,4
	- Dịch vụ	%	39,4	42,1
3	Thu nhập bình quân trên đầu người (2025)	Triệu đồng	70	82
II	Về xã hội			
1	Tốc độ tăng trưởng dân số bình quân hàng năm	%	<0,7	0,7
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (2025)	%	75	90
3	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm	%	1,5	1,5
III	Về Môi trường			
1	Tỷ lệ che phủ rừng (2025)	%	5,20	5,20
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch	%	81,1	95
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	100	100

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Phấn đấu đến năm 2030, huyện Hoằng Hóa trở thành huyện có nền kinh tế tăng trưởng bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; hệ thống kết cấu hạ tầng

phát triển đồng bộ; tạo sự chuyển biến rõ rệt về chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái; có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế đến năm 2030 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân từ 15,0%/năm vào năm 2025 và đạt 18%/năm vào năm 2030

- Đến năm 2025 cơ cấu giá trị sản xuất các ngành được chuyển dịch theo hướng: nông, lâm nghiệp 9,30%; công nghiệp - xây dựng 51,30 %; dịch vụ 39,40 %.

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

2.1.2.1. Về nông nghiệp

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt bình quân đạt 2,98 % trong giai đoạn 2021 – 2030, Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 của huyện sẽ vào khoảng 875 ha. Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản dự kiến đạt khoảng 145 triệu đồng vào năm 2030.

- Ban hành nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch tích tụ đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, thực hiện đề án chuyển đổi đất lúa kém năng suất sang trang trại, gia trại tổng hợp, trồng cây ăn quả và các mô hình có giá trị kinh tế cao. Kế hoạch mở rộng vùng sản xuất rau an toàn và các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao theo tiêu chuẩn VietGap.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở ưu tiên đầu tư cho các loại cây, con có hiệu quả kinh tế cao; tiếp tục tăng tỷ trọng chăn nuôi và lâm nghiệp trong cơ cấu ngành nông lâm nghiệp thủy sản.

- Bảo đảm an ninh lương thực, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa trên cơ sở phát triển nhóm cây, cây có thể mạnh là cây ăn quả, cây lương thực, cây thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm, và vật nuôi có trâu, bò, lợn và dê.

2.1.2.2. Về công nghiệp, xây dựng, tiểu thủ công nghiệp

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt bình quân đạt 16,71 % trong giai đoạn 2021 – 2025. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng chiếm 51,3 %.

- Huyện Hoàng Hóa đã ban hành nghị quyết về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; Các cơ chế hỗ trợ để thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Kế hoạch sắp xếp các cơ sở sản xuất; Kế hoạch khôi phục các làng nghề

truyền thông, du nhập và nhân rộng các ngành nghề mới nhằm tạo việc làm, giải quyết lao động, tăng thu nhập cho nhân dân.

- Tiếp tục khuyến khích mở rộng các ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có lợi thế về tài nguyên thiên nhiên và sử dụng nhiều lao động tại chỗ như: Sản xuất vật liệu xây dựng, may công nghiệp, chế biến gỗ công nghiệp, mộc dân dụng cao cấp, thủ công mỹ nghệ, đá mỹ nghệ, chạm khắc gỗ, chế biến nông, lâm sản.

2.1.2.3. Về thương mại, dịch vụ, du lịch

- Mục tiêu Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của lĩnh vực thương mại, dịch vụ của huyện sẽ đạt bình quân đạt 17,62 % trong giai đoạn 2021 – 2025. Cơ cấu giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ chiếm 39,40 %.

Ban hành kế hoạch xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm của huyện có lợi thế, bố trí quỹ đất, kêu gọi nguồn đầu tư để phát triển hạ tầng thương mại theo quy hoạch. Xây dựng và triển khai đề án du lịch sinh thái biển, tiếp tục đầu mối với cá doanh nghiệp lữ hành hình thành các tuor, kêu gọi các nguồn lực đầu tư và các điểm du lịch trên địa bàn huyện.

- Khuyến khích phát triển, mở rộng các loại hình dịch vụ vận tải, thông tin truyền thông, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, văn hoá, thể thao đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

- Quy hoạch, dành quỹ đất hợp lý, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại mở chi nhánh tại Hoàng Hóa, đáp ứng nhu cầu vốn cho các thành phần kinh tế.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất (quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện)

Căn cứ thông báo thẩm định số 139/TB-HĐTĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 của hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp huyện tỉnh Thanh Hóa đã phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 như sau:

Bảng 8. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ của huyện Hoàng Hóa

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Loại đất		20.385,23
I	Đất nông nghiệp	NNP	10.376,47
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.680,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.722,64</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	574,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	773,36
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	146,15
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.138,29
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.883,93
1.8	Đất làm muối	LMU	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.927,56

2.1	Đất quốc phòng	CQP	79,47
2.2	Đất an ninh	CAN	6,88
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	545
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	310
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	681,49
2.7	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh PNN	SKC	285,96
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	14,13
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	3.343,35
2.10	Đất có di tích lịch sử-văn hoá	DDT	8,17
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	18,18
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.464,40
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.608,72
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	42,2
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12,06
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	32,55
2.19	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	282,37
3	Đất chưa sử dụng	CSD	81,2
4	Khu kinh tế *	KKT	
5	Đất đô thị *	KDT	7547,54

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kỳ quy hoạch của huyện đã được các ngành dựa trên nguồn lực hiện có, nguồn lực đầu tư công trung hạn và các nguồn lực khác đảm bảo sự phát triển nền kinh tế xã hội huyện đến năm 2030.

* Nhu cầu sử dụng đất cho ngành nông nghiệp

Về thực trạng diện tích nông nghiệp ngày càng giảm do quá trình công nghiệp hóa nhưng nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện đặc biệt là trong nhiệm vụ giải quyết nhu cầu lương thực, thực phẩm tại chỗ, xoá đói giảm nghèo. Do vậy nông nghiệp phải chuyển đổi theo hướng nông nghiệp sạch, hài hoà và bền vững với môi trường. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Trong đó diện tích đất sản xuất đến năm 2030 như sau:

Đất nông nghiệp 10.378,48 ha, cụ thể:

- Đất trồng lúa 5.680, ha;

- + Trong đó: Đất chuyên lúa nước 4.722,64 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 574,89 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 773,36 ha;
- Đất rừng phòng hộ 146,15 ha;
- Đất rừng sản xuất 1.138,29 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 1.883,93 ha;
- Đất nông nghiệp khác 181,86 ha;

** Nhu cầu sử dụng đất cho ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp*

Công nghiệp xây dựng đây là lĩnh vực phát triển các tiềm năng thế mạnh của địa phương như khai thác đá, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, nhằm tạo điều kiện thu hút, phát triển các ngành nghề truyền thống, để dần dần tiến tới phát triển thành các khu tiểu thủ công nghiệp, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Đất khu công nghiệp 545, ha;
- Đất cụm công nghiệp 310,00 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 285,96 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 14,13 ha;

** Nhu cầu sử dụng đất cho ngành thương mại, dịch vụ*

Thương mại, dịch vụ và du lịch là lĩnh vực không những đóng góp tích cực vào quá trình tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần giải quyết một khối lượng lớn việc làm cho người dân, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, tăng tích lũy cho ngân sách của huyện. Phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch là đòn bẩy để phát triển sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, trong đó:

- Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030 là 681,49 ha. Đây là diện tích đất để phát triển hệ thống các cửa hàng, khu thương mại, dịch vụ, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, doanh nghiệp,....

- Diện tích đất chợ đến năm 2020 là 28,60 ha. Đây là diện tích để phát triển mạng lưới giao thương buôn bán của người dân trên địa bàn huyện.

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

2.2.3.1. Đất nông nghiệp

1). Đất trồng lúa

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất trồng lúa của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 5680 ha chiếm 27,86 % diện tích tự nhiên, thực giảm 2092,93 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 5680 ha;
- * Chuyển giảm: 2092,93 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất trồng cây lâu năm: 9,16 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 25,31 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 16,15 ha
 - Đất quốc phòng: 2,35 ha
 - Đất an ninh: 4,8 ha
 - Đất khu công nghiệp: 306,66 ha
 - Đất cụm công nghiệp: 119,95 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 175,61 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 48,62 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 23,53 ha
 - Đất cơ sở y tế: 3,98 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 28 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 15,91 ha
 - Đất giao thông: 634,3 ha
 - Đất thủy lợi: 5,79 ha
 - Đất công trình năng lượng: 9,7 ha
 - Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,11 ha
 - Đất chợ: 8,93 ha
 - Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 1,8 ha
 - Đất bãi thải, xử lý chất thải: 0,4 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 450,07 ha
 - Đất ở tại đô thị: 88,2 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 6,83 ha
 - Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 1,84 ha
 - Đất cơ sở tôn giáo: 9,15 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 41,55 ha
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 45,71 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 6,28 ha
 - Đất phi nông nghiệp khác: 2,24 ha
- 2). *Đất trồng cây hàng năm khác*

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 574,89 ha chiếm 2,82 % diện tích tự nhiên, thực giảm 748,99 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 574,89 ha;
- * Chuyển giảm: 748,99 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất trồng cây lâu năm: 4,19 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 119,74 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 12,54 ha

- Đất quốc phòng: 0,46 ha
- Đất an ninh: 0,67 ha
- Đất khu công nghiệp: 23,34 ha
- Đất cụm công nghiệp: 13 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 26 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 57,66 ha
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 10,97 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 5,14 ha
- Đất cơ sở y tế: 0,32 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 7,38 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 8,41 ha
- Đất giao thông: 148,53 ha
- Đất thủy lợi: 0,2 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,19 ha
- Đất chợ: 2,58 ha
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,47 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 2,1 ha
- Đất ở tại nông thôn: 176,75 ha
- Đất ở tại đô thị: 79,51 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 7,15 ha
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 1,23 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 5,58 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 23,42 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 8,21 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 3,25 ha

3). Đất trồng cây lâu năm

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 773,36 ha chiếm 3,79 % diện tích tự nhiên, thực giảm 159,42 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 755,47 ha;
- * Chuyển tăng: 17,89 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 9,16 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 4,19 ha
 - Đất giao thông: 2,14 ha
 - Đất chưa sử dụng: 2,4 ha
- * Chuyển giảm: 177,31 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất rừng sản xuất: 33,84 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,9 ha
- Đất khu công nghiệp: 24,59 ha
- Đất cụm công nghiệp: 30 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 19,11 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 11,72 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,07 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,2 ha
- Đất giao thông: 2,11 ha
- Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,02 ha
- Đất ở tại nông thôn: 46,34 ha
- Đất ở tại đô thị: 3,2 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 3,2 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,43 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,58 ha

4). Đất rừng phòng hộ

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 146,15 ha chiếm 0,72 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,01 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 145,53 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,62 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,62 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,61 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,61 ha

5). Đất rừng sản xuất

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 1138,29 ha chiếm 5,58 % diện tích tự nhiên, thực tăng 42,16 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1033,28 ha;
- * Chu chuyển tăng: 105,01 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng cây lâu năm: 33,84 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 23,56 ha
 - Đất chưa sử dụng: 47,61 ha
- * Chu chuyển giảm: 62,85 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất quốc phòng: 5,22 ha
 - Đất khu công nghiệp: 11,85 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 42,05 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,45 ha

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 2,5 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,03 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,75 ha

6). Đất nuôi trồng thủy sản

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 1883,93 ha chiếm 9,24 % diện tích tự nhiên, thực giảm 396,42 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1725,73 ha;
- * Chuyển tăng: 158,2 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 25,31 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 119,74 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,9 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 0,86 ha
 - Đất giao thông: 8,94 ha
 - Đất thủy lợi: 0,1 ha
 - Đất chưa sử dụng: 2,35 ha
- * Chuyển giảm: 554,62 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất rừng sản xuất: 23,56 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 48,28 ha
 - Đất an ninh: 0,02 ha
 - Đất khu công nghiệp: 68,53 ha
 - Đất cụm công nghiệp: 35,35 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 89,42 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,97 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 4 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,12 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,8 ha
 - Đất giao thông: 195,97 ha
 - Đất thủy lợi: 0,02 ha
 - Đất công trình năng lượng: 0,5 ha
 - Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,04 ha
 - Đất chợ: 0,41 ha
 - Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,14 ha
 - Đất bãi thải, xử lý chất thải: 0,05 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 53,7 ha
 - Đất ở tại đô thị: 13,96 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1 ha

- Đất cơ sở tôn giáo: 1,94 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,2 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 11,53 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,49 ha

7). Đất nông nghiệp khác

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp khác của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 181,86 ha chiếm 0,89 % diện tích tự nhiên, thực tăng 71,3 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 99,76 ha;
- * Chu chuyển tăng: 82,1 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 16,15 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 12,54 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 48,28 ha
 - Đất giao thông: 5,04 ha
 - Đất thủy lợi: 0,06 ha
 - Đất chưa sử dụng: 0,03 ha
- * Chu chuyển giảm: 10,8 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,86 ha
 - Đất khu công nghiệp: 5 ha
 - Đất cụm công nghiệp: 3,08 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,8 ha
 - Đất giao thông: 0,75 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,31 ha

2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp

1). Đất quốc phòng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất quốc phòng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 79,47 ha chiếm 0,39 % diện tích tự nhiên, thực tăng 13,03 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 66,44 ha;
- * Chu chuyển tăng: 13,03 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 2,35 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,46 ha
 - Đất rừng sản xuất: 5,22 ha
 - Đất chưa sử dụng: 5 ha

2). Đất an ninh

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất an ninh của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 6,88 ha chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, thực tăng 5,94 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 0,94 ha;
- * Chu chuyển tăng: 5,94 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 4,8 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,67 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,02 ha
 - Đất giao thông: 0,45 ha

3). Đất khu công nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất khu công nghiệp của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 545 ha chiếm 2,67 % diện tích tự nhiên, thực tăng 545 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 0 ha;
- * Chu chuyển tăng: 545 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 306,66 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 23,34 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 24,59 ha
 - Đất rừng sản xuất: 11,85 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 68,53 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 5 ha
 - Đất giao thông: 73,46 ha
 - Đất thủy lợi: 7 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 6,4 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 4,4 ha
 - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 1,5 ha
 - Đất chưa sử dụng: 12,27 ha

4). Đất cụm công nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất cụm công nghiệp của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 310 ha chiếm 1,52 % diện tích tự nhiên, thực tăng 247,47 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 43 ha;
- * Chu chuyển tăng: 267 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 119,95 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 13 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 30 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 35,35 ha

- Đất nông nghiệp khác: 3,08 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,22 ha
- Đất giao thông: 57,13 ha
- Đất thủy lợi: 1,21 ha
- Đất chưa sử dụng: 7,06 ha
- * Chu chuyển giảm: 19,53 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất thương mại, dịch vụ: 19,53 ha

5). Đất thương mại, dịch vụ

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất thương mại, dịch vụ của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 681,49 ha chiếm 3,34 % diện tích tự nhiên, thực tăng 454,91 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 225,99 ha;
- * Chu chuyển tăng: 455,5 ha, do lấy từ các loại đất:
- Đất trồng lúa: 175,61 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 26 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 19,11 ha
- Đất rừng phòng hộ: 0,61 ha
- Đất rừng sản xuất: 42,05 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 89,42 ha
- Đất nông nghiệp khác: 0,8 ha
- Đất cụm công nghiệp: 19,53 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,52 ha
- Đất cơ sở y tế: 0,2 ha
- Đất giao thông: 24,96 ha
- Đất thủy lợi: 0,59 ha
- Đất ở tại nông thôn: 6,81 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,04 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 1,34 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 15,9 ha
- Đất chưa sử dụng: 32,01 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,59 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất cụm công nghiệp: 0,22 ha
- Đất giao thông: 0,37 ha

6). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 285,96 ha chiếm 1,4 % diện

tích tự nhiên, thực tăng 138,8 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 144,13 ha;
- * Chu chuyển tăng: 141,83 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 48,62 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 57,66 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 11,72 ha
 - Đất rừng sản xuất: 0,45 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 2,97 ha
 - Đất giao thông: 14,79 ha
 - Đất thủy lợi: 0,44 ha
 - Đất chưa sử dụng: 5,18 ha
- * Chu chuyển giảm: 3,03 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,52 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,23 ha
 - Đất giao thông: 0,25 ha
 - Đất chợ: 1,03 ha

7). Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 14,13 ha chiếm 0,07 % diện tích tự nhiên, thực tăng 14,13 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 0 ha;
- * Chu chuyển tăng: 14,13 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 10,97 ha

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 3,16 ha vì thực hiện theo quy định Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai, đối với huyện Hoằng Hóa sẽ chuyển toàn bộ diện tích hiện trạng và quy hoạch nhóm đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX) sang nhóm đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS) do đây đều là các hình thức khai thác khoáng sản cần phải cấp phép khai thác khoáng sản của các cấp thẩm quyền.

8). Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 3343,35 ha chiếm 16,4 % diện tích tự nhiên, thực tăng 731,38 ha so với năm 2020. Trong đó, cụ thể các loại đất như sau:

a) Đất cơ sở văn hóa

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở văn hóa của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 81,85 ha chiếm 0,4 % diện tích tự nhiên, thực tăng 41,69 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 39,4 ha;
- * Chu chuyển tăng: 42,45 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 23,53 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 5,14 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 4 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,15 ha
 - Đất giao thông: 5,78 ha
 - Đất thủy lợi: 0,03 ha
 - Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,03 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,23 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,58 ha
 - Đất chưa sử dụng: 2,98 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,76 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,1 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,09 ha
 - Đất giao thông: 0,08 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,34 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,08 ha
 - Đất cơ sở tôn giáo: 0,07 ha

b) Đất cơ sở y tế

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở y tế của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 19,52 ha chiếm 0,1 % diện tích tự nhiên, thực tăng 2,16 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 14,13 ha;
- * Chu chuyển tăng: 5,39 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 3,98 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,32 ha
 - Đất giao thông: 1,09 ha
- * Chu chuyển giảm: 3,23 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,2 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 3,03 ha

c) Đất cơ sở giáo dục và đào tạo

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 138,47 ha chiếm 0,68 % diện tích tự nhiên, thực tăng 50,73 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 85,81 ha;
- * Chu chuyển tăng: 52,66 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 28 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 7,38 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 1,07 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 1,12 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,23 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,1 ha
 - Đất cơ sở y tế: 3,03 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 1,6 ha
 - Đất giao thông: 7,15 ha
 - Đất thủy lợi: 0,03 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,93 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,32 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,2 ha
 - Đất chưa sử dụng: 0,5 ha
- * Chu chuyển giảm: 1,93 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,19 ha
 - Đất giao thông: 0,36 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 1,38 ha

d) Đất cơ sở thể dục thể thao

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở thể dục thể thao của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 66,51 ha chiếm 0,33 % diện tích tự nhiên, thực tăng 26,44 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 37,04 ha;
- * Chu chuyển tăng: 29,47 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 15,91 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 8,41 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,2 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,8 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,09 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,19 ha
 - Đất giao thông: 3,76 ha
 - Đất thủy lợi: 0,04 ha

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,07 ha
- * Chu chuyển giảm: 3,03 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất cơ sở văn hóa: 0,15 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,6 ha
- Đất giao thông: 0,05 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,18 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1,05 ha

g) Đất giao thông

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất giao thông của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 2429,74 ha chiếm 11,92 % diện tích tự nhiên, thực tăng 601,29 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1382,8 ha;
- * Chu chuyển tăng: 1046,94 ha, do lấy từ các loại đất:
- Đất trồng lúa: 634,3 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 148,53 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 2,11 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 195,97 ha
- Đất nông nghiệp khác: 0,75 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,37 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,25 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,08 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,36 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,05 ha
- Đất thủy lợi: 5,03 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,02 ha
- Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,04 ha
- Đất ở tại nông thôn: 32,38 ha
- Đất ở tại đô thị: 2,05 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,05 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,02 ha
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 8,93 ha
- Đất chưa sử dụng: 15,65 ha
- * Chu chuyển giảm: 445,65 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất trồng cây lâu năm: 2,14 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 8,94 ha
- Đất nông nghiệp khác: 5,04 ha
- Đất an ninh: 0,45 ha

- Đất khu công nghiệp: 73,46 ha
- Đất cụm công nghiệp: 57,13 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 24,96 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 14,79 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 5,78 ha
- Đất cơ sở y tế: 1,09 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 7,15 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 3,76 ha
- Đất thủy lợi: 1,84 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,39 ha
- Đất chợ: 1,29 ha
- Đất ở tại nông thôn: 183,65 ha
- Đất ở tại đô thị: 19,54 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1,91 ha
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,66 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 0,82 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 13,19 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 15,59 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 1,12 ha
- Đất phi nông nghiệp khác: 0,96 ha

h) Đất thủy lợi

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất thủy lợi của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 564,88 ha chiếm 2,77 % diện tích tự nhiên, thực giảm 15,43 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 557,03 ha;
- * Chu chuyển tăng: 7,85 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 5,79 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,2 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,02 ha
 - Đất giao thông: 1,84 ha
- * Chu chuyển giảm: 23,28 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,1 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 0,06 ha
 - Đất khu công nghiệp: 7 ha
 - Đất cụm công nghiệp: 1,21 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,59 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,44 ha

- Đất cơ sở văn hóa: 0,03 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,03 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,04 ha
- Đất giao thông: 5,03 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,01 ha
- Đất chợ: 0,02 ha
- Đất ở tại nông thôn: 8,36 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,21 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 0,07 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,02 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,06 ha

i) Đất công trình năng lượng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất công trình năng lượng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 12,44 ha chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên, thực tăng 10,7 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1,64 ha;
- * Chu chuyển tăng: 10,8 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 9,7 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,19 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,5 ha
 - Đất giao thông: 0,39 ha
 - Đất thủy lợi: 0,01 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,01 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,1 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất giao thông: 0,02 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,02 ha
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,01 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,05 ha

j) Đất công trình bưu chính, viễn thông

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 1,34 ha chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,12 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1,12 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,22 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,11 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,02 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,04 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,05 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,1 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất cơ sở văn hóa: 0,03 ha
- Đất giao thông: 0,04 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,03 ha

k) Đất chợ

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất chợ của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 28,6 ha chiếm 0,14 % diện tích tự nhiên, thực tăng 13,68 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 13,81 ha;
- * Chu chuyển tăng: 14,79 ha, do lấy từ các loại đất:
- Đất trồng lúa: 8,93 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 2,58 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,41 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,03 ha
- Đất giao thông: 1,29 ha
- Đất thủy lợi: 0,02 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,37 ha
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,16 ha
- * Chu chuyển giảm: 1,11 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất ở tại nông thôn: 0,85 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 0,15 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,11 ha

9). Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 8,17 ha chiếm 0,04 % diện tích tự nhiên, thực tăng 2,41 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 5,76 ha;
- * Chu chuyển tăng: 2,41 ha, do lấy từ các loại đất:
- Đất trồng lúa: 1,8 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,47 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,14 ha

10). Đất bãi thải, xử lý chất thải

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 18,18 ha chiếm 0,09 % diện tích tự nhiên, thực tăng 5,35 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 10,63 ha;

* Chu chuyển tăng: 7,55 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 0,4 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 2,1 ha
- Đất rừng sản xuất: 2,5 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,05 ha
- Đất chưa sử dụng: 2,5 ha

* Chu chuyển giảm: 2,2 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 2,2 ha

11). Đất ở tại nông thôn

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất ở tại nông thôn của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 1464,4 ha chiếm 7,18 % diện tích tự nhiên, thực giảm 409,83 ha so với năm 2020 do việc trong kỳ quy hoạch đến năm 2030, huyện định hướng có thêm 15 xã chuyển thành đô thị theo định hướng phát triển các đô thị như mở rộng thị trấn, đô thị Phú Quý, Hải Tiến, Thịnh Lộc, Thanh Ngọc bao gồm: Hoàng Phú, Hoàng Kim, Hoàng Trung, Hoàng Quý, Hoàng Đức, Hoàng Đồng, Hoàng Thái, Hoàng Thịnh, Hoàng Lộc, Hoàng Tiến, Hoàng Hải, Hoàng Ngọc, Hoàng Thanh, Hoàng Phụ, Hoàng Trường, khi đó diện tích đất ở nông thôn 15 xã này sẽ chuyển thành đất ở đô thị. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 524,73 ha;

* Chu chuyển tăng: 939,67 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 450,07 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 176,75 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 46,34 ha
- Đất rừng sản xuất: 0,03 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 53,7 ha
- Đất nông nghiệp khác: 0,31 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,34 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,38 ha
- Đất giao thông: 183,65 ha
- Đất thủy lợi: 8,36 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,02 ha
- Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,03 ha
- Đất chợ: 0,85 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,6 ha
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,05 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 1,25 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,06 ha

- Đất chưa sử dụng: 15,88 ha
- * Chu chuyển giảm: 1349,5 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất khu công nghiệp: 6,4 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 6,81 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,23 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,93 ha
- Đất giao thông: 32,38 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,01 ha
- Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,05 ha
- Đất chợ: 0,37 ha
- Đất ở tại đô thị: 1300,56 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,03 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 0,24 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1,14 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,05 ha
- Đất phi nông nghiệp khác: 0,3 ha

12). Đất ở tại đô thị

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất ở tại đô thị của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 1608,72 ha chiếm 7,89 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1503,26 ha so với năm 2020, trong đó có tăng thêm do chuyển đất ở của 15 xã theo định hướng phát triển đô thị của huyện theo như nội dung đã nêu trong phần đất ở tại nông thôn, cụ thể các biến động như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 103,25 ha;
- * Chu chuyển tăng: 1505,47 ha, do lấy từ các loại đất:
- Đất trồng lúa: 88,2 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 79,51 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 3,2 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 13,96 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,08 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,18 ha
- Đất giao thông: 19,54 ha
- Đất thủy lợi: 0,21 ha
- Đất ở tại nông thôn: 1300,56 ha
- Đất chưa sử dụng: 0,03 ha
- * Chu chuyển giảm: 2,21 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất giao thông: 2,05 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,16 ha

13). Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 42,2 ha chiếm 0,21 % diện tích tự nhiên, thực tăng 14,71 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 25,1 ha;
- * Chu chuyển tăng: 17,1 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 6,83 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 7,15 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 1 ha
 - Đất giao thông: 1,91 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,03 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,18 ha
- * Chu chuyển giảm: 2,39 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,04 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,58 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,32 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,6 ha
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,6 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,25 ha

14). Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 12,06 ha chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên, thực tăng 3,52 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 8,33 ha;
- * Chu chuyển tăng: 3,73 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 1,84 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 1,23 ha
 - Đất giao thông: 0,66 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,21 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất chợ: 0,16 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,05 ha

15). Đất cơ sở tôn giáo

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở tôn giáo của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 32,55 ha chiếm 0,16 % diện tích tự nhiên, thực tăng 20,21 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 12,34 ha;
- * Chu chuyển tăng: 20,21 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 9,15 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 5,58 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,94 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,07 ha
- Đất giao thông: 0,82 ha
- Đất thủy lợi: 0,07 ha
- Đất chợ: 0,15 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,24 ha
- Đất chưa sử dụng: 2,19 ha

16). Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 282,37 ha chiếm 1,39 % diện tích tự nhiên, thực tăng 76,54 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 198,34 ha;
- * Chu chuyển tăng: 84,03 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 41,55 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 23,42 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 3,2 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,2 ha
 - Đất giao thông: 13,19 ha
 - Đất thủy lợi: 0,02 ha
 - Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,2 ha
 - Đất chưa sử dụng: 2,25 ha
- * Chu chuyển giảm: 7,49 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất khu công nghiệp: 4,4 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 1,34 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,2 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,07 ha
 - Đất giao thông: 0,05 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 1,25 ha
 - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,16 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,02 ha
- * Chu chuyển giảm: 3,16 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 3,16 ha

17). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 131,46 ha chiếm 0,64 % diện tích tự nhiên, thực tăng 91,31 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 40,15 ha;
- * Chu chuyển tăng: 91,31 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 45,71 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 8,21 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,43 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 11,53 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 1,05 ha
 - Đất giao thông: 15,59 ha
 - Đất thủy lợi: 0,06 ha
 - Đất công trình năng lượng: 0,01 ha
 - Đất chợ: 0,11 ha
 - Đất bãi thải, xử lý chất thải: 2,2 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 1,14 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,6 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,16 ha
 - Đất chưa sử dụng: 4,51 ha

18). Đất cơ sở tín ngưỡng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 29,31 ha chiếm 0,14 % diện tích tự nhiên, thực tăng 12,79 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 16,26 ha;
- * Chu chuyển tăng: 13,05 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 6,28 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 3,25 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,58 ha
 - Đất rừng sản xuất: 0,75 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,49 ha
 - Đất giao thông: 1,12 ha
 - Đất công trình năng lượng: 0,05 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,05 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,16 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,25 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,02 ha

- Đất chưa sử dụng: 0,05 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,26 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất giao thông: 0,02 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,06 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,18 ha

19). Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 1018,19 ha chiếm 4,99 % diện tích tự nhiên, thực giảm 10,43 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1018,19 ha;
- * Chu chuyển giảm: 10,43 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất khu công nghiệp: 1,5 ha
- **Đất giao thông: 8,93 ha**

20). Đất có mặt nước chuyên dùng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 10,17 ha chiếm 0,05 % diện tích tự nhiên, thực giảm 16,1 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 10,17 ha;
- * Chu chuyển giảm: 16,1 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất thương mại, dịch vụ: 15,9 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,2 ha

21). Đất phi nông nghiệp khác

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất phi nông nghiệp khác của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 3,5 ha chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên, thực tăng 3,5 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 0 ha;
- * Chu chuyển tăng: 3,5 ha, do lấy từ các loại đất:
- Đất trồng lúa: 2,24 ha
- Đất giao thông: 0,96 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,3 ha

2.2.3.3. Đất chưa sử dụng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất chưa sử dụng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 81,2 ha chiếm 0,4 % diện tích tự nhiên, thực giảm 160,45 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 81,2 ha;
- * Chu chuyển giảm: 160,45 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất trồng cây lâu năm: 2,4 ha

- Đất rừng sản xuất: 47,61 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 2,35 ha
- Đất nông nghiệp khác: 0,03 ha
- Đất quốc phòng: 5 ha
- Đất khu công nghiệp: 12,27 ha
- Đất cụm công nghiệp: 7,06 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 32,01 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 5,18 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 2,98 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,5 ha
- Đất giao thông: 15,65 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 2,5 ha
- Đất ở tại nông thôn: 15,88 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,03 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 2,19 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 2,25 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 4,51 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,05 ha

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

2.3.1. Khu vực chuyên trồng lúa nước

Trên cơ sở đặc điểm, lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên đất đai; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hoằng Hóa đến năm 2030. Xác định các khu vực chuyên trồng lúa nước của huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích khoảng 5.194,90 ha. Diện tích đất chuyên trồng lúa tập trung tại các xã: xã Hoằng Xuân, Hoằng Phượng, Hoằng Tân,...

2.3.2. Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm

Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn huyện Hoằng Hóa sẽ có diện tích 578,09 ha, tương ứng với 2,84 % diện tích tự nhiên của huyện.

2.3.3. Khu vực rừng phòng hộ

Khu vực rừng phòng hộ trên địa bàn huyện Hoằng Hóa sẽ có diện tích 168,07 ha, tương ứng với 0,82 % diện tích tự nhiên của huyện.

2.3.4. Khu vực rừng sản xuất

Khu vực rừng sản xuất trên địa bàn huyện Hoằng Hóa với tổng diện tích khoảng 1.252,12 ha, tương ứng với 6,14 % diện tích tự nhiên của huyện.

2.3.5. Khu vực công nghiệp, cụm công nghiệp

Khu vực phát triển công nghiệp cụ thể cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Hoằng Hóa với tổng diện tích khoảng 1.111,50 ha, phân bố trên địa bàn các xã: Hoằng Quý, Hoằng Quỳ, Hoằng Xuyên, Hoằng Cát,....

2.3.6. Khu đô thị - thương mại - dịch vụ

Khu đô thị - thương mại - dịch vụ sẽ có diện tích 7.547,54 ha, trong đó đất nông nghiệp là 3.147,12 ha, chiếm 41,70% tổng diện tích khu vực chức năng; đất phi nông nghiệp là 4.388,51, chiếm 58,14 % khu chức năng; đất chưa sử dụng là 11,91 ha, chiếm 0,16% khu chức năng.

2.3.7. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện Hoằng Hóa với tổng diện tích khoảng 2.450,50 ha, tương ứng với 12,02 % diện tích tự nhiên của huyện.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện Hoằng Hóa đã xác định rõ cơ cấu diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong kỳ điều chỉnh, theo đó cũng tạo ra nguồn thu từ đất cho ngân sách địa phương từ việc giao đất, cho thuê đất. Đồng thời cũng thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trong phương án quy hoạch đã xác định được các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho những đối tượng được nhà nước thu hồi đất để sử dụng vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn huyện.

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện cho thấy về chỉ tiêu sử dụng đất các cấp, các ngành là phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030 và là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Về phương diện kinh tế, thông qua phương án quy hoạch sử dụng đất, giá trị của đất được nâng lên, thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản, thị trường lao động, tạo ra nguồn vốn, nguồn lực vô cùng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phương án quy hoạch đã tạo ra quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ và du lịch, đất ở đô thị và nông thôn.

Theo đó, nếu như phương án điều chỉnh quy hoạch của huyện được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra sẽ tạo nhiều nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, đặc biệt là giao đất, đấu giá đất ở nông thôn, giao đất, đấu giá đất ở đô thị, giao đất cho thuê đất sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ. Đồng thời, song

hành với việc thu từ công tác giao đất, huyện cũng cần tính đến phương án, chi phí đền bù cho việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp, đất ở... để tạo lên sự phát triển ổn định và bền vững.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

Nhằm đảm bảo an ninh lương thực của cả tỉnh nói chung và của huyện Hoằng Hóa nói riêng, phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã bố trí diện tích đất trồng lúa là 5.680,00 ha. Bên cạnh đó, phương án điều chỉnh cũng đã đề xuất các giải pháp để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm lương phù hợp với địa phương. Với việc quỹ đất trồng lúa của huyện đến năm 2030 còn khá lớn, kết hợp với những giải pháp tăng cường áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sẽ là đảm bảo đầy đủ tính an toàn lương thực cho huyện trong những năm tiếp theo.

Ngoài ra, dự kiến đến năm 2030 toàn huyện Hoằng Hóa có 574,89 ha đất trồng cây hàng năm với các mục đích trồng ngô, khoai, sắn, rau màu các loại cũng sẽ góp phần quan trọng cho việc đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong vùng.

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Việc giải quyết quỹ đất ở cho dân cư được xem xét kỹ trong phương án quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Tuy nhiên quy hoạch sử dụng đất huyện đã định hướng giải quyết quỹ đất ở theo nhu cầu gia tăng dân số cho khu vực đô thị và nông thôn để đảm bảo phát triển ổn định đời sống dân cư.

Mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất. Việc chuyển đổi 3.352,96 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, trong đó có 2.042,31 ha đất trồng lúa, 612,52 ha đất trồng cây hàng năm khác, 142,57 ha đất cây lâu năm, 62,85 ha đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản 482,16 ha sẽ làm ảnh hưởng đến đời sống của một bộ phận dân cư có đất bị thu hồi. Để khắc phục vấn đề này huyện đã có những giải pháp cụ thể như: Hỗ trợ ổn định đời sống, vốn để sản xuất kinh doanh, hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ đào tạo nghề cho các lao động...

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Hoằng Hóa cần một lượng lớn quỹ đất để đáp ứng nhu cầu phát triển. Phương án quy hoạch sử dụng đất đã tính toán cân đối nhu cầu đất ở của dân cư đô thị của huyện Hoằng Hóa trong quá trình đô thị hóa, bố trí quỹ đất ở tại đô thị của huyện tăng thêm khoảng 1503,26 ha, do việc mở rộng thị trấn, và hình thành các đô thị làm cho diện tích đất ở nông thôn chuyển thành đất ở đô thị, đồng

thời do việc bố trí các quỹ đất ở mới. Đất phát triển hạ tầng của huyện trong kỳ quy hoạch sẽ tăng thêm khoảng 731,38 ha để xây dựng thêm các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng kinh tế, tạo tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phương án quy hoạch sử dụng đất đã bố trí thêm 601,29 ha đất giao thông; mở rộng và xây dựng mới các tuyến đường giao thông, các công trình thủy lợi, công trình năng lượng và công trình bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tới. Đồng thời, phương án cũng bố trí thêm khoảng 41,69 ha đất cơ sở văn hóa ; bố trí thêm 50,73 ha đất cơ sở giáo dục - đào tạo; bố trí thêm khoảng 26,44 ha đất cơ sở thể dục - thể thao; đất chợ 13,68 ha.

Diện tích đất tăng thêm được bố trí cho các mục đích phát triển hạ tầng đã góp phần thúc đẩy kinh tế huyện Hoàng Hóa phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đưa các chỉ tiêu xã hội hóa của huyện đạt mức trung bình của tỉnh, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc

Trong phương án quy hoạch cũng đã thể hiện rõ những mục tiêu, nhiệm vụ và quan điểm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hóa trong công chúng. Giữ gìn nguyên vẹn và đầy đủ các di tích đã và đang được xếp hạng, không để xuống cấp, tổn thất hoặc bị hủy hoại.

Phương án quy hoạch cũng đã tính toán đầy đủ quỹ đất nhằm đáp ứng được việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện Hoàng Hóa đã cho thấy, huyện đã có định hướng khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên vào phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Cụ thể như sau:

Nhằm tận dụng tốt nguồn tài nguyên của địa phương, huyện Hoàng Hóa đã chủ động thực hiện chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng phù hợp. Theo đó, thực hiện chuyển đổi vị trí đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm có năng suất thấp sang mô hình rau sạch, cây ăn quả, lúa chất lượng cao, khu chăn nuôi. Đây là những mô hình sẽ đem lại giá trị kinh tế lớn, đồng thời đảm bảo nguồn an ninh lương thực lâu dài cho huyện.

Trong phương án quy hoạch sử dụng đất huyện đã bố trí 545,00 ha đất khu công nghiệp, 310,00 ha đất cụm công nghiệp, 681,49 ha thương mại dịch vụ; 285,96 ha đất

cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nhằm đáp ứng cho phát triển ngành công nghiệp như: công nghiệp chế biến nông, sản - thực phẩm với phương châm đảm bảo an toàn thực phẩm nhằm nâng cao sức khỏe của nhân dân, thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển bền vững và hiệu quả. Việc phát triển các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ); phát triển đô thị, nông thôn;...theo hướng phát triển bền vững, lấy hiệu quả kinh tế làm mục tiêu, gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường cho huyện.

Đối với đất chưa sử dụng đến năm 2030, huyện sẽ dự kiến đưa khoảng 160,45 ha vào cho các mục đích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp nhằm khai thác hợp lý nguồn tài nguyên đất này cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Đối với quỹ đất rừng sản xuất, theo phương án điều chỉnh của huyện đến năm 2030, huyện sẽ giữ nguyên khoảng 1.138,29 ha rừng sản xuất và 146,15 ha rừng phòng hộ. Điều này sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển mở rộng diện tích đất rừng và tăng tỷ lệ che phủ, đồng thời sẽ đem lại nhiều giá trị về kinh tế từ việc khai thác sau này cũng như tạo được sự điều hòa môi trường không khí trong lành, bảo vệ môi trường sinh thái cho địa phương.

PHẦN IV

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU KỲ QUY HOẠCH

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO LOẠI ĐẤT

1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Hoàng Hóa, các chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn huyện Hoàng Hóa được xác định phân bổ cụ thể như sau:

Bảng 9. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích QH 2030	Cơ cấu
	TỔNG DTTN (1+2+3)		20387,24	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	10.378,48	50,91
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5680,00	27,86
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.722,64</i>	<i>23,16</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	574,89	2,82
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	773,36	3,79
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	146,15	0,72
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.138,29	5,58
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.883,93	9,24
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	181,86	0,89
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.927,56	48,69
2.1	Đất quốc phòng	CQP	79,47	0,39
2.2	Đất an ninh	CAN	6,88	0,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	545,00	2,67
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	310,00	1,52
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	681,49	3,34
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	285,96	1,40
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	14,13	0,07
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.343,35	16,40
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,17	0,04
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	18,18	0,09
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.464,40	7,18
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.608,72	7,89
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	42,20	0,21
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12,06	0,06
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	32,55	0,16
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	282,37	1,39
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		

2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	131,46	0,64
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	29,31	0,14
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.018,19	4,99
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	10,17	0,05
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,50	0,02
3	Đất chưa sử dụng	CSD	81,20	0,40

1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

1.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Bảng 10: Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021		
				Diện tích (ha)	Biến động Tăng + Giảm -	Cơ cấu %
	TỔNG DTTN (1+2+3)		20.387,24	20.387,24		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	13.662,77	13.026,88	-635,89	63,90
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7772,93	7243,41	-529,52	35,53
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>6.880,36</i>	<i>6.393,93</i>	<i>-486,43</i>	<i>31,36</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.323,88	1.247,55	-76,33	6,12
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	932,78	904,91	-27,87	4,44
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	146,14	146,14		0,72
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	1.096,13	1.095,72	-0,41	5,37
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.280,35	2.270,32	-10,03	11,14
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	110,56	118,83	8,27	0,58
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.482,82	7.121,26	638,44	34,93
2.1	Đất quốc phòng	CQP	66,44	67,60	1,16	0,33
2.2	Đất an ninh	CAN	0,94	0,94		0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,53	101,10	38,57	0,50
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	226,58	266,14	39,56	1,31
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	147,16	176,16	29,00	0,86
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.611,97	2.930,50	318,53	14,37
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>40,16</i>	<i>51,48</i>	<i>11,32</i>	<i>0,25</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>17,36</i>	<i>18,46</i>	<i>1,10</i>	<i>0,09</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>87,74</i>	<i>94,95</i>	<i>7,21</i>	<i>0,47</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>40,07</i>	<i>46,12</i>	<i>6,05</i>	<i>0,23</i>
-	<i>Đất cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>				
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>				
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.828,45</i>	<i>2.120,07</i>	<i>291,62</i>	<i>10,40</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>580,31</i>	<i>577,44</i>	<i>-2,87</i>	<i>2,83</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>1,74</i>	<i>5,82</i>	<i>4,08</i>	<i>0,03</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,22</i>	<i>1,24</i>	<i>0,02</i>	<i>0,01</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020	Kế hoạch sử dụng đất năm 2021		
				Diện tích (ha)	Biến động Tăng + Giảm -	Cơ cấu %
-	Đất chợ	DCH	14,92	14,92		0,07
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,76	6,55	0,79	0,03
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	12,83	13,07	0,24	0,06
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.874,23	2.024,62	150,39	9,93
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	105,46	135,15	29,69	0,66
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	27,49	28,07	0,58	0,14
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,54	10,74	2,20	0,05
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,34	21,04	8,70	0,10
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	205,83	221,66	15,83	1,09
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,16	3,16		0,02
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	40,15	41,80	1,65	0,21
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,52	18,29	1,77	0,09
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.028,62	1.028,40	-0,22	5,04
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	26,27	26,27		0,13
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD	241,65	239,10	-2,55	1,17

+ Đất nông nghiệp: 13.026,88 ha, chiếm 63,90 % tổng diện tích đất tự nhiên

+ Đất phi nông nghiệp: 7.121,26 ha, chiếm 34,93 % tổng diện tích đất tự nhiên

+ Đất chưa sử dụng: 239,10 ha, chiếm 1,17 % tổng diện tích đất tự nhiên

(Chi tiết chỉ tiêu phân bổ các loại đất được thể hiện trong biểu 06/CH)

1.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Trong năm 2021, nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân được phân bổ cụ thể như sau:

* Đối với đất nông nghiệp:

- Để chuyển đổi đất nông nghiệp khác sang đất trồng cây lâu năm, huyện Hoàng Hóa dự kiến thực hiện các dự án:

Bảng 11. Kế hoạch sử dụng đất trồng cây lâu năm năm 2021

STT	Hạng mục	Tăng thêm	Địa điểm
1	Trang trại trồng cây lâu năm kết hợp nuôi trồng thủy sản	1,20	Hoàng Xuân
2	Trang trại trồng cây lâu năm kết hợp nuôi trồng thủy sản	0,15	Hoàng Xuân
3	Trang trại trồng cây lâu năm kết hợp nuôi trồng thủy sản	0,20	Hoàng Xuân
4	Trang trại trồng cây lâu năm kết hợp nuôi trồng thủy sản	0,85	Hoàng Xuân

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

5	Trang trại trồng cây ăn quả	1,20	Hoàng Xuân
6	Khu đất trồng cây dược liệu	0,70	Hoàng Quý
7	Trang trại tổng hợp, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả	0,04	Hoàng Đồng
8	Trang trại tổng hợp, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả	0,08	Hoàng Đồng

- Đối với nhu cầu chuyển mục đích sang đất nuôi trồng thủy sản, huyện đề xuất thực hiện 29,06 ha để thực hiện các dự án:

Bảng 12. Kế hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2021

STT	Hạng mục	Tăng thêm	Địa điểm
1	Nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây ăn quả	0,90	Hoàng Thắng
2	Cải tạo, nâng cấp ao nuôi trồng thủy sản	1,82	Hoàng Đạo
3	Cải tạo, nâng cấp ao nuôi trồng thủy sản	1,15	Hoàng Đạo
4	Nuôi trồng thủy sản chất lượng cao	2,00	Hoàng Lưu
5	Nuôi trồng thủy sản nước lợ (đề án)	9,39	Hoàng Lưu
6	Vùng nuôi trồng thủy sản	0,20	Hoàng Châu
7	Vùng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao theo đề án	5,10	Hoàng Châu
8	Vùng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao theo đề án	8,50	Hoàng Châu

- Đối với nhu cầu phát triển kinh tế trang trại, huyện đề xuất thực hiện 47,92 ha, cụ thể các dự án:

Bảng 13. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp khác năm 2021

STT	Hạng mục	Tăng thêm	Địa điểm
1	Trang trại trồng cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản	0,50	TT Bút Sơn
2	Trang trại trồng cây lâu năm kết hợp nuôi trồng thủy sản	2,50	Hoàng Xuân
3	Trang trại trồng cây lâu năm kết hợp nuôi trồng thủy sản	0,40	Hoàng Trinh
4	Trang trại nuôi trồng thủy sản	0,08	Hoàng Quý
5	Trang trại tổng hợp	1,50	Hoàng Hà
6	Trang trại tổng hợp	1,44	Hoàng Hà
7	Trang trại trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản	0,56	Hoàng Lưu
8	Trang trại tổng hợp	0,82	Hoàng Tiến
9	Trang trại tổng hợp	0,82	Hoàng Tiến
10	Trang trại tổng hợp	1,90	Hoàng Trường

*** Đối với đất phi nông nghiệp:**

- Đất ở tại nông thôn:

Nhu cầu của huyện đề xuất trong năm 2021 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 14. Kế hoạch sử dụng đất ở nông thôn năm 2021

STT	Hạng mục	Tăng thêm	Loại đất	Địa điểm	Cơ sở pháp lý
1	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Thịnh (Mặt bằng số 03)	0,79	ONT	Hoàng Thịnh	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		0,53	DGT		
2	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư	0,91	ONT	Hoàng Thịnh,	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

	đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Thịnh (Mặt bằng số 04)	0,58	DGT	Hoàng Thái	ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
3	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Thịnh (Mặt bằng số 05)	0,16	ONT	Hoàng Thịnh	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
4	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Thành (Mặt bằng số 06)	0,73	ONT	Hoàng Thành	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		0,83	DGT		
5	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Thắng (Mặt bằng số 07)	0,88	ONT	Hoàng Thắng	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		1,26	DGT		
6	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Lưu (Mặt bằng số 08)	1,76	ONT	Hoàng Lưu	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		0,82	DGT		
		0,05	DKV		
7	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Lưu (Mặt bằng số 09)	0,73	ONT	Hoàng Lưu	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		0,45	DGT		
		0,05	DKV		
8	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Thành (Mặt bằng số 10)	0,31	ONT	Hoàng Thành	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
9	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Thành (Mặt bằng số 11)	0,69	ONT	Hoàng Thành	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		0,70	DGT		
10	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Tiến (Mặt bằng số 12 + 13)	2,32	ONT	Hoàng Tiến	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		0,33	DGT		
11	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh Đông, trên địa bàn xã Hoàng Đồng (Mặt bằng số 14)	1,29	ONT	Hoàng Đồng	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		1,38	DGT		
12	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Thịnh (Mặt bằng số 15)	2,25	ONT	Hoàng Thịnh	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		0,16	DKV		
		1,33	DGT		
13	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh - Đông, trên địa bàn xã Hoàng Thịnh (Mặt bằng số 16)	1,07	ONT	Hoàng Thịnh	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		0,58	DGT		
14	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh Đông (Mặt bằng số 17)	2,86	ONT	Hoàng Kim	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		1,79	DGT		
15	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư	0,37	ONT	Hoàng Trinh	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

	đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh Đông, trên địa bàn xã Hoàng Trinh (Mặt bằng số 18)	0,43	DGT		ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
16	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh Đông, trên địa bàn xã Hoàng Sơn (Mặt bằng số 19)	0,77	ONT	Hoàng Sơn	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		1,47	DGT		
17	Dự án khu tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Tiến để thực hiện dự án đường đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (đường 22) - giai đoạn 2 (Vị trí 1: đường vào nhà bà Thảo Thắng)	0,79	ONT	Hoàng Tiến	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		0,18	DGT		
18	Dự án khu tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Tiến để thực hiện dự án đường đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (đường 22) - giai đoạn 2 (Vị trí 2: Sau đền thờ Tô Hiến Thành)	1,39	ONT	Hoàng Tiến	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		0,32	DGT		
19	Dự án khu tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Hải để thực hiện dự án đường đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (đường 22) - giai đoạn 2 (vị trí 3: Đối diện khách sạn Huy Phú)	2,98	DGT	Hoàng Hải	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		0,68	ONT		
20	Dự án khu tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Hải để thực hiện dự án đường đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (đường 22) - giai đoạn 2 (vị trí 4: Giáp xã Hoàng Tiến)	0,38	ONT	Hoàng Hải	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
21	Dự án khu tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Trường để thực hiện dự án đường đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (đường 22) - giai đoạn 2 (vị trí 5: Sau tượng đài lão dân quân Hoàng Trường)	5,52	ONT	Hoàng Trường	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		1,25	DGT		
22	Quyết tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất khu tái định cư dự án mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch biển Hải Tiến (giai đoạn 2) (vị trí 1, 2, 4)	4,68	ONT	Hoàng Tiến	Nghị quyết 190/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
23	Dự án khu tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Ngọc để thực hiện dự án mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (đường Gòong - Hải Tiến) - giai đoạn 2 (vị trí 1: Phía Bắc khu TĐC đợt 1)	2,10	ONT	Hoàng Ngọc	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		0,48	DGT		
24	Dự án khu tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Ngọc để thực hiện dự án mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (đường Gòong - Hải Tiến) - giai đoạn 2 (vị trí 2: Phía Nam khu TĐC đợt 1)	1,62	ONT	Hoàng Ngọc	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		0,37	DGT		
25	Dự án khu tái định cư và đầu giá	0,79	ONT	Hoàng Tiến	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

	quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Tiến để thực hiện dự án mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (đường Gòng - Hải Tiến) - giai đoạn 2 (vị trí 3: đường vào nhà bà Thảo Thắng)	0,18	DGT		ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
26	Dự án khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Tiến để thực hiện dự án mở rộng đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (đường Gòng - Hải Tiến) - giai đoạn 2 (vị trí 5: Cổng chào khu du lịch Hải Tiến)	0,09	ONT	Hoàng Tiến	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
27	Khu dân cư thôn Phú Thượng, xã Hoàng Phú (Mặt bằng KQ1)	0,98	ONT	Hoàng Phú	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
28	Khu dân cư thôn Phú Thượng, xã Hoàng Phú (Mặt bằng KQ2)	0,70	ONT	Hoàng Phú	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
29	Khu dân cư thôn Trịnh Thôn, xã Hoàng Phú (Mặt bằng KQ3)	0,97	ONT	Hoàng Phú	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
30	Khu dân cư thôn Trịnh Thôn, xã Hoàng Phú (Mặt bằng KQ4)	0,75	ONT	Hoàng Phú	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
31	Khu dân cư thôn Trịnh Thôn, xã Hoàng Phú (Mặt bằng KQ5)	0,85	ONT	Hoàng Phú	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,21	DGT		
32	Khu dân cư thôn Trịnh Thôn, xã Hoàng Phú (Mặt bằng KQ6)	1,23	ONT	Hoàng Phú	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,31	DGT		
33	Khu dân cư thôn Trịnh Thôn, xã Hoàng Phú (Mặt bằng KQ7)	1,26	ONT	Hoàng Phú	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,32	DGT		
34	Dự án khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Hoàng Quỳ để thực hiện dự án đường giao thông Quỳ - Xuyên (QX1)	3,58	ONT	Hoàng Quỳ	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		0,81	DGT		
35	Khu dân cư thôn Đức Thành, xã Hoàng Cát (Mặt bằng QX2, dự án tạo nguồn cho dự án đường Quỳ - Xuyên)	2,53	ONT	Hoàng Cát	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,63	DGT		
36	Khu dân cư Đoàn Thôn, xã Hoàng Xuyên (Mặt bằng QX3, dự án tạo nguồn cho dự án đường Quỳ - Xuyên)	2,32	ONT	Hoàng Xuyên	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,58	DGT		
37	Khu dân cư thôn Đình Bảng, xã Hoàng Lộc để thực hiện dự án Trung tâm Văn hóa- Thể dục thể thao khu vực Đông Nam (giai đoạn 2)	1,48	ONT	Hoàng Lộc	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,37	DGT		
38	Khu tái định cư để thực hiện đường Ven Biển qua huyện Hoàng Hóa	0,30	ONT	Hoàng Phong	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
40	Khu tái định cư để thực hiện đường Ven Biển qua huyện Hoàng Hóa	0,30	ONT	Hoàng Châu	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
40	Khu tái định cư để thực hiện đường Ven Biển qua huyện Hoàng Hóa	0,30	ONT	Hoàng Ngọc	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
41	Khu tái định cư để thực hiện đường Ven Biển qua huyện Hoàng Hóa	0,40	ONT	Hoàng Yên	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

42	Khu dân cư nông thôn (tái định cư cụm công nghiệp Hoàng Phụ)	0,85	ONT	Hoàng Phụ	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,21	DGT		
43	Khu tái định cư khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến tại xã Hoàng Trường	1,00	ONT	Hoàng Trường	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
44	Khu tái định cư đường giao thông đến khu du lịch Hải Tiến (đường 22m)	2,05	ONT	Hoàng Thanh	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,51	DGT		
45	Khu dân cư Phú - Quý	0,21	ONT	Hoàng Quý	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,72	ONT	Hoàng Phú	Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 26/04/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
46	Khu dân cư thương mại và Chợ vực Lightland	0,22	DGT	Hoàng Tiến	Nghị quyết số 329/NQ-HĐND ngày 21/09/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		5,23	ONT	Hoàng Ngọc	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa; NQ 329/NQ-HĐND ngày 21/9/2020
47	Khu đô thị Bắc Sông Mã	8,50	ONT	Hoàng Lộc	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		2,12	DGT		
48	Dự án khai thác đất ở, đất dịch vụ thương mại của công ty cổ phần Việt Thanh VNC	11,12	ONT	Hoàng Đồng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		2,78	DGT		
49	Khu dân cư nông thôn	1,12	ONT	Hoàng Xuân	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,28	DGT		
50	Khu dân cư nông thôn	0,97	ONT	Hoàng Kim	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
51	Khu dân cư nông thôn	1,08	ONT	Hoàng Kim	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		0,24	DGT		
52	Khu dân cư nông thôn	1,16	ONT	Hoàng Xuyên	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,29	DGT		
53	Khu dân cư nông thôn	1,10	ONT	Hoàng Cát	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,28	DGT		
54	Khu dân cư nông thôn	0,60	ONT	Hoàng Đức	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
55	Khu dân cư nông thôn	1,60	ONT	Hoàng Đức	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,40	DGT		
56	Khu dân cư nông thôn	0,40	ONT	Hoàng Hà	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
57	Khu dân cư nông thôn	2,00	ONT	Hoàng Thắng	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,50	DGT		
58	Khu dân cư nông thôn	1,20	ONT	Hoàng Thắng	Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,30	DGT		
59	Khu dân cư nông thôn	0,89	ONT	Hoàng Đạo	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
60	Khu dân cư nông thôn	0,20	ONT	Hoàng Thịnh	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

					tỉnh Thanh Hóa
61	Khu dân cư nông thôn	2,00	ONT	Hoàng Lộc	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		0,45	DGT		
62	Khu dân cư nông thôn	0,50	ONT	Hoàng Thành	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
63	Khu dân cư nông thôn	0,50	ONT	Hoàng Ngọc	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
64	Khu dân cư nông thôn	2,18	ONT	Hoàng Yên	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa + Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,54	DGT		
65	Khu dân cư nông thôn	0,80	ONT	Hoàng Tiến	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,20	DGT		
66	Khu dân cư nông thôn	2,40	ONT	Hoàng Hải	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,60	DGT		
67	Khu dân cư nông thôn	0,73	ONT	Hoàng Trường	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa (1,73 ha đã thực hiện 1 ha còn lại 0.73ha)
68	Khu dân cư nông thôn	1,17	ONT	Hoàng Đông	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,29	DGT		
69	Khu dân cư nông thôn	0,94	ONT	Hoàng Phụ	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
70	Khu dân cư nông thôn	1,60	ONT	Hoàng Phụ	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,40	DGT		
71	Khu dân cư Thôn Thanh Xuân, xã Hoàng Hải để thực hiện dự án: Đường giao thông nối từ đường Gòong - Hải Tiến (trước đền Tô Hiến Thành) đến khu dãy núi Linh Trường, xã Hoàng Trường (đoạn từ công đền Tô Hiến Thành đến đường DH.HH-13)	1,36	ONT	Hoàng Hải	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,34	DGT		
72	Lập mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Hoàng Trì 2, xã Hoàng Thắng và thôn 6, xã Hoàng Thành, huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng số 01 - QL)	2,01	ONT	Hoàng Thắng; Hoàng Thành	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,50	DGT		
73	Lập mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Hoàng Trì 2, xã Hoàng Thắng và thôn 6, xã Hoàng Thành, huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng số 02 - QL)	2,44	ONT	Hoàng Thắng; Hoàng Thành	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,61	DGT		
74	Lập mặt bằng phân lô đất ở tại thôn 6, xã Hoàng Thành, huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng số 03 - QL)	1,65	ONT	Hoàng Thành	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,41	DGT		
75	Lập mặt bằng phân lô đất ở tại thôn 6, xã Hoàng Thành, huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng số 04 - QL)	1,95	ONT	Hoàng Thành	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,49	DGT		
76	Lập mặt bằng phân lô đất ở tại thôn 9, xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng số 06 - QL)	2,40	ONT	Hoàng Thịnh	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,60	DGT		
77	Khu dân cư nông thôn Hoàng Xuân	3,820	ONT	Hoàng Xuân	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

		0,96	DGT		17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
78	Khu dân nông thôn Hoằng Đồng	2,26	ONT	Hoằng Đồng	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,57	DGT		
79	Khu dân nông thôn Hoằng Thái	4,00	ONT	Hoằng Thái	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		1,00	DGT		
80	Khu dân cư nông thôn Hoằng Lộc	2,80	ONT	Hoằng Lộc	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,70	DGT		
81	Khu dân nông thôn Hoằng Phong	2,00	ONT	Hoằng Phong	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,50	DGT		
82	Khu dân cư nông thôn Hoằng Lưu	3,74	ONT	Hoằng Lưu	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,94	DGT		
83	Khu dân nông thôn Hoằng Châu	2,40	ONT	Hoằng Châu	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,60	DGT		
84	Khu dân nông thôn Hoằng Tiến	0,60	ONT	Hoằng Tiến	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa

*** Đất ở tại đô thị**

Nhu cầu của huyện đề xuất trong năm 2021 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 15. Kế hoạch sử dụng đất ở đô thị năm 2021

STT	Hạng mục	Tăng thêm		Địa điểm	Cơ sở pháp lý
1	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất để làm đường Thịnh Đông, trên địa bàn TT Bút Sơn (Mặt bằng 02)	1,43	ODT	TT Bút Sơn	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		0,96	TMD		
		1,91	DGT		
2	Dự án khu tái định cư và đầu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Bút Sơn (trước là Hoằng Vinh) để thực hiện dự án Mở rộng đường giao thông từ ngã tư Hoằng Đức (trước là Hoằng Minh) đi ngã tư Gòong, TT Bút Sơn	4,75	ODT	TT Bút Sơn	Nghị Quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh
		1,08	DGT		
3	Khu dân cư đô thị	0,50	ODT	TT Bút Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
4	Khu dân cư đô thị	0,52	ODT	TT Bút Sơn	Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
5	Khu dân cư đô thị	1,22	ODT	TT Bút Sơn	Nghị quyết 230/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,30	DGT		
4	Khu dân cư đô thị	6,10	ODT	TT Bút Sơn	Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
		1,53	DGT		
7	Khu dân cư thôn Phú Vinh, thị trấn Bút Sơn để thực hiện dự án đường từ QL 1A đi ngã tư Gòong (giai đoạn 2)	3,32	ODT	TT Bút Sơn	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		0,83	DGT		
8	Khu dân cư thôn Phú Vinh Tây, thị trấn Bút Sơn (quỹ đất đầu giá quyền sử dụng đất để làm	7,98	ODT	TT Bút Sơn	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		2,00	DGT		

Thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

	đường từ QL 10 đi Khu du lịch Hải Tiến - giai đoạn 1 và đường từ QL 1A đến QL 45)				
9	Lập mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Phú Vinh, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng số 05 - QL)	4,96	ODT	TT Bút Sơn	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
		1,24	DGT		

*** Đất thương mại dịch vụ:**

- Cần 38,93 ha để sử dụng vào mục đích đất thương mại, dịch vụ để thực hiện các dự án:

Bảng 16. Kế hoạch sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2021

STT	Hạng mục	Tăng thêm	Địa điểm
1	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Vinh (TT Bút Sơn)	0,15	TT Bút Sơn
2	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Lan Chi tại xã Hoàng Vinh của Công ty TNHH Lan Chi Busine.ss Hà Nam	0,11	TT Bút Sơn
3	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,12	TT Bút Sơn
4	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,16	TT Bút Sơn
5	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,30	Hoàng Kim
6	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,30	Hoàng Kim
7	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,20	Hoàng Kim
8	Khu kinh doanh ăn uống, vui chơi giải trí và dịch vụ thương mại tổng hợp Hoàng Kim	0,55	Hoàng Kim
9	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,26	Hoàng Kim
10	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,40	Hoàng Trinh
11	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,09	Hoàng Phú
12	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,92	Hoàng Phú
13	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,50	Hoàng Quý
14	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	0,60	Hoàng Cát
15	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	0,81	Hoàng Cát
29	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	0,31	Hoàng Cát
17	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	2,25	Hoàng Thắng
18	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	1,00	Hoàng Thắng
19	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	1,00	Hoàng Thắng
20	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	0,30	Hoàng Thắng
21	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	1,13	Hoàng Đồng
22	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,58	Hoàng Đồng
23	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	2,30	Hoàng Đồng
24	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,27	Hoàng Thịnh
25	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,90	Hoàng Thịnh
26	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	1,00	Hoàng Thịnh
27	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,42	Hoàng Thịnh
28	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,50	Hoàng Thịnh
29	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,39	Hoàng Thái
30	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,40	Hoàng Trạch
31	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,42	Hoàng Lưu
32	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,49	Hoàng Lưu
33	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,50	Hoàng Ngọc
34	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,69	Hoàng Yên
35	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,55	Hoàng Tiên
36	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,25	Hoàng Tiên
37	Khu khách sạn, nhà hàng Tuấn Linh	1,37	Hoàng Trường
38	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,98	Hoàng Trường
39	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	4,22	Hoàng Trường
40	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,04	Hoàng Đồng
41	Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,19	Hoàng Đồng
42	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	1,00	Hoàng Thanh

43	Khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp	0,02	Hoàng Thanh
44	Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng cao cấp Hải Tiến	10,00	Hoàng Phú

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:**

- Năm 2021, huyện đề xuất thực hiện những dự án sau:

Bảng 17. Kế hoạch sử dụng đất sản xuất phi nông nghiệp năm 2021

STT	Hạng mục	Tăng thêm	Địa điểm
1	Khu cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,12	TT Bút Sơn
2	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	5,00	Hoảng Xuân
3	Nhà máy sản xuất cửa gia công cơ khí và kinh doanh nông sản xuất khẩu	3,31	Hoảng Trung
4	Xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện	0,49	Hoảng Trinh
5	Xưởng cán dập tôn, thép hình, thép xây dựng	0,55	Hoảng Trinh
6	Xưởng gia công kim loại CNC	0,38	Hoảng Trinh
7	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,13	Hoảng Trinh
8	Khu đất cơ sở sản xuất, sơ chế dược liệu	0,48	Hoảng Phú
9	Xưởng sửa chữa, gia công cơ khí và máy móc thiết bị nông nghiệp	0,32	Hoảng Phú
10	Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn Châu Âu	5,00	Hoảng Quý
11	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,70	Hoảng Quý
12	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,00	Hoảng Cát
13	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,50	Hoảng Đạt
14	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,45	Hoảng Đồng
15	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,00	Hoảng Đạo
16	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,50	Hoảng Thịnh
17	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,30	Hoảng Thịnh
18	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,50	Hoảng Trạch
19	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,14	Hoảng Trạch
20	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,53	Hoảng Lưu
21	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,50	Hoảng Lưu
22	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,30	Hoảng Phú

1.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

1.3.1. Đất nông nghiệp

1). Đất trồng lúa

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất trồng lúa của huyện Hoảng Hóa dự kiến là 7.243,41 ha chiếm 35,53 % diện tích tự nhiên, thực giảm 529,52 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 7.243,41 ha;

* Chuyển giảm: 529,52 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất trồng cây lâu năm: 4,3 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 9,59 ha

- Đất quốc phòng: 0,7 ha

- Đất cụm công nghiệp: 36,07 ha

- Đất thương mại, dịch vụ: 29,27 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 22,35 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 6,83 ha
- Đất cơ sở y tế: 1,1 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 4,12 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 3,57 ha
- Đất giao thông: 247,86 ha
- Đất thủy lợi: 1,51 ha
- Đất công trình năng lượng: 3,47 ha
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,79 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 0,04 ha
- Đất ở tại nông thôn: 109,6 ha
- Đất ở tại đô thị: 28,94 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,15 ha
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 2,2 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 4,95 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 11,06 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1,05 ha

2). Đất trồng cây hàng năm khác

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 1.247,55 ha chiếm 6,12 % diện tích tự nhiên, thực giảm 76,33 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1.247,55 ha;
- * Chuyển giảm: 76,33 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,12 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 2,96 ha
 - Đất quốc phòng: 0,46 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 5,9 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,33 ha

- Đất cơ sở văn hóa: 2,16 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,4 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 1,99 ha
- Đất giao thông: 18,37 ha
- Đất thủy lợi: 0,2 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,09 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 0,2 ha
- Đất ở tại nông thôn: 28,42 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,21 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 1 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 2,65 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 5,9 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,53 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 1,44 ha

3). Đất trồng cây lâu năm

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 904,91 ha chiếm 4,44 % diện tích tự nhiên, thực giảm 27,87 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 900,49 ha;
- * Chu chuyển tăng: 4,42 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 4,3 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,12 ha
- * Chu chuyển giảm: 32,29 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,9 ha
 - Đất nông nghiệp khác: 7,38 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,33 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2,3 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,59 ha
 - Đất giao thông: 3,65 ha

- Đất công trình năng lượng: 0,01 ha
- Đất ở tại nông thôn: 16,63 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,3 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,02 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,18 ha

4). Đất rừng phòng hộ

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 146,14 ha chiếm 0,72 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

5). Đất rừng sản xuất

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất rừng sản xuất của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 1.095,72 ha chiếm 5,37 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,41 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1.095,72 ha;
- * Chuyển giảm: 0,41 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,13 ha
 - Đất giao thông: 0,26 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,02 ha

6). Đất nuôi trồng thủy sản

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 2.270,32 ha chiếm 11,14 % diện tích tự nhiên, thực giảm 10,03 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 2.259,83 ha;
- * Chuyển tăng: 10,49 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 9,59 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,9 ha
- * Chuyển giảm: 20,52 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất nông nghiệp khác: 0,18 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 2,48 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 1,25 ha

- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,54 ha
- Đất giao thông: 11,87 ha
- Đất thủy lợi: 0,02 ha
- Đất công trình năng lượng: 0,5 ha
- Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,04 ha
- Đất ở tại nông thôn: 1,38 ha
- Đất ở tại đô thị: 1,22 ha
- Đất cơ sở tôn giáo: 1 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,04 ha

7). Đất nông nghiệp khác

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất nông nghiệp khác của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 118,83 ha chiếm 0,58 % diện tích tự nhiên, thực tăng 8,27 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 108,31 ha;
- * Chu chuyển tăng: 10,52 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 2,96 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 7,38 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,18 ha
- * Chu chuyển giảm: 2,25 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,5 ha
 - Đất giao thông: 0,75 ha

1.3.2. Đất phi nông nghiệp

1). Đất quốc phòng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất quốc phòng của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 67,6 ha chiếm 0,33 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,16 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 66,44 ha;
- * Chu chuyển tăng: 1,16 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,7 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,46 ha

2). Đất an ninh

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất an ninh của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 0,94 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

3). Đất cụm công nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất cụm công nghiệp của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 101,1 ha chiếm 0,5 % diện tích tự nhiên, thực tăng 38,57 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 62,53 ha;

* Chuyển tăng: 38,57 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 36,07 ha

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,22 ha

- Đất giao thông: 1,82 ha

- Đất thủy lợi: 0,46 ha

4). Đất thương mại, dịch vụ

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất thương mại, dịch vụ của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 266,14 ha chiếm 1,31 % diện tích tự nhiên, thực tăng 39,56 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 226,26 ha;

* Chuyển tăng: 39,88 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 29,27 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 5,9 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 0,33 ha

- Đất rừng sản xuất: 0,13 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 2,48 ha

- Đất giao thông: 0,28 ha

- Đất thủy lợi: 0,11 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,98 ha

- Đất chưa sử dụng: 0,4 ha

* Chuyển giảm: 0,32 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất cụm công nghiệp: 0,22 ha

- Đất giao thông: 0,1 ha

5). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 176,16 ha chiếm 0,86 % diện tích tự nhiên, thực tăng 29 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 146,96 ha;

* Chu chuyển tăng: 29,2 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 22,35 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 2,33 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 2,3 ha

- Đất nông nghiệp khác: 1,5 ha

- Đất giao thông: 0,4 ha

- Đất thủy lợi: 0,18 ha

- Đất chưa sử dụng: 0,14 ha

* Chu chuyển giảm: 0,2 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông: 0,2 ha

6). Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 2.930,5 ha chiếm 14,37 % diện tích tự nhiên, thực tăng 318,53 ha so với năm 2020. Cụ thể các loại đất như sau:

a) Đất cơ sở văn hóa

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất cơ sở văn hóa của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 51,48 ha chiếm 0,25 % diện tích tự nhiên, thực tăng 11,32 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 39,84 ha;

* Chu chuyển tăng: 11,64 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 6,83 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 2,16 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,25 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,15 ha
- Đất giao thông: 0,25 ha
- Đất chưa sử dụng: 1 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,32 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,09 ha
 - Đất giao thông: 0,05 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,15 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,03 ha

b) Đất cơ sở y tế

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất cơ sở y tế của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 18,46 ha chiếm 0,09 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,1 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 17,36 ha;
- * Chu chuyển tăng: 1,1 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 1,1 ha

c) Đất cơ sở giáo dục và đào tạo

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 94,95 ha chiếm 0,47 % diện tích tự nhiên, thực tăng 7,21 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 87,21 ha;
- * Chu chuyển tăng: 7,74 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 4,12 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 1,4 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,59 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,77 ha
 - Đất giao thông: 0,03 ha
 - Đất thủy lợi: 0,01 ha
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,32 ha

- Đất chưa sử dụng: 0,5 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,53 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,19 ha
- Đất giao thông: 0,34 ha

d) Đất cơ sở thể dục thể thao

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất cơ sở thể dục thể thao của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 46,12 ha chiếm 0,23 % diện tích tự nhiên, thực tăng 6,05 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 39,06 ha;
- * Chu chuyển tăng: 7,06 ha, do lấy từ các loại đất:
- Đất trồng lúa: 3,57 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 1,99 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,54 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,09 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,19 ha
- Đất giao thông: 0,29 ha
- Đất thủy lợi: 0,02 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,3 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,07 ha
- * Chu chuyển giảm: 1,01 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất cơ sở văn hóa: 0,15 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,77 ha
- Đất giao thông: 0,02 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,07 ha

g) Đất giao thông

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất giao thông của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 2.120,07 ha chiếm 10,4 % diện tích tự nhiên, thực tăng 291,62 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1.824,23 ha;

* Chu chuyển tăng: 295,84 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 247,86 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 18,37 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 3,65 ha
- Đất rừng sản xuất: 0,26 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 11,87 ha
- Đất nông nghiệp khác: 0,75 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,1 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,2 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,05 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,34 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,02 ha
- Đất thủy lợi: 3,06 ha
- Đất ở tại nông thôn: 7,46 ha
- Đất ở tại đô thị: 1,29 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,24 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,01 ha
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,22 ha
- Đất chưa sử dụng: 0,09 ha

* Chu chuyển giảm: 4,22 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất cụm công nghiệp: 1,82 ha
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,28 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,4 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 0,25 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,03 ha
- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,29 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,77 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,23 ha

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,05 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,1 ha

h) Đất thủy lợi

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất thủy lợi của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 577,44 ha chiếm 2,83 % diện tích tự nhiên, thực giảm 2,87 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 575,71 ha;
- * Chu chuyển tăng: 1,73 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 1,51 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,2 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 0,02 ha
- * Chu chuyển giảm: 4,6 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất cụm công nghiệp: 0,46 ha
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,11 ha
 - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,18 ha
 - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,01 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,02 ha
 - Đất giao thông: 3,06 ha
 - Đất công trình năng lượng: 0,01 ha
 - Đất ở tại nông thôn: 0,68 ha
 - Đất ở tại đô thị: 0,05 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,02 ha

i) Đất công trình năng lượng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất công trình năng lượng của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 5,82 ha chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, thực tăng 4,08 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1,73 ha;
- * Chu chuyển tăng: 4,09 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 3,47 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,09 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 0,01 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,5 ha
- Đất thủy lợi: 0,01 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,01 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,01 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,01 ha

j) Đất công trình bưu chính, viễn thông

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 1,24 ha chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,02 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1,2 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,04 ha, do lấy từ các loại đất:
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,04 ha
- * Chu chuyển giảm: 0,02 ha, do chuyển sang các loại đất:
- Đất ở tại nông thôn: 0,02 ha

k) Đất chợ

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất chợ của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 14,92 ha chiếm 0,07 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

7). Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 6,55 ha chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,79 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 5,76 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,79 ha, do lấy từ các loại đất:
- Đất trồng lúa: 0,79 ha

8). Đất bãi thải, xử lý chất thải

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 13,07 ha chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,24 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 12,83 ha;
- * Chu chuyển tăng: 0,24 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,04 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,2 ha

9). Đất ở tại nông thôn

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất ở tại nông thôn của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 2.024,62 ha chiếm 9,93 % diện tích tự nhiên, thực tăng 150,39 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1.865,6 ha;
- * Chu chuyển tăng: 159,02 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 109,6 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 28,42 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 16,63 ha
 - Đất rừng sản xuất: 0,02 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 1,38 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,15 ha
 - Đất giao thông: 0,77 ha
 - Đất thủy lợi: 0,68 ha
 - Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,02 ha
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,94 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,05 ha
 - Đất chưa sử dụng: 0,36 ha
- * Chu chuyển giảm: 8,63 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất thương mại, dịch vụ: 0,98 ha
 - Đất giao thông: 7,46 ha
 - Đất công trình năng lượng: 0,01 ha

- Đất cơ sở tôn giáo: 0,1 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,08 ha

10). Đất ở tại đô thị

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất ở tại đô thị của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 135,15 ha chiếm 0,66 % diện tích tự nhiên, thực tăng 29,69 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 104,09 ha;
- * Chuyển tăng: 31,06 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 28,94 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 0,21 ha
 - Đất trồng cây lâu năm: 0,3 ha
 - Đất nuôi trồng thủy sản: 1,22 ha
 - Đất cơ sở văn hóa: 0,03 ha
 - Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,07 ha
 - Đất giao thông: 0,23 ha
 - Đất thủy lợi: 0,05 ha
 - Đất chưa sử dụng: 0,01 ha
- * Chuyển giảm: 1,37 ha, do chuyển sang các loại đất:
 - Đất giao thông: 1,29 ha
 - Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,08 ha

11). Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 28,07 ha chiếm 0,14 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,58 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

- * Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 26,87 ha;
- * Chuyển tăng: 1,2 ha, do lấy từ các loại đất:
 - Đất trồng lúa: 0,15 ha
 - Đất trồng cây hàng năm khác: 1 ha
 - Đất giao thông: 0,05 ha

* Chu chuyển giảm: 0,62 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,32 ha

- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,3 ha

12). Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 10,74 ha chiếm 0,05 % diện tích tự nhiên, thực tăng 2,2 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 8,54 ha;

* Chu chuyển tăng: 2,2 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 2,2 ha

13). Đất cơ sở tôn giáo

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất cơ sở tôn giáo của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 21,04 ha chiếm 0,1 % diện tích tự nhiên, thực tăng 8,7 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 12,34 ha;

* Chu chuyển tăng: 8,7 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 4,95 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 2,65 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 1 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,1 ha

14). Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 221,66 ha chiếm 1,09 % diện tích tự nhiên, thực tăng 15,83 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 204,58 ha;

* Chu chuyển tăng: 17,08 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 11,06 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 5,9 ha

- Đất giao thông: 0,1 ha

- Đất thủy lợi: 0,02 ha

* Chu chuyển giảm: 1,25 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở thể dục thể thao: 0,07 ha

- Đất giao thông: 0,24 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,94 ha

15). Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 3,16 ha chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

16). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng của huyện Hoàng Hóa dự kiến là 41,8 ha chiếm 0,21 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,65 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 40,15 ha;

* Chu chuyển tăng: 1,65 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 1,05 ha

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,53 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 0,02 ha

- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,04 ha

- Đất công trình năng lượng: 0,01 ha

17). Đất cơ sở tín ngưỡng

* Chu chuyển tăng: 1,83 ha, do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 1,44 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 0,18 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,08 ha

- Đất ở tại đô thị: 0,08 ha

- Đất chưa sử dụng: 0,05 ha

* Chu chuyển giảm: 0,06 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông: 0,01 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,05 ha

18). Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 1.028,4 ha chiếm 5,04 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,22 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 1.028,4 ha;

* Chuyển giảm: 0,22 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông: 0,22 ha

19). Đất có mặt nước chuyên dùng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 26,27 ha chiếm 0,13 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

1.3.3. Đất chưa sử dụng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất chưa sử dụng của huyện Hoằng Hóa dự kiến là 239,1 ha chiếm 1,17 % diện tích tự nhiên, thực giảm 2,55 ha so với năm 2020. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 239,1 ha;

* Chuyển giảm: 2,55 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,4 ha

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,14 ha

- Đất cơ sở văn hóa: 1 ha

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,5 ha

- Đất giao thông: 0,09 ha

- Đất ở tại nông thôn: 0,36 ha

- Đất ở tại đô thị: 0,01 ha

- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,05 ha

II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, nhu cầu sử dụng đất của các ngành nên các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2021 bao gồm:

Bảng 18: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 huyện Hoằng Hóa

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	635,89
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	515,63
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>472,54</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	73,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	24,01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,41
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	20,34
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	2,25
2	Chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp		16,88
	<i>Trong đó</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	4,30
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	9,59
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKH(a)	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKH(a)	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKH(a)	
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,99

III. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI

Do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, nhu cầu sử dụng đất của các ngành nên các loại đất cần thu hồi đất theo điều 63 Luật Đất đai năm 2013 trong năm 2021 bao gồm:

(Chi tiết kế hoạch thu hồi đất của từng xã được thể hiện trong Biểu 08/CH).

Bảng 19: Kế hoạch thu hồi đất năm 2021 huyện Hoằng Hóa

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	550,88
1.1	Đất trồng lúa	LUA	462,87
	Trong đó: đất trồng lúa nước	LUC	423,95
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	64,19
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,28
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	17,76
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,75
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	21,43
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,32
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,20
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	9,74
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	7,65
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1,37
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,62
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,25
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,06
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,22
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

* Chu chuyển giảm: 2,55 ha, do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,4 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,14 ha
- Đất cơ sở văn hóa: 1 ha
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,5 ha
- Đất giao thông: 0,09 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,36 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,01 ha
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,05 ha

(Chi tiết kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng của từng xã được thể hiện trong Biểu 09/CH).

Bảng 20: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	
	Trong đó: đất trồng lúa nước	LUC	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,55
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,40
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,14
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,59
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,36

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,01
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,05
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

V. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2021

(Được thể hiện chi tiết cụ thể trong Biểu 10/CH)

VI. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH

5.1. Cơ sở tính toán

Trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất cần phải thực hiện đầy đủ các vấn đề như: đền bù GPMB và tái định cư,...và các khoản thu chi từ đất đai được cập nhật khung pháp lý thực hiện theo các văn bản sau:

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.
- Quyết định số 3162/2014/QĐ- UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá xây dựng nhà mới đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và quy định việc xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ;

- Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2020-2024;

- Quyết định số 387/QĐ-UBND, ngày 30/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và quy định việc xác định giá trị bồi thường.

5.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Dự kiến các khoản thu: bao gồm thu từ việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, phí và lệ phí sử dụng đất,...

b. Dự kiến các khoản chi: bao gồm chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

5.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Xác định giá đất bình quân khi giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất:

- Đất trồng lúa: 50.000 đồng/ m²;
- Đất trồng cây hàng năm 50.000 đồng/ m²;
- Đất trồng cây lâu năm (đất vườn): 27.000 đồng/ m²;
- Đất nuôi trồng thủy sản (đất ao): 80.000 đồng/ m²;
- Đất ở nông thôn: 600.000 đồng/ m²;
- Đất ở đô thị: 3.000.000 đồng/ m²;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (đất TMDV, đất SXKD): 300.000 đồng/ m²;

b. Xác định các loại đất chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất có bồi thường về đất và thu tiền sử dụng đất

* Diện tích dự kiến thu hồi của các công trình, dự án:

- Đất trồng lúa: 462,87 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 64,19 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 5,03 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 17,76 ha

* Diện tích đất giao, cho thuê có thu tiền:

- Đất ở tại nông thôn: 159,02 ha
- Đất ở tại đô thị: 31,06 ha
- Đất cụm công nghiệp: 38,57 ha
- Đất thương mại dịch vụ: 39,88 ha
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 29,2 ha

c. Kết quả tính toán và cân đối thu chi của huyện được thể hiện chi tiết như sau:

Bảng 21. Cân đối thu chi trong năm kế hoạch 2021

Thứ tự	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)
I	Các khoản thu			2.208.870
1	Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	159,02	600.000	954.120
2	Thu tiền khi giao đất ở tại đô thị	31,06	3.000.000	931.800
3	Thu tiền khi giao đất cụm công nghiệp	38,57	300.000	115.710
4	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất thương mại dịch vụ	39,88	300.000	119.640
5	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh	29,20	300.000	87.600
II	Các khoản chi			272.880
1	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	462,87	50.000	231.435
2	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác	64,19	50.000	32.095
3	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	5,03	27.000	1.358
4	Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	17,76	45.000	7.992
III	Cân đối thu - chi (I - II)			1.935.990

PHẦN V

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để thực hiện tốt các giải pháp cải tạo, bảo vệ đất, bảo vệ môi trường trong thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, huyện Hoằng Hóa cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau để đảm bảo cho sự phát triển bền vững:

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế của huyện nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất.

- Hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản, tích cực làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Kết hợp nuôi trồng thủy sản trên diện tích đất có mặt nước chuyên dùng, tích cực đưa mặt nước hoang hóa vào sử dụng.

- Tăng cường công tác trồng rừng, giao đất giao rừng tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhằm bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các khu du lịch trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Tiến hành trồng cây phân tán dọc theo các tuyến kênh, mương, đường giao thông, khu đô thị, khu dân cư nông thôn nhằm tăng khả năng che phủ đất, góp phần cải tạo môi trường đô thị cũng như nông thôn.

II. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1 Giải pháp về chính sách

- Huyện Hoằng Hóa cần thực hiện cơ chế công khai các dự án đầu tư, từ lúc giao dự án đến quá trình triển khai thực hiện dự án để cộng đồng cùng kiểm tra giám sát.

- Có cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi như: cho thuê đất, giao đất thông thoáng, tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho đầu tư... để thu hút và tập hợp các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án lớn, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ và du lịch.

- Điều chỉnh các chính sách liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng nhằm thúc đẩy tiến độ bồi thường, đảm bảo dự án ít khiếu nại của người dân. Điều chỉnh giá bồi thường sát với giá thị trường, chuẩn bị trước quỹ nhà tái định cư.

- Có chính sách khuyến khích khai hoang nhằm đẩy nhanh tiến độ đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; tạo điều kiện để người dân dễ dàng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất sản xuất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Thực hiện tốt chính sách đất đai, nhà ở cho người có công, các đối tượng chính sách, đảm bảo cho người nghèo có đất canh tác và có cơ hội có nhà ở.

- Tiếp tục nghiên cứu ban hành khung điều chỉnh giá đất hợp lý, đồng thời có chính sách điều tiết sự hưởng lợi để có nguồn thu cho ngân sách, vừa đảm bảo công bằng xã hội, nhất là việc điều tiết phân chênh lệch giá đất ở khu vực do Nhà nước đầu tư hạ tầng mà đất tăng giá đảm bảo cho Nhà nước và nhân dân cùng có lợi.

- Có cơ chế tạo nguồn tài chính khả thi và bên cạnh đó cần xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn. Đối với đất giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao thực hiện xã hội hóa tất cả các công trình không bắt buộc phải do nhà nước quản lý.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa về nguồn vốn và những ưu đãi cần thiết cho các hộ chuyển quyền sử dụng đất để làm các khu du lịch, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư để các hộ này có thể làm các dịch vụ phục vụ công nhân trong các khu công nghiệp, nhất là về dịch vụ về nhà ở cho công nhân ở các cụm công nghiệp và cho người lao động ở các khu du lịch, đô thị.

- Các vùng đất xen kẹt, vùng thiếu nước...do dự án quy hoạch làm mất đi, cần đánh giá lại về khả năng canh tác cũng như năng suất, nếu không còn đủ đảm bảo sản xuất của người dân thì địa phương cần tính đến phương án chuyển đổi mô hình hoặc thu hồi đất để thực hiện các dự án phi nông nghiệp theo quy hoạch có tính khả thi, còn đối với các vị trí theo phương án quy hoạch xác định vẫn còn khả năng sản xuất, địa phương cần ưu tiên thực hiện khôi phục hệ thống nước tưới, tiêu, nguồn sinh kế khác cho vùng sản xuất lúa, cây màu còn lại.

2.2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Khuyến khích toàn xã hội và các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài đầu tư cho sản xuất kinh doanh hướng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với các mục tiêu xã hội, phát huy được tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Quản lý tốt thị trường nhà và đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo vốn từ quỹ đất góp phần giảm chi phí đầu tư vào cho các nhà sản xuất.

- Nâng cao hiệu quả đổi mới doanh nghiệp nhà nước để các doanh nghiệp nhà nước phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế của huyện. Tăng cường hỗ trợ doanh

ngành thành lập mới; khuyến khích các thành phần kinh tế nước ngoài đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

- Tăng cường quản lý và giám sát việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm để bảo toàn và phát huy đồng vốn một cách hiệu quả.

- Tăng cường công khai tài chính, ngân sách các cấp, tiếp tục đổi mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển, thực hiện đổi mới cơ cấu đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân, ngoài quốc doanh. Huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu từ thu tiền sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, đấu thầu sử dụng đất đối với cá nhân, doanh nghiệp với vốn tự có, vốn cổ phần và vốn vay ngân hàng.

- Trên cơ sở sắp xếp lại các doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp, thu lại nguồn vốn cho ngân sách Nhà nước để tái đầu tư phát triển các ngành kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện: trong nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thực hiện việc giao đất, giao rừng để đầu tư phát triển mô hình kinh tế trang trại, khu du lịch.

- Về đầu tư thiết bị công nghệ: Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp về thông tin thiết bị công nghệ, triển khai các đề tài khoa học công nghệ, tiến độ khoa học, kỹ thuật phục vụ sản xuất, hỗ trợ kinh phí đầu tư thiết bị công nghệ và có chính sách ưu đãi.

2.3. Giải pháp về tăng cường nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực cho quản lý đất đai

- Huyện cần xây dựng giải pháp và lộ trình nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất các cấp, để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý cho các cấp để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ Tài nguyên - Môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định để tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn như hiện nay.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

2.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện

Để đảm bảo quy hoạch sử dụng đất mang tính hiện thực, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và bảo vệ môi trường. Trong quá trình tổ chức thực hiện huyện Hoằng Hóa cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và các xã, thị trấn trong việc phân bổ cụ thể quỹ đất về quy mô diện tích, địa điểm và thời gian thực hiện.

Sau khi quy hoạch sử dụng đất huyện Hoằng Hóa được phê duyệt, UBND huyện tổ chức thực hiện như sau:

- Công bố công khai quy hoạch sử dụng đất đến 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2011 của huyện Hoằng Hóa tới các xã, thị trấn, các ban ngành và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng các biện pháp cụ thể để quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; tổ chức cắm mốc xác định ranh giới các công trình xây dựng, giao thông quan trọng và thông báo cho nhân dân địa phương biết để thuận lợi cho công tác quản lý.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm đưa ra các giải pháp điều chỉnh kịp thời kế hoạch sử dụng đất. Kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Xác định ranh giới trên bản đồ và công khai diện tích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải thực hiện theo hướng sử dụng có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch, thực hiện nghiêm các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xác định.

- Kế hoạch sử dụng đất từng năm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch xây dựng của các đô thị, quy hoạch thị trấn, trung tâm xã, khi lập các loại quy hoạch phải thống nhất sử dụng các loại bản đồ, số liệu hiện trạng sử dụng đất làm cơ sở cho việc quản lý sử dụng đất thống nhất, xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ.

- Phải có kế hoạch sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện dự án để tạo động lực phát triển khu vực theo dự án lớn. Các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phải

đầu tư trước một bước. Kế hoạch phát triển giao thông phải đầu tư tập trung và gắn với kế hoạch đô thị hóa.

- Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính khả thi và có cơ chế tài chính hỗ trợ nhà đầu tư trong nước thực hiện các dự án lớn.

- Công bố kế hoạch sử dụng đất cùng với quy hoạch xây dựng chi tiết và các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư của từng khu vực hoặc dự án.

- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo mục tiêu phát triển đô thị và phát triển kinh tế - xã hội bằng cách tăng cường việc phát triển quỹ đất, cung ứng cho nhà đầu tư theo kế hoạch sử dụng đất đã đề ra với nhiều phương thức (*đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án, đổi đất,...*), từng bước giảm bớt phương thức giao đất, cho thuê đất theo ranh giới đất mà nhà đầu tư đã thỏa thuận chuyển nhượng với người sử dụng đất để tránh tình trạng phát triển tự phát.

- Kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các trường hợp không có trong kế hoạch sử dụng đất.

- Khi xem xét giải quyết giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện dự án của chủ đầu tư, nhằm đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ và khả thi.

- Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường, như sản xuất kinh doanh với bảo vệ môi trường đất, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho của tổ chức và cá nhân trong quá trình quản lý sử dụng đất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai để các tổ chức và nhân dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, để sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân huyện có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ chương trình kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Phối hợp với các Sở, ngành, các huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2.5. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Huyện Hoàng Hóa cần từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch, xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ quản lý công khai công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác địa chính và quản lý đất đai, tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

Xây dựng mạng thông tin đất đai và khăn trương nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai từ tỉnh xuống đến các xã và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu

nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về quy hoạch sử dụng đất các cấp, các dự án.

Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (*viễn thám, GIS...*), nhất là các chương trình có tác dụng nâng cao năng suất - chất lượng công tác quy hoạch, giúp triển triển khai nhanh và đồng bộ về quy hoạch giữa các cấp.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn chỉnh hệ thống các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá việc sử dụng đất liên quan đến kinh tế - xã hội và môi trường.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Huyện Hoàng Hóa có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên cực kỳ ưu đãi khi Nằm ngay cửa ngõ phía Bắc thành phố Thanh Hoá, trung tâm 5 khu công nghiệp lớn của tỉnh Thanh Hoá và có con đường Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam chạy qua tạo cơ hội thuận lợi để Hoàng Hóa đẩy mạnh phát triển kinh tế, khai thác các nguồn lợi từ bên trong, giao lưu kinh tế - khoa học - văn hoá với bên ngoài đặc biệt là trong việc tiêu thụ những sản phẩm có lợi thế của huyện.

2. Kinh tế của huyện Hoàng Hóa tăng trưởng ở mức khá, nhiều chỉ tiêu ước đạt và vượt mục tiêu Đại hội nhiệm kỳ 2016-2020 đề ra. Năm 2020, tốc độ tăng giá trị sản xuất ước đạt 10,2%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần tỉ trọng ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và giảm dần tỉ trọng ngành nông nghiệp nông nghiệp

3. Quy hoạch sử dụng đất kỳ trước 2011 – 2020 và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 của huyện Hoàng Hóa đã được UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt tại quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 và Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 10/5/2019, theo đó, huyện đã triển khai thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất theo đúng tiến độ đề ra với kết quả thực hiện đất nông nghiệp đạt tỷ lệ 103,64% đất phi nông nghiệp đạt tỷ lệ 92,18%, đất chưa sử dụng đạt tỷ lệ 146,45%.

4. Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoàng Hóa được xây dựng dựa trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 của huyện và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến 2030 trên cơ sở cân đối, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của tất cả các cấp, các ngành và địa phương trên địa bàn huyện nên đảm bảo tính thống nhất, thực tiễn, đầy đủ, hợp lý và khoa học.

Theo đó: Kết quả tính toán xây dựng phương án lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, quỹ đất sử dụng của toàn huyện sẽ có những thay đổi đáng kể, trong đó: đất nông nghiệp có 10.378,48 chiếm 50,91 % tổng diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 9.927,56 ha, chiếm 48,69 % tổng diện tích tự nhiên, đất chưa sử dụng là 81,20 ha, chiếm 0,40 % tổng diện tích tự nhiên;

Đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2021: đất nông nghiệp có 13.026,88 chiếm 63,90% tổng diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 7.121,26 ha, chiếm 34,93% tổng diện tích tự nhiên, đất chưa sử dụng là 239,10 ha, chiếm 1,17 % tổng diện tích tự nhiên

5. Kết quả của phương án lập quy hoạch sử dụng đất thể hiện được chiến lược sử dụng đất của huyện trong thời kỳ từ nay đến năm 2030, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, thị trấn trên địa bàn huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

6. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoàng Hóa đã tổng hợp và cập nhật được tất cả các nghiên cứu, dự án và định

hướng phát triển của các cấp, các ngành ở cả Trung ương, tỉnh có trên địa bàn, trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai nên bảo đảm được tính thực tiễn, tính khả thi. Đồng thời phân bổ hợp lý quỹ đất hợp lý cho nhu cầu của tất cả các ngành, lĩnh vực góp phần tạo nên sự phát triển ổn định và bền vững cho huyện trên các mặt sau:

- Để đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nông nghiệp tiếp tục giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn được cân nhắc cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực và mục tiêu đô thị hoá. Các khu vực đô thị sau khi được đầu tư phát triển sẽ thực sự trở thành điểm sáng, văn minh, hiện đại, không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn tạo ra ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hoá nông thôn ở các khu vực khác, đáp ứng được mục tiêu đô thị hoá của huyện.

- Đất dành cho công nghiệp, du lịch, dịch vụ thương mại được tính theo phương án có tính khả thi cao nhất. Trong đó sẽ hình thành một số khu, cụm có quy mô tập trung, vị trí thuận lợi, bố trí đủ đất cho tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, thu hút nhiều ngành có công nghệ cao. Các trung tâm dịch vụ, các khu du lịch được phát triển với nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, phục vụ đắc lực cho các hoạt động dịch vụ, du lịch cũng như nhu cầu vui chơi, giải trí ngày càng tăng của người dân.

- Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất giao thông, thủy lợi đến quốc phòng an ninh, nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Thanh Hoá sớm tổ chức thẩm định, phê duyệt đề phương án lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hoằng Hóa để làm căn cứ cho tổ chức thực hiện.

2. Đề nghị UBND tỉnh Thanh Hoá dành cho huyện những nguồn vốn ưu tiên để thực hiện các dự án trong phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện. Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, phát huy tiềm năng nội lực, thu hút đầu tư từ bên ngoài cho thực hiện tốt phương án quy hoạch thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU